

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

# BẢN CÁO BẠCH

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011)



VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 118 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2011)

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3942 1030 Fax: 04. 3942 1032

Website: <http://www.vietinbank.vn>

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Lê Đức Thọ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 04. 3942 1457

Fax: 04. 3942 1032

Hà Nội – 7/2011

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

(Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp  
ngày 10/03/2011)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

|                      |                                                      |
|----------------------|------------------------------------------------------|
| <b>Tên cổ phiếu</b>  | <b>:Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b> |
| <b>Loại cổ phiếu</b> | <b>:Cổ phiếu phổ thông</b>                           |
| <b>Mệnh giá</b>      | <b>:10.000 đồng/cổ phần</b>                          |

**Tổng số lượng chào bán : 337.162.027 cổ phần**, trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu: 337.162.027 cổ phần với giá 10.000đ/cổ phần.

**Tổng giá trị chào bán: 3.371.620.270.000 đồng (tính theo mệnh giá)**, trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.371.620.270.000 đồng mệnh giá.

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc)

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3556 2875 Fax: 04. 3556 2874

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Công ty TNHH Ernst Young Việt Nam (E&Y)

Địa chỉ: 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3831 5100 Fax: 04. 3831 5090

# MỤC LỤC

---

|                                                                                                     |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>                                                                   | <b>8</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                          | 8         |
| 2. Rủi ro về lãi suất .....                                                                         | 9         |
| 3. Rủi ro tín dụng .....                                                                            | 10        |
| 4. Rủi ro về ngoại hối .....                                                                        | 11        |
| 5. Rủi ro về thanh khoản .....                                                                      | 11        |
| 6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng .....                                                         | 12        |
| 7. Rủi ro về luật pháp .....                                                                        | 13        |
| 8. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin .....                                                        | 13        |
| 9. Rủi ro tác nghiệp .....                                                                          | 14        |
| 10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu .....                                                             | 14        |
| 11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....                                                                  | 14        |
| 12. Rủi ro của đợt chào bán .....                                                                   | 15        |
| 13. Rủi ro của đợt chào bán .....                                                                   | 15        |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN Cáo Bạch.....</b>                    | <b>16</b> |
| 1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)..             | 16        |
| 2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSc) ..... | 16        |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>                                                                      | <b>17</b> |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....</b>                                        | <b>18</b> |
| 1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....                                                       | 18        |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                  | 20        |
| 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng.....                                              | 22        |

|              |                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 4.           | Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....                                                                                                                         | 28         |
| 5.           | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết..... | 30         |
| 6.           | Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                           | 34         |
| 7.           | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011 .....                                                                                                                                                                                | 73         |
| 8.           | Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành .....                                                                                                                                                                                               | 79         |
| 9.           | Chính sách đối với người lao động.....                                                                                                                                                                                                                              | 83         |
| 10.          | Chính sách cổ tức .....                                                                                                                                                                                                                                             | 86         |
| 11.          | Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng .....                                                                                                                                                                                               | 87         |
| 12.          | Tình hình hoạt động tài chính .....                                                                                                                                                                                                                                 | 112        |
| 13.          | Tài sản.....                                                                                                                                                                                                                                                        | 113        |
| 13.1.        | Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2010 .....                                                                                                                                                                                                 | 114        |
| 13.2.        | Tình hình quản lý và sử dụng đất .....                                                                                                                                                                                                                              | 115        |
| 14.          | Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam.....                                                                                                                                                                                                                     | 122        |
| 15.          | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank trong giai đoạn 2011-2013 như sau: .....                                                                                                                                                                                | 127        |
| 16.          | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....                                                                                                                                                                                   | 132        |
| 17.          | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết .....                                                                                                                                                | 132        |
| 18.          | Giải trình về việc Ngân hàng đã không triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Luật Doanh nghiệp.....                                                        | 133        |
| <b>V.</b>    | <b>CỔ PHIẾU CHÀO BÁN .....</b>                                                                                                                                                                                                                                      | <b>134</b> |
| <b>VI.</b>   | <b>MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>                                                                                                                                                                                                                                       | <b>139</b> |
| <b>VII.</b>  | <b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>                                                                                                                                                                                                      | <b>140</b> |
| <b>VIII.</b> | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>                                                                                                                                                                                                                  | <b>142</b> |
| <b>1.</b>    | <b>TỔ CHỨC TƯ VẤN:.....</b>                                                                                                                                                                                                                                         | <b>142</b> |

|            |                                 |            |
|------------|---------------------------------|------------|
| <b>2.</b>  | <b>TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:</b> ..... | <b>142</b> |
| <b>IX.</b> | <b>PHỤ LỤC</b> .....            | <b>143</b> |

## DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BIỂU ĐỒ

---

|          |                                                                                   |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Hình 1:  | Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 15/3/2011                                 |
| Hình 2:  | Hệ thống tổ chức                                                                  |
| Hình 3:  | Cơ cấu tổ chức chi tiết                                                           |
| Hình 4:  | Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)                                         |
| Hình 5:  | Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)                                         |
| Hình 6:  | Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2008-2010                                |
| Hình 7:  | Cơ cấu tiền gửi năm 2010 và giai đoạn 2008-2010                                   |
| Hình 8:  | Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay                                       |
| Hình 9:  | Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng thời kỳ 2008- Quý III/2011                     |
| Hình 10: | Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2010                       |
| Hình 11: | Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế                                                   |
| Hình 12: | Cơ cấu dư nợ năm 2010 theo kỳ hạn                                                 |
| Hình 13: | Cơ cấu dư nợ thời kỳ 2008 - 2010 theo loại hình DN                                |
| Hình 14: | Cơ cấu dư nợ 2010 theo loại hình DN                                               |
| Hình 15: | Tỷ lệ an toàn vốn 2007-2010                                                       |
| Hình 16: | Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2008- Quý III/2011                         |
| Hình 17: | Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa thời kỳ 2007 – Quý III/2011       |
| Hình 18: | Luỹ kế thẻ phát hành & tốc độ tăng trưởng (giai đoạn 2006 – 2010)                 |
| Hình 19: | Cơ cấu Danh mục chứng khoán đầu tư                                                |
| Hình 20: | Số dư và tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2008 –Quý III/ 2011                               |
| Hình 21: | Tăng trưởng tín dụng                                                              |
| Hình 22: | Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2007-2010                             |
| Hình 23: | Mạng lưới hoạt động của Vietinbank và các Ngân hàng khác                          |
| Hình 24: | Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của Vietinbank và các ngân hàng khác           |
| Hình 25: | Tương quan Tổng tài sản và vốn điều lệ 2010 của Vietinbank với các ngân hàng khác |
| Hình 26: | Mô hình Tập đoàn Tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam                         |
| Hình 27: | Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của Vietinbank giai đoạn 2011-2013              |
| Hình 28: | Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank giai đoạn 2011-2013                  |

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

---

|          |                                                                                                  |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bảng 1:  | Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần tại thời điểm 15/3/2011                                |
| Bảng 2:  | Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 15/03/2011                                                          |
| Bảng 3:  | Danh sách công ty con và công ty liên doanh của Vietinbank tại thời điểm 30/06/2011              |
| Bảng 4:  | Cơ cấu huy động vốn của Vietinbank                                                               |
| Bảng 5:  | Vay NHNNVN                                                                                       |
| Bảng 6:  | Tiền gửi của khách hàng                                                                          |
| Bảng 7:  | Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam                             |
| Bảng 8:  | Phân loại nợ năm 2010 và Quý III/2011                                                            |
| Bảng 9:  | Tổng hợp các dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 30/9/2011                    |
| Bảng 10: | Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động thị trường vốn                                                 |
| Bảng 11: | Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính                                             |
| Bảng 12: | Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản                                        |
| Bảng 13: | Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCTVN                                                   |
| Bảng 14: | Kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011                  |
| Bảng 15: | Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam 2011-2012                                                  |
| Bảng 16: | Phân loại lao động tại thời điểm 31/12/2010 và Quý III/2011                                      |
| Bảng 17: | Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Vietinbank                                                     |
| Bảng 18: | Tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2008-Quý III/2011 |
| Bảng 19: | Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010                                               |
| Bảng 20: | Tình hình quản lý và sử dụng đất                                                                 |
| Bảng 21: | Một số khu đất chính do Vietinbank đang sở hữu                                                   |
| Bảng 22: | Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Vietinbank 2011-2013                                        |
| Bảng 23: | Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2011-2013                                                   |
| Bảng 24: | Báo cáo thu nhập dự kiến giai đoạn 2011-2013                                                     |
| Bảng 25: | Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2010                                                          |
| Bảng 26: | Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2011                                                        |

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 - 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua. Hơn thế nữa, năm 2007 cũng là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn do việc hội nhập mang lại, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007.

Năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác của nước ta. Ở trong nước, thiên tai dịch bệnh xảy ra liên tiếp trên địa bàn cả nước cũng đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống dân cư. GDP năm 2009 chỉ tăng 5,32% trong khi tỷ lệ lạm phát ở mức 6,8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch.

Năm 2010, kinh tế thế giới đã thoát ra khỏi đáy của khủng hoảng và bắt đầu những tín hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự bền vững. Khủng hoảng nợ công tại một số nước châu Âu vẫn là mảng tối của bức tranh kinh tế thế giới. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện chính sách điều hành linh hoạt nhằm giảm bớt tác động xấu từ các yếu tố bên ngoài đến các ngành kinh tế, đồng thời đối phó với các khó khăn thách thức nội tại để đưa nền kinh tế nước ta đạt được một số thành tích cơ bản tốt hơn năm 2009: GDP tăng trưởng 6,78%, kim ngạch xuất khẩu tăng 25,5%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,3%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tăng 9,9%, đạt gần 10 tỷ USD. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng còn thấp, tiềm ẩn không ít bất trắc. Chỉ số lạm phát năm 2010 là 11,75%. Như vậy, trong vòng bốn năm qua, có tới ba năm lạm phát ở mức hai con số (năm 2007 là 12,63%; năm 2008 là

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

22,97%). Việc CPI năm 2010 lên hai con số tạo nên bão giá, khiến doanh nghiệp và người dân đều gặp khó khăn. Thiên tai, lũ lụt cũng là nguyên nhân gây ra những thiệt hại lớn về người và tài sản.

Cuối năm 2010, nền kinh tế thế giới có nhiều tín hiệu lạc quan, tuy nhiên, bước sang năm 2011, sự phát triển của các nước có nền kinh tế đang trỗi dậy tuy vẫn có sự tăng trưởng cao, trung bình 6,3 % (theo báo cáo của World Bank), nhưng vấn đề lạm phát đang có nguy cơ lan rộng mang tính toàn cầu. Tháng 5/2011 mức lạm phát của Trung Quốc tới 5,5%, mức cao kỉ lục trong 34 tháng qua. Ấn Độ và Nga đều lạm phát xấp xỉ 9%, nhiều nước khác lạm phát cao ở mức hai con số. Nguyên nhân chủ yếu là do giá cả các mặt hàng nguyên nhiên liệu thế giới tăng cao, nhất là biến động thất thường của giá xăng dầu. Trưởng ban kinh tế của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IAEA) cho rằng nếu giá xăng dầu thế giới đạt ngưỡng 120 USD/thùng, kinh tế thế giới có thể rơi vào lần suy thoái thứ hai.

Những khó khăn mới của nền kinh tế thế giới đã có những tác động bất lợi đối với nền kinh tế Việt Nam. Trước tình hình đó, năm 2011, Chính phủ đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, trong đó những biện pháp rõ nét nhất được thể hiện tại Nghị quyết 11/NQ-CP. Việc thực hiện Nghị quyết 11/NP-CP của Chính phủ đã giúp nền kinh tế sáu tháng đầu năm 2011 đạt được những kết quả tích cực: nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá với tăng trưởng GDP ước đạt 5,6%, thu ngân sách tăng, bội chi giảm, tỷ giá, thị trường ngoại hối từng bước ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng, an sinh xã hội được quan tâm...

Tuy nhiên, mức tăng GDP sáu tháng đầu năm 2011 thấp hơn cùng kỳ năm 2010 (6,16%). Lạm phát vẫn ở mức cao (sáu tháng đầu năm CPI khoảng 13%), khu vực doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn gay gắt trong sản xuất kinh doanh do mặt bằng lãi suất quá cao, khó tiếp cận với các khoản tín dụng, nhập siêu tiếp tục ở mức cao (ước khoảng 7,5 tỷ USD, bằng 18% kim ngạch xuất khẩu) gây sức ép lớn đối với tỷ giá và thị trường ngoại hối,... Công tác dự báo vẫn chưa thực sự chuẩn xác.

## 2. Rủi ro về lãi suất

Một trong những rủi ro đặc thù của ngân hàng thương mại là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất thường xảy ra khi có sự biến động lớn về lãi suất đầu vào và đầu ra, sự chênh lệch giữa các mức lãi suất huy động lớn cũng như chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động và kỳ hạn đầu tư, cho vay ra thị trường. Khi lãi suất thị trường thay đổi, những nguồn thu chính từ danh mục

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

cho vay và đầu tư chứng khoán cũng như chi phí trả lãi đối với tiền gửi và các nguồn vay của ngân hàng đều bị tác động. Những thay đổi của lãi suất thị trường có thể tác động tiêu cực tới lợi nhuận ngân hàng do làm tăng chi phí nguồn vốn, giảm thu nhập từ tài sản, hạ thấp giá trị vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Vì vậy, sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến toàn bộ bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập của ngân hàng. Nếu không có sự quan tâm thích đáng đến việc quản lý rủi ro lãi suất, không dự đoán được xu hướng biến động của lãi suất thì các ngân hàng có thể bị thiệt hại nặng nề từ loại rủi ro này, thậm chí rơi vào tình trạng thua lỗ dẫn đến phá sản.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, VietinBank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro như áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo thị trường; tham gia vào các hợp đồng hoán đổi lãi suất với nhiều đối tác nước ngoài; áp dụng chính sách lãi suất thả nổi trong nhiều hợp đồng tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất; chú trọng huy động vốn có thời hạn trên 1 năm.

### 3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện và thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình theo cam kết trong hợp đồng (cho vay, bảo lãnh, các hình thức cấp tín dụng khác) làm giảm hay mất giá trị của tài sản có. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, VietinBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro tín dụng và có điều chỉnh chính sách tín dụng từng thời kỳ như: đa dạng hóa danh mục đầu tư, ban hành toàn diện và thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình cấp và quản lý tín dụng như quy định cho vay đối với các tổ chức kinh tế; quy định cho vay tiêu dùng, quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng, quy trình cho vay vốn lưu động, quy trình cho vay dự án đầu tư, quy trình kiểm tra giám sát khoản vay, quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề, xét duyệt hạn mức tín dụng, quy định mức phán quyết tín dụng theo cấp độ. Bên cạnh đó Vietinbank còn xây dựng hệ thống tính điểm xếp hạng riêng cho từng loại khách hàng như khách hàng là công ty, khách hàng là các định chế tài chính và khách hàng cá nhân; cơ cấu tổ chức bộ máy bao gồm các bộ phận độc lập: Ban hành cơ chế chính sách, Quản lý rủi ro, quan hệ khách hàng, Quản lý nợ có vấn đề và Kiểm tra giám sát độc lập; thực hiện phân cấp quyết định tín dụng từ HĐQT đến trưởng phòng giao dịch; cảnh báo rủi ro từ các ngành hàng, các khu vực kinh tế, các doanh nghiệp, tài sản bảo đảm...; cung cấp thông tin và tư vấn cho khách hàng để giảm thiểu rủi ro trong các giao dịch thương mại.

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Đặc biệt để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong quyết định cấp và quản lý tín dụng, bên cạnh các phòng tín dụng trực tiếp cho vay khách hàng VietinBank đã xây dựng bộ máy quản lý rủi ro tín dụng từ Trụ sở chính đến mọi chi nhánh với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là thẩm định độc lập trước khi cấp tín dụng, phát hiện, phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro tín dụng. VietinBank thực hiện việc chấm điểm xếp hạng chi nhánh để xác định mức ủy quyền phán quyết cho chi nhánh, thực hiện kiểm tra nghiệp vụ hàng năm và chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ.

VietinBank kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. VietinBank đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro, mức độ rủi ro này có thể thay đổi, cập nhật thường xuyên.

## 4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng. Để quản trị rủi ro về ngoại hối, VietinBank thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống, trong đó quy định hạn mức trạng thái ngoại tệ cho từng chi nhánh, hạn mức đối tác về Hội sở chính. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống được kiểm soát và cân bằng kịp thời, đảm bảo cuối ngày trên bảng cân đối toàn hệ thống, trạng thái ngoại hối được duy trì ở mức hợp lý, an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật. Để giảm thiểu và phòng tránh rủi ro về ngoại hối, ngoài các quy định về trạng thái, hạn mức, nghiệp vụ mua bán ngoại tệ giao ngay. Hiện tại VietinBank còn áp dụng các nghiệp vụ phái sinh như kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ.

## 5. Rủi ro về thanh khoản

Thanh khoản là một mấu chốt quan trọng trong công tác cân đối và điều hòa vốn – là yếu tố sống còn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Rủi ro thanh khoản bắt nguồn từ sự không phù hợp về quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng tại thời điểm hiện tại hay trong tương lai. Mặt khác tâm lý số đông là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới rủi ro thanh khoản. Việc rút tiền hàng loạt có thể xảy ra khi thị trường kinh tế Việt Nam và thế giới có những dấu hiệu bất ổn, làm ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề thanh khoản của ngân hàng và rủi ro thanh khoản là rất lớn và thiệt hại khó lường.

Để đảm bảo tính thanh khoản, bên cạnh việc lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn hợp lý, VietinBank luôn tính toán và duy trì tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ và các quỹ dự trữ đặc biệt tại NHNN.

## 6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ tài chính được hạch toán ngoại bảng, các nghiệp vụ này (chủ yếu là nghiệp vụ bảo lãnh tài chính và giao dịch thư tín dụng) cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Đối với các nghiệp vụ bảo lãnh tài chính, rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng nhưng rủi ro thấp hơn so với hoạt động cho vay. Do đó, VietinBank đã phân loại bảo lãnh, thư tín dụng để cung cấp sản phẩm cho khách hàng và có các biện pháp giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong hợp đồng của khách hàng với đối tác. Đồng thời, việc phân cấp bảo lãnh, mở thư tín dụng cho khách hàng được thực hiện trên cơ sở thẩm định chặt chẽ như khoản vay theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.

Khi thực hiện phát hành các thư tín dụng thương mại trả ngay/trả chậm, khách hàng của VietinBank là Người mua/Nhà nhập khẩu hàng hóa và Bên thụ hưởng là Người bán/Nhà xuất khẩu hàng hóa, rủi ro phát sinh từ các giao dịch này khi Bên thụ hưởng đã hoàn thành nghĩa vụ mà khách hàng không thực hiện thanh toán. Lúc đó, Ngân hàng sẽ phải thanh toán cho Bên thụ hưởng thay cho khách hàng, nghĩa vụ phát sinh của khách hàng sẽ được thanh toán trong nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc. Để hạn chế rủi ro này, Ngân hàng đã có các biện pháp như kiểm soát chặt chẽ bộ chứng từ hàng hóa hoặc yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các giao dịch này khi cần thiết. Tỷ lệ ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị thư tín dụng phát hành tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

và có thể không thực hiện biện pháp đảm bảo trong trường hợp khách hàng có năng lực tài chính đủ mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phương án kinh doanh có khả thi.

## 7. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp cổ phần hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tài chính tiền tệ nên hoạt động của VietinBank được quản lý chặt chẽ bằng Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật và dưới luật của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản pháp luật của Nhà nước đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, do niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán nên Ngân hàng còn phải tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiểu được rất rõ vấn đề này, VietinBank đưa ra những biện pháp hạn chế rủi ro pháp luật của VietinBank như sau:

- VietinBank thiết lập một Bộ phận pháp chế có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo Ngân hàng, tư vấn cho các đơn vị và các cán bộ trong toàn hệ thống về các vấn đề có liên quan tới yếu tố pháp lý nhằm giúp cho các quyết định của Ban lãnh đạo Ngân hàng, các đơn vị và các nhân trong hệ thống tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Bộ phận pháp chế cũng có trách nhiệm nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật; hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cung cấp các văn bản pháp lý cần thiết trong toàn hệ thống.
- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao kiến thức pháp lý và kỹ năng đàm phán, thương thảo, soạn thảo Hợp đồng, giải quyết tranh chấp.
- Đối với những giao dịch có giá trị lớn hoặc phức tạp, VietinBank thường thuê các Công ty Luật có uy tín trong và ngoài nước cung cấp các dịch vụ pháp lý nhằm hỗ trợ VietinBank.

## 8. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống công nghệ thông tin góp phần giúp Ngân hàng hoạt động chuyên nghiệp, xử lý kịp thời các giao dịch, đảm bảo tính an toàn và bảo mật trong công tác quản lý dữ liệu.

Rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin là những rủi ro, thiệt hại do yếu tố kỹ thuật công nghệ, những sai sót trong quá trình vận hành hệ thống gây ra. Trong những năm qua VietinBank đã chú trọng đầu tư, không ngừng nâng cấp hệ thống và đưa ra các chính

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

sách kiểm soát bảo mật, an ninh, an toàn hệ thống dành cho nhân viên nhằm giảm thiểu những rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. VietinBank đã đưa vào sử dụng Trung tâm dự phòng thông tin. Hiện nay, VietinBank đang tiếp tục đẩy mạnh tiến độ các dự án nâng cấp công nghệ thông tin.

## 9. Rủi ro tác nghiệp

Rủi ro tác nghiệp là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người v.v. trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro tác nghiệp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công cụ quản lý. Để phòng chống rủi ro này, Vietinbank đã thực hiện chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Bên cạnh đó, các quy trình trong quản lý bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nội bộ, thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý tài sản khách hàng v.v. đã được tiêu chuẩn hóa.

## 10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của Ngân hàng được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mọi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Ngoài ra, khi Ngân hàng phát hành tăng vốn, cổ phiếu bị pha loãng, thu nhập trên một cổ phiếu giảm. Giá cổ phiếu VietinBank cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

Để giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng về giá trị nội tại và tiềm năng của cổ phiếu CTG, VietinBank đã thiết lập bộ phận chuyên trách phân tích và cung cấp thường xuyên đến nhà đầu tư những thông tin đúng và cập nhật về tình hình hoạt động, những định hướng, chiến lược của Ngân hàng thông qua nhiều kênh thông tin đại chúng. Kịp thời giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư liên quan đến hoạt động Ngân hàng và các thông tin làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.

## 11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

**Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):** trong trường hợp tất cả những yếu tố khác không đổi, với việc phát hành thêm tổng cộng 337.162.027 cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến EPS của VietinBank sau đợt phát hành giảm xuống.

**Pha loãng giá thị trường:** giá cổ phiếu sẽ điều chỉnh giảm trong ngày giao dịch không hưởng quyền. Căn cứ phương án phát hành, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được

# CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

quyền mua 0,2 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Công thức tính giá cổ phiếu bị pha loãng như sau:

$$P1 = (P0 + 10.000 \times 0,2) / (1 + 0,2)$$

Với: P0 là giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền;

P1 là giá điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

Ví dụ, giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P0 = 30.000 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

Giá điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ là:

$$P1 = (30.000 + 10.000 \times 0,2) / (1 + 0,2) = 26.700 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

## 12. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán được tính toán kỹ lưỡng căn cứ vào tình hình thị trường, giá chào bán và mục đích huy động vốn phù hợp. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến đợt chào bán là không thể loại trừ vì ngoài những lý do khách quan không thể kiểm soát như tình hình kinh tế xã hội biến động thì các yếu tố thuộc tâm lý của nhà đầu tư sẽ ảnh hưởng đến đợt chào bán chứng khoán của VietinBank. Trong trường hợp không chào bán hết, số lượng cổ phần còn lại sẽ được giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các nhà đầu tư nhưng giá bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần).

## 13. Rủi ro của đợt chào bán

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng cho hoạt động của Ngân hàng.

# NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)

Ông Phạm Huy Hùng                      Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thắng                Quyền Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Hưng                Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Lệ Nga                    Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thông lệ và thực tế tại VietinBank mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSc)

: Ông Vũ Trung Thành                Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

# CÁC KHÁI NIỆM

## III. CÁC KHÁI NIỆM

|                  |                                                                                 |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Tổ chức niêm yết | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam                               |
| NHTMCPCTVN       | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam                               |
| VietinBank       | Tên viết tắt của Ngân hàng TM Cổ phần Công thương Việt Nam                      |
| NHCTVN           | Ngân hàng Công thương Việt Nam                                                  |
| NHTMCP           | Ngân hàng Thương mại cổ phần                                                    |
| NHTMNN           | Ngân hàng Thương mại Nhà nước                                                   |
| DNVVN            | Doanh nghiệp vừa và nhỏ                                                         |
| NHTM             | Ngân hàng thương mại                                                            |
| TCTD             | Tổ chức tín dụng                                                                |
| HĐQT             | Hội đồng Quản trị                                                               |
| BKS              | Ban kiểm soát                                                                   |
| CP               | Cổ phần                                                                         |
| NHNN             | Ngân hàng Nhà nước                                                              |
| DNNN             | Doanh nghiệp nhà nước                                                           |
| ALCO             | Asset - Liability Management Committee - Ủy ban Quản Lý Tài sản Nợ - Tài sản Có |
| ATM              | Automated Teller Machine - Máy rút tiền tự động                                 |
| CĐ               | Cổ đông                                                                         |
| AML              | Anti-Money Laundering – Chống rửa tiền                                          |

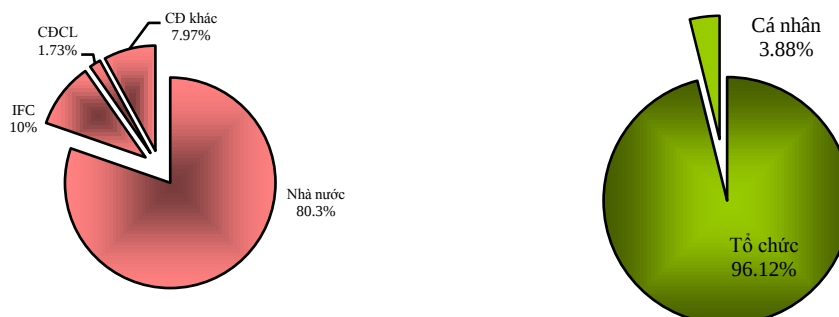
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên gọi doanh nghiệp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
- Tên giao dịch đối ngoại: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE
- Tên viết tắt: VIETINBANK
- Logo 
- Địa chỉ doanh nghiệp: Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 84.4. 3942 1030 Fax: 84.4. 3942 1032
- Website: <http://www.vietinbank.vn>
- Slogan: Nâng giá trị cuộc sống
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số 142/GP-NHNN của NHNN cấp ngày 03 tháng 07 năm 2009;
- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011;
- Vốn điều lệ hiện tại: 16.858.101.340.000 đồng, trong đó:

**Hình 1: Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 15/03/2011**



Nguồn: Vietinbank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng bao gồm:
  - ✓ Huy động vốn: Hoạt động huy động vốn bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng bằng nội và ngoại tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kỳ phiếu, và các giấy tờ có giá khác để huy động nguồn vốn, vay từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài, vay từ NHNN, và các hình thức vay vốn khác theo quy định của NHNN.
  - ✓ Hoạt động tín dụng: Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh chính của VietinBank. Các hoạt động tín dụng của VietinBank bao gồm cấp vốn vay bằng nội và ngoại tệ, bảo lãnh, chiết khấu, cho thuê tài chính, và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
  - ✓ Hoạt động đầu tư: Các hoạt động đầu tư của VietinBank được thực hiện thông qua việc tích cực tham gia vào thị trường liên ngân hàng và thị trường vốn. Tài sản đầu tư bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHNN, Công trái xây dựng Tổ quốc, Trái phiếu giáo dục, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. Ngoài ra VietinBank còn góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp trong và ngoài nước và góp vốn liên doanh với các tổ chức nước ngoài.
  - ✓ Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: VietinBank tập trung cung cấp dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng, bao gồm thanh toán trong nước và quốc tế, thu chi hộ khách hàng, thu chi bằng tiền mặt và séc.
  - ✓ Các hoạt động khác: Bên cạnh các dịch vụ kinh doanh chính, VietinBank cung cấp một số dịch vụ bổ sung cho khách hàng bao gồm các hoạt động trên thị trường tiền tệ, kinh doanh giấy tờ có giá bằng VND và ngoại tệ, chuyển tiền trong nước và quốc tế, chuyển tiền kiều hối, kinh doanh vàng và ngoại hối, các hoạt động đại lý và ủy thác, bảo hiểm, các hoạt động chứng khoán thông qua các công ty con, dịch vụ tư vấn tài chính, dịch vụ quản lý vốn, dịch vụ thấu chi, dịch vụ thẻ, gửi và giữ tài sản, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, dịch vụ ngân hàng qua điện thoại, dịch vụ ngân hàng điện tử, v.v.
  - ✓ Sản phẩm và dịch vụ cung cấp
    - Cho vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và đầu tư
    - Dịch vụ huy động tiền gửi dân cư (ngắn, trung, dài hạn)

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài nước
- Dịch vụ chứng khoán
- Dịch vụ mở và sử dụng tài khoản
- Dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu
- Các dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước
- Dịch vụ tư vấn tài chính tiền tệ
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- Dịch vụ chiết khấu và tái chiết khấu
- Dịch vụ ngân hàng điện tử Internet Banking, Phone Banking, Mobile Banking và SMS Banking
- Dịch vụ thẻ (thẻ tín dụng quốc tế, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước)
- Dịch vụ chuyển tiền kiều hối
- Dịch vụ bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Dịch vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh
- Cho thuê tài chính
- Hoạt động ngân hàng đại lý
- Các dịch vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Ngân hàng.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank), tiền thân là Ngân hàng Công thương Việt Nam, được thành lập dưới tên gọi Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26 tháng 03 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy NHNNVN và chính thức được đổi tên thành “*Ngân hàng Công thương Việt Nam*” theo quyết định số 402/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 14 tháng 11 năm 1990.

Ngày 27 tháng 03 năm 1993, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 về việc thành lập NHCTVN thuộc NHNNVN. Ngày 21 tháng 09 năm 1996, được sự ủy quyền của

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 về việc thành lập lại NHCTVN theo mô hình Tổng Công ty Nhà nước được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 1994 của Thủ tướng Chính Phủ.

Ngày 23 tháng 09 năm 2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký quyết định 1354/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 02 tháng 11 năm 2008, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng Công thương tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần.

Ngày 03/07/2009, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 14/GP-NHNN thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. NHTMCP Công thương Việt Nam chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp ngày 03/07/2009.

Ngày 16/7/2009 cổ phiếu của VietinBank chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là CTG.

Năm 2010 VietinBank đã đạt được những kết quả khả quan, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, ổn định nền kinh tế, tích cực thực thi các giải pháp chỉ đạo của Chính phủ, chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, phát huy vai trò của một ngân hàng thương mại chủ đạo và chủ lực của Việt Nam: Tổng tài sản tăng 51%, tổng nguồn vốn huy động tăng 54%, tổng đầu tư, cho vay nền kinh tế tăng 52% , trong đó tổng dư nợ cho vay nền kinh tế tăng 43,5%, nợ xấu ở mức 0,6%, lợi nhuận trước thuế tăng 36% so với năm trước.

Ngân hàng hiện tại có quan hệ đại lý với hơn 900 ngân hàng, định chế tài chính tại trên 90 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Năm 2010, Vietinbank cũng đã thành lập 01 Văn phòng đại diện tại Frankfurt, tạo tiền đề cho việc xúc tiến thành lập 2 chi nhánh tại Frankfurt và Berlin (Đức) trong năm 2011.

Trải qua 23 năm xây dựng và phát triển đến nay, VietinBank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với mạng lưới hoạt động được phân bố rộng khắp tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đến 31/09/2011, hệ thống mạng lưới của VietinBank bao gồm 01 Hội sở chính; 01 Sở Giao dịch; 150 chi nhánh, 941 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm; 1.829 máy rút

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

tiền tự động (ATM); 03 Văn phòng đại diện; và 06 Công ty con bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính VietinBank, Công ty CP Chứng khoán VietinBank (VietinBankSc), Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản VietinBank, Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm VietinBank, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ VietinBank, Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý VietinBank; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, NHCT còn góp vốn liên doanh vào Ngân hàng Indovina và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva, góp vốn vào 08 công ty trong đó có Công ty cổ phần Chuyển mạch Tài chính quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương, Công ty CP Thép Thái Nguyên v.v.

## Quá trình tăng vốn của VietinBank

10/2010

Ngân hàng Công thương đã hoàn thành việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm quyền mua cho CDHH theo GCN số 651/UBCK-GCN ngày 24/8/2010. Trong đó, số cổ phiếu trả cổ tức là 76.848.603 cổ phiếu, số cổ phiếu chàn bán cho CDHH là 315.083.238 cổ phiếu. Đồng thời, Ngân hàng Công thương Việt Nam cũng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới với số vốn điều lệ là 15.172.291.210.000 đồng

03/2011

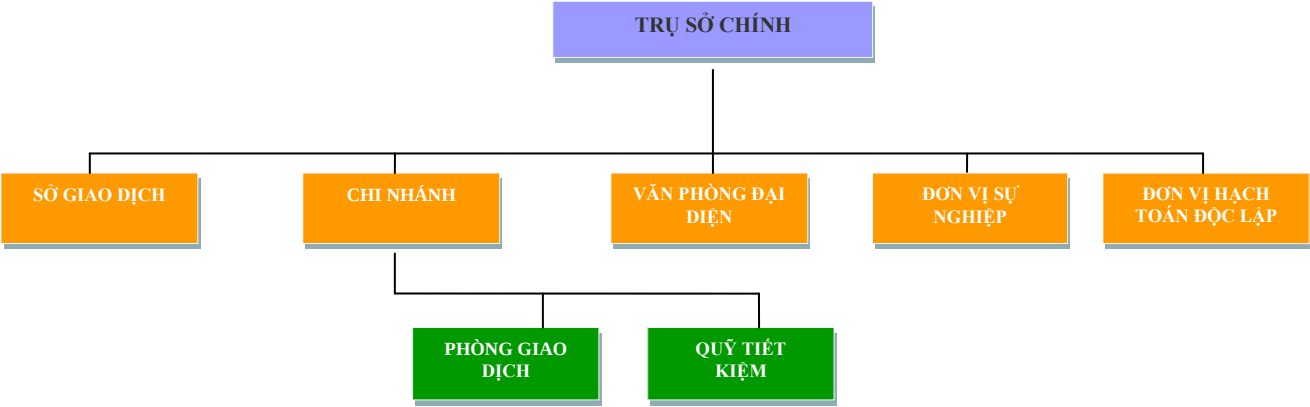
Ngày 10/03/2011, VietinBank hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC với tổng số cổ phần chào bán là 168.581.013 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau đợt phát hành là 16.858.101.340.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp cùng ngày.

## 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

### 3.1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

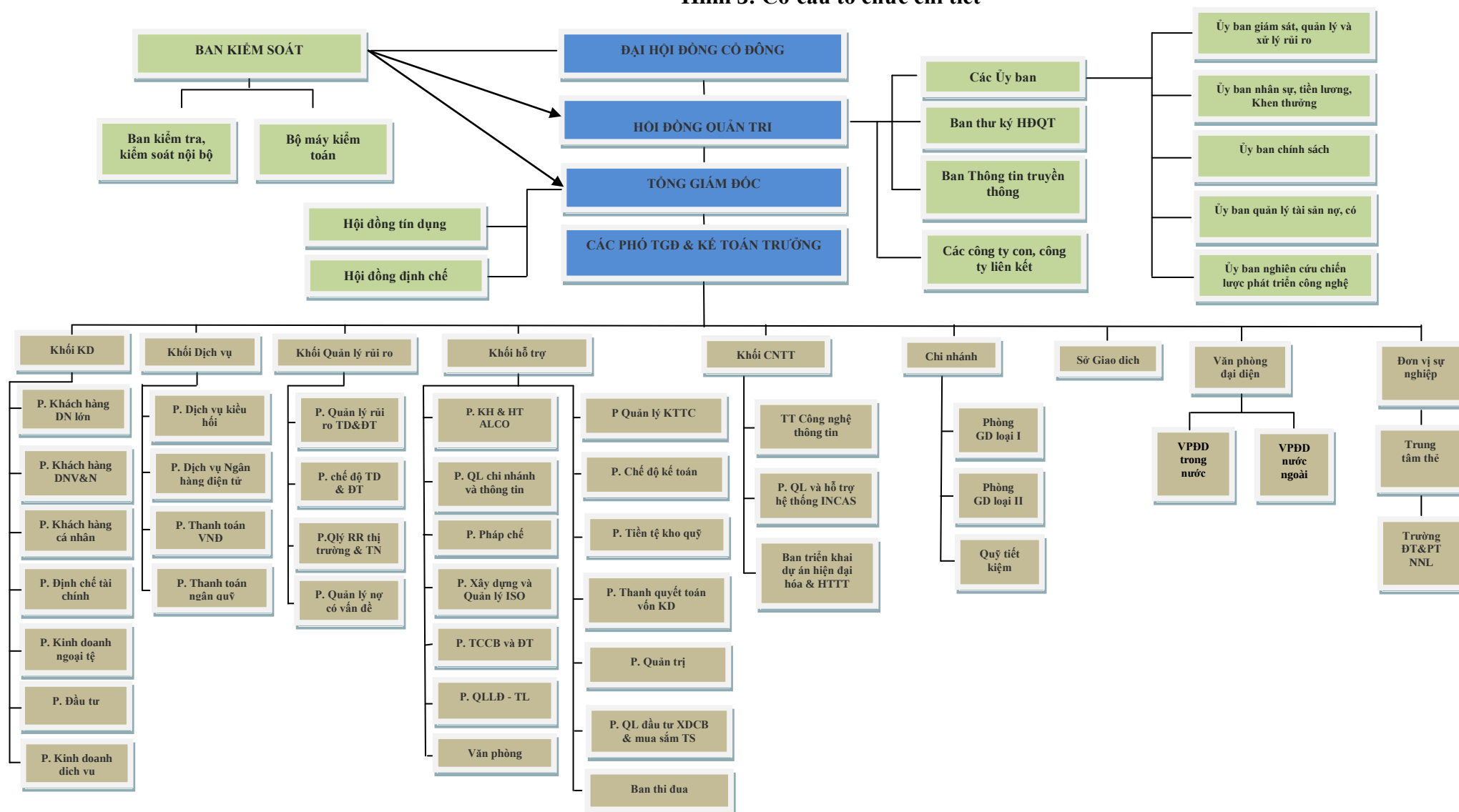
Hình 2: Hệ thống tổ chức



(Nguồn: VietinBank)

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của NHTMCP Công thương Việt Nam

Hình 3: Cơ cấu tổ chức chi tiết



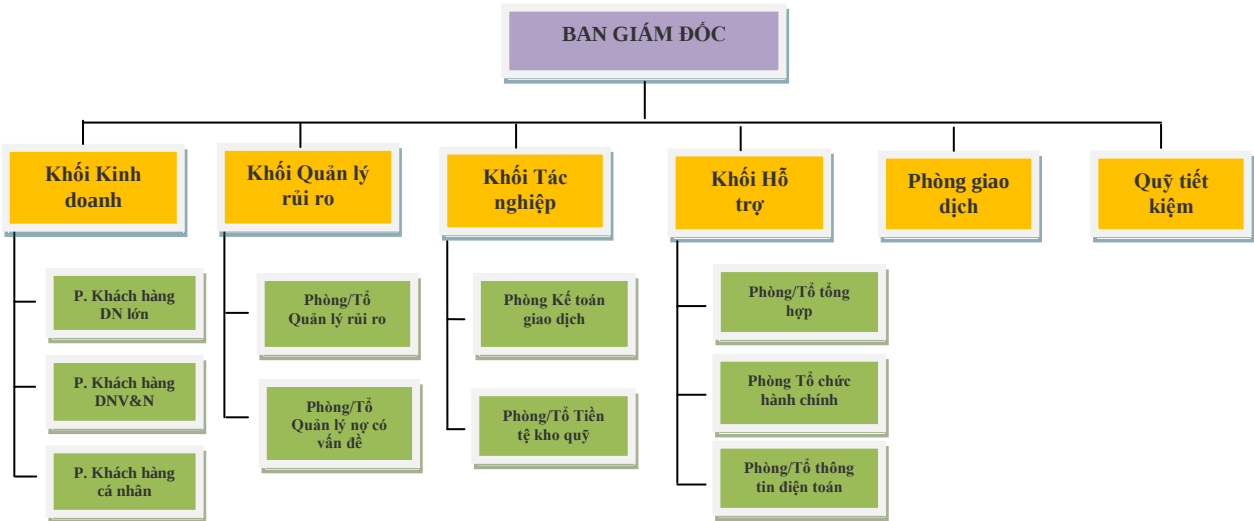
**Ghi chú:** —————> Quan hệ giám sát

Nguồn: Vietinbank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

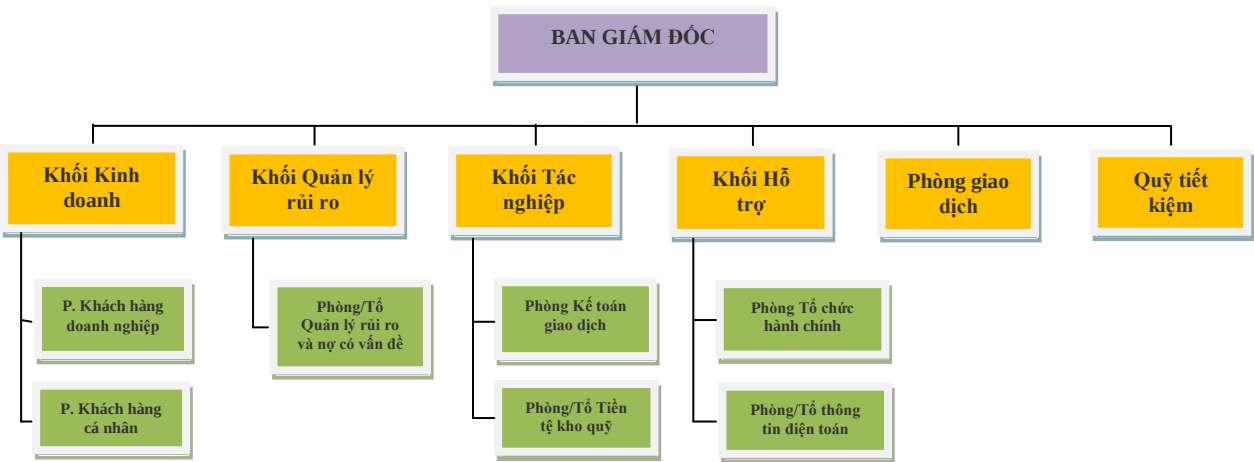
Các chi nhánh của NHCT được cơ cấu theo hai mô hình tổ chức sau:

**Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)**



*Nguồn: Vietinbank*

**Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)**



*Nguồn: VietinBank*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Vietinbank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

## Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Ngân hàng, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

- Ông Phạm Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Thắng - Ủy viên HĐQT
- Bà Phạm Thị Hoàng Tâm - Ủy viên HĐQT
- Ông Trần Xuân Châu - Ủy viên HĐQT
- Bà Đỗ Thị Thủy - Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Hồng Vân - Ủy viên HĐQT
- Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Ủy viên HĐQT
- Ông Michael Knight Ipson - Ủy viên HĐQT

Trực thuộc HĐQT có các ủy ban:

- Ủy ban giám sát và quản lý rủi ro
- Ủy ban nhân sự, tiền lương, thưởng
- Ủy ban Tài sản Nợ - Có
- Ủy ban chính sách
- Ủy ban nghiên cứu chiến lược phát triển công nghệ

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## Ban Điều hành

Ban Điều hành bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NH NHVN. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại như sau:

- Ông Nguyễn Văn Thắng - Quyền Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Mạnh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Du - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Bà Bùi Như Ý - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Đức Thọ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Võ Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hoàng Dũng - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Hưng - Kế toán trưởng

## Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

- Bà Trần Thị Lệ Nga - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thơm - Ủy viên
- Bà Phan Thị Quý - Ủy viên

## Các bộ phận trực thuộc hội sở chính

- **Hội đồng tín dụng:** Quyết định cấp giới hạn tín dụng, khoản tín dụng có giá trị lớn; Xem xét nhất trí và trình HĐQT thông qua với những khoản vay và tổng khoản vay lớn; Quyết định định hướng ngành hàng mục tiêu, nhóm khách hàng mục tiêu, nhóm khách hàng có khả năng tăng trưởng tín dụng, nhóm khách hàng cần hạn chế tăng trưởng tín dụng của VietinBank; Quyết định điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí xác định nhóm khách hàng; Quyết định các vấn đề phức tạp khác có liên quan tới hoạt động tín dụng; Đề xuất để Tổng giám đốc trình HĐQT quyết định thông qua tỷ lệ tăng trưởng,

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

cơ cấu tín dụng hàng năm của VietinBank. Hội đồng tín dụng bao gồm Hội đồng tín dụng trụ sở chính và hội đồng tín dụng cơ sở.

- **Hội đồng định chế:** Chức năng về đối ngoại và quan hệ hợp tác, bán sản phẩm dịch vụ của VietinBank cho các định chế tài chính trong và ngoài nước và tạo ra lợi nhuận. Nhiệm vụ chi tiết bao gồm: Phát triển quan hệ đối ngoại và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với một số định chế trong và ngoài nước; Phân tích, đánh giá thẩm định năng lực tài chính và hoạt động kinh doanh của các Định chế tài chính, định hạn mức tài trợ thương mại, đầu tư tiền gửi ở nước ngoài...; Tham gia ý kiến trong việc phát hành, bảo lãnh, tái bảo lãnh, xác nhận L/C; Phân tích, đánh giá tình hình kinh tế tài chính tiền tệ các nước; Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiên cứu việc đóng mở tài khoản NOSTRO, Xây dựng biểu phí ngoại tệ; Phát triển mở rộng dịch vụ chi trả kiều hối, séc du lịch, kinh doanh ngoại tệ mặt...; Xây dựng và bảo vệ kế hoạch cho vay trả nợ nước ngoài với NHNN; Tiếp cận Bộ Tài chính, NHNN và các tổ chức quốc tế để làm ngân hàng phục vụ dự án ODA; Cung cấp thông tin cần thiết về thị trường tài chính tiền tệ, kinh tế thế giới; Soạn thảo phát hành báo cáo thường niên; Sửa đổi bổ sung ban hành mới danh sách chữ ký ủy quyền của VietinBank.
- **Các Khối nghiệp vụ,** bao gồm:
  - ✓ **Khối kinh doanh và khối dịch vụ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ trực tiếp kinh doanh, tạo lợi nhuận cho Ngân hàng.
  - ✓ **Khối quản lý rủi ro:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng (Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tác nghiệp...)
  - ✓ **Khối hỗ trợ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
  - ✓ **Khối Công nghệ Thông tin:** Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tin học để phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển hoạt động kinh doanh, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động chính xác, liên tục, thông suốt và an toàn.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông
- 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của VietinBank

Đơn vị: đồng

| Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/3/2011 |                                         |               |                    |         |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------|--------------------|---------|
| TT                                                                        | Cổ đông lớn                             | Số cổ phần    | Giá trị (đồng)     | (%)     |
| 1                                                                         | Cổ đông Nhà nước                        | 1.353.808.479 | 13.538.084.790.000 | 80,306% |
| 2                                                                         | Quỹ đầu tư cấp vốn<br>(Vốn cổ phần) IFC | 113.295.299   | 1.132.952.990.000  | 6,721%  |

Nguồn: VietinBank

**Ghi chú:**

Theo Công văn số 563/TTg-KTTH ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại NHTMCP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước, cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Ngân hàng TMCP CTVN và thực hiện mua phần vốn phát hành cho cổ đông Nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 3813/VPCP-KTTH ngày 09/6/2011 của Văn Phòng Chính phủ.

- 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có
- 4.3. Cơ cấu cổ đông của Vietinbank tại thời điểm 15/03/2011

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 15/3/2010

| TT                                | Cổ đông                                                                       | Số lượng<br>CP       | Giá trị (VND)             | Tỷ lệ         |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------|
| <b>Phân theo tính chất sở hữu</b> |                                                                               |                      |                           |               |
| 1                                 | Cổ đông Nhà nước                                                              | 1.353.808.479        | 13.538.084.790.000        | 80,306%       |
| 2                                 | Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC)                                               | 55.285.714           | 552.857.140.000           | 3,279%        |
| 3                                 | Quỹ đầu tư cấp vốn (Vốn cổ<br>phần) IFC                                       | 113.295.299          | 1.132.952.990.000         | 6,721%        |
| 4                                 | Nhà đầu tư chiến lược                                                         | 29.175.616           | 291.756.160.000           | 1,731%        |
| 5                                 | Cổ đông bên ngoài                                                             | 134.245.026          | 1.342.450.260.000         | 7,963%        |
|                                   | <b>Tổng cộng</b>                                                              | <b>1.685.810.134</b> | <b>16.858.101.340.000</b> | <b>100%</b>   |
| <b>Phân theo loại hình sở hữu</b> |                                                                               |                      |                           |               |
| <b>1</b>                          | <b>Tổ chức</b>                                                                | <b>1.620.400.996</b> | <b>16.204.009.960.000</b> | <b>96,12%</b> |
| a                                 | Trong nước                                                                    | 1.423.311.386        | 14.233.113.860.000        | 84,43%        |
| b                                 | Nước ngoài                                                                    | 197.089.610          | 1.970.896.100.000         | 11,69%        |
| <b>2</b>                          | <b>Cá nhân</b>                                                                | <b>65.409.138</b>    | <b>654.091.380.000</b>    | <b>3,88%</b>  |
| a                                 | Trong nước                                                                    | 65.010.573           | 650.105.730.000           | 3,86%         |
| b                                 | Nước ngoài                                                                    | 398.565              | 3.985.650.000             | 0,02%         |
|                                   | <b>Tổng</b>                                                                   | <b>1.685.810.134</b> | <b>16.858.101.340.000</b> | <b>100%</b>   |
| <b>Phân theo loại cổ phiếu</b>    |                                                                               |                      |                           |               |
| 1                                 | Cổ phiếu của Nhà nước                                                         | 1.353.808.479        | 13.538.084.790.000        | 80,306%       |
| 2                                 | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng<br>của Tổ chức tài chính Quốc tế<br>(IFC)      | 55.285.714           | 552.857.140.000           | 3,279%        |
| 3                                 | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng<br>của Quỹ đầu tư cấp vốn (Vốn cổ<br>phần) IFC | 113.295.299          | 1.132.952.990.000         | 6,721%        |
| 4                                 | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng<br>của Nhà đầu tư chiến lược                   | 20.324.580           | 203.245.800.000           | 1,206%        |
| 5                                 | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng<br>của Công đoàn                               | 26.800.000           | 268.000.000.000           | 1,590%        |
| 6                                 | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng<br>của CĐ nội bộ                               | 194.301              | 19.430.100.000            | 0,012%        |
| 7                                 | Cổ phiếu tự do chuyển nhượng                                                  | 116.101.761          | 268.000.000.002           | 6,887%        |
|                                   | <b>Tổng</b>                                                                   | <b>1.685.810.134</b> | <b>16.858.101.340.000</b> | <b>100%</b>   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

5.1. **Công ty con và công ty liên doanh**

Bên cạnh các hoạt động chính của một ngân hàng thương mại, NHCT còn thực hiện các hoạt động khác như đầu tư vào các công ty con và Công ty liên doanh, liên kết. Đến 31/9/2011, NHCT đã góp vốn vào 05 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 100% vốn điều lệ, 01 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 75,6% vốn điều lệ và 02 công ty liên doanh với tỷ lệ 50%.

**Bảng 3: Danh sách công ty con và công ty liên doanh của VietinBank tại thời điểm 30/9/2011**

| STT | Tên                                                                       | Sở hữu của Vietinbank (%) | Vốn điều lệ   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|
| 1   | Công ty TNHH một thành viên Cho thuê tài chính NH TMCP CT VN              | 100                       | 500 tỷ đồng   |
| 2   | Công ty CP Chứng khoán NH TMCP CT VN                                      | 75,6                      | 790 tỷ đồng   |
| 3   | Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP CT VN | 100                       | 30 tỷ đồng    |
| 4   | Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm NH TMCP CT VN                        | 100                       | 300 tỷ đồng   |
| 5   | Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ NH TMCP CT VN                     | 100                       | 500 tỷ đồng   |
| 6   | Công ty TNHH một thành viên Vàng bạc đá quý NH TMCP CT VN                 | 100                       | 300 tỷ đồng   |
| 7   | Ngân hàng Liên doanh Indovina                                             | 50                        | 165 triệu USD |
| 8   | Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietinbank Aviva                           | 50                        | 800 tỷ đồng   |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2011 của VietinBank*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## **Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: Là công ty con của Ngân hàng Công thương Việt Nam, hạch toán độc lập, thành lập theo quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 ngày 26/01/1998 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 112446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28/03/1998. Từ tháng 8 năm 2009, Công ty được VietinBank chấp thuận và NHNN chuẩn y chuyển sang mô hình Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đến tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 500 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: 16 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà nội
- Điện thoại: 04. 3823 3045 Fax 04. 373 3579
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản cho thuê theo mục đích kinh doanh hợp pháp; Tư vấn, nhận bảo lãnh khách hàng về những dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính, thực hiện các nghiệp vụ khác khi được NHNN và các cơ quan chức năng cho phép.

## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

- Giới thiệu chung: được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 01 tháng 9 năm 2000 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 07/2000/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2000 và Giấy phép điều chỉnh số 156/UBCK-GP ngày 10/10/2008 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. Tháng 4 năm 2009 Công ty thực hiện thành công đợt IPO và chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần. Ngày 31/7/2010 cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở GDCK Thành phố Hà Nội với mã giao dịch là CTS. Vốn điều lệ sau khi chuyển đổi là 789,934 tỷ đồng, VietinBank nắm 75,6% vốn điều lệ.
- Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3974 1763 Fax 04. 3974 1760
- Hoạt động chính: Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính và lưu ký chứng khoán.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## **Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản được thành lập theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/7/2000 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, được đổi tên thành Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là công ty AMC) theo Quyết định số 125/2001/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/12/2001 trên cơ sở Quyết định số 1389/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy định về việc thành lập Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại. Công ty chuyển sang hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ tháng 7 năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302077030 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Trụ sở chính: 76 Nguyễn Văn Cừ, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3920 3982                      Fax: 08. 3836 7093
- Ngành nghề kinh doanh: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất, xử lý các tài sản đảm bảo nợ vay, cơ cấu lại nợ tồn đọng, mua bán nợ tồn đọng....

## **Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: tiền thân là Công ty liên doanh Bảo Hiểm Châu Á - Ngân Hàng Công Thương, một liên doanh giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty Bảo Hiểm Châu Á Singapore với tỷ lệ góp vốn 50/50, được thành lập the

trên cơ sở Ngân hàng Công thương Việt Nam mua lại toàn bộ vốn góp của phía đối tác nước ngoài trong Công ty liên doanh để trở thành Công ty trực thuộc hạch toán độc lập 100% vốn của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

- Trụ sở chính: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3942 5650                      Fax: 04. 3942 5646
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Các loại sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ theo quy định của pháp luật, kinh doanh tái bảo hiểm liên quan đến các loại nghiệp vụ bảo hiểm nói trên, quản lý các quỹ đầu tư, góp vốn, mua cổ phần...

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## **Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, được thành lập theo giấy phép số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 500 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Phố Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 3938 8855                      Fax: 04. 3938 8500
- Lĩnh vực hoạt động chính: Lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán...

## **Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1521/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 15/09/2010 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105011873 ngày 25/11/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 300 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 11, toà nhà số 34 Phố Cửa Nam, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 3942 1051                      Fax: 04. 3939 3502
- Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất, mua bán, gia công, xuất nhập khẩu Vàng, đá quý; đại lý môi giới, giới thiệu xúc tiến thương mại, dịch vụ thương mại điện tử, chuyển giao công nghệ, kinh doanh bất động sản, tư vấn quản lý quảng cáo bất động sản..

## **Ngân hàng liên doanh Indovina**

- Giới thiệu chung: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina (IVB) là Ngân hàng liên doanh đầu tiên của Việt Nam được thành lập ngày 21 tháng 11 năm 1990 theo Giấy phép của Ủy Ban Nhà Nước về hợp tác và đầu tư số 135/GP và Giấy phép số 08/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 10 năm 1992. Các bên liên doanh là Ngân hàng Công thương Việt Nam và Ngân hàng Cathay United (CUB) của Đài Loan (một thành viên hoàn toàn trực thuộc của Tập đoàn Tài chính Cathay - tập đoàn tài chính lớn nhất Đài Loan).
- Trụ sở chính: 46-48-50 Phạm Hồng Thái, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Điện thoại: 08. 3822 4995      Fax: 08. 3823 0131
- Lĩnh vực hoạt động chính: Cung cấp các dịch vụ ngân hàng như tiền gửi, cho vay, dịch vụ thẻ, L/C, chuyển tiền...

## **Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva:**

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva là Công ty liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Aviva Internal Holdings limited và Aviva LTD, trong đó NHCTVN góp 50% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 64 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 29/07/2011. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 800 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 10, tháp B tòa nhà Handi Resco, số 512 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ; Kinh doanh bảo hiểm sức khỏe; Kinh doanh tái bảo hiểm; Đầu tư vốn nhân rỗi tại Việt Nam và Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

## **6. Hoạt động kinh doanh**

### **6.1. Hoạt động kinh doanh chính**

#### **6.1.1. Tình hình huy động vốn**

Trong giai đoạn 2008 - 2011, thị trường tiền tệ đã có nhiều biến động, đặc biệt là lãi suất trong nước và quốc tế. Lạm phát và cạnh tranh giữa các TCTD trong nước về huy động vốn đã ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của các NHTM nói chung và VietinBank nói riêng. Đến thời điểm hiện tại, sau khi Chính phủ thực thi nhiều biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính tiền tệ đã tương đối bình ổn, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những biến động có thể tác động tiêu cực đến thị trường. Mặc dù môi trường đầy thách thức, VietinBank đã thành công trong việc tăng cường các hoạt động huy động vốn bằng cách áp dụng chiến lược huy động vốn với quan điểm đảm bảo hoạt động kinh doanh song song với việc tuân thủ các quy định hiện hành. Các chiến lược huy động vốn của VietinBank như sau:

- Phát triển các sản phẩm mới với sự hỗ trợ của các hoạt động khuyến mại có trọng điểm và tích cực quảng bá sản phẩm dịch vụ tới các cá nhân.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy định về tiền gửi tiết kiệm, về phát hành giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng.
- Áp dụng các sản phẩm huy động mới trong thị trường nội địa và quốc tế, đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi, linh hoạt về thời hạn và lãi suất huy động như sản phẩm tiết kiệm rút gốc linh hoạt, sản phẩm tiết kiệm lãi suất bậc thang theo thời gian và theo số dư tiền

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

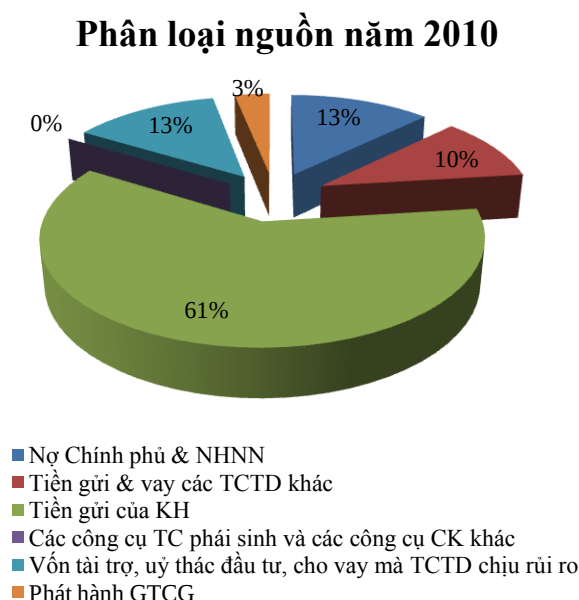
gửi, tiết kiệm lãi suất thả nổi, phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi v.v., phối hợp với các bộ phận chức năng khác để phát triển sản phẩm nhằm tăng cường khả năng huy động vốn.

- Áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt dựa trên yếu tố cung - cầu, cũng như lãi suất khác nhau giữa các chi nhánh của Ngân hàng. Vietinbank có hệ thống mạng lưới rộng khắp trên toàn quốc nên có thể khai thác tối đa lợi thế của từng vùng, miền để huy động và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.

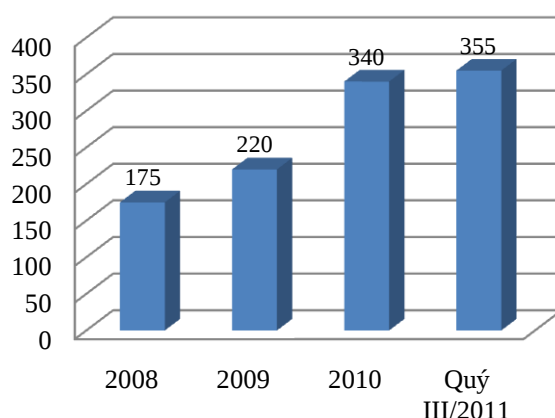
Nguồn vốn huy động của Ngân hàng bao gồm:

- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi của Khách hàng
- Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác
- Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro
- Phát hành Giấy tờ có giá

**Hình 6: Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2008 - 2010**



**Nguồn vốn huy động các năm (2008 - Quý III/2011)**  
Đơn vị: nghìn tỷ đồng



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010  
và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của VietinBank**

| Chỉ tiêu                                                 | 2008               |              | 2009               |              | 2010               |              | QIII/2011          |              |
|----------------------------------------------------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
|                                                          | triệu VND          | %            | triệu VND          | %            | triệu VND          | %            | triệu VND          | %            |
| Các khoản nợ Chính phủ & NHNN                            | 769.677            | 0,4          | 13.718.689         | 6,2          | 43.220.678         | 12,7         | 25.653.314         | 7,2          |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                            | 8.824.710          | 5,0          | 15.012.157         | 6,8          | 35.096.726         | 10,3         | 41.426.207         | 11,7         |
| Tiền gửi của KH                                          | 121.634.466        | 69,5         | 148.374.599        | 67,3         | 205.918.705        | 60,6         | 223.403.322        | 63,0         |
| Các công cụ TC phái sinh & các công cụ TC khác           |                    | 0,0          | 220.091            | 0,1          | -                  | -            | -                  | -            |
| Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | 40.217.706         | 23,0         | 34.525.002         | 15,7         | 44.734.885         | 13,2         | 50.172.017         | 14,2         |
| Phát hành Giấy tờ có giá                                 | 3.459.121          | 2,0          | 8.585.257          | 3,9          | 10.728.283         | 3,2          | 13.858.972         | 3,9          |
| <b>Tổng cộng</b>                                         | <b>174.905.680</b> | <b>100,0</b> | <b>220.435.795</b> | <b>100,0</b> | <b>339.699.277</b> | <b>100,0</b> | <b>354.513.832</b> | <b>100,0</b> |

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Vay Ngân hàng Nhà nước:**

| Bảng 5: Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                  |                |            |                   |            |                   |            |                   |            |
|----------------------------------------------------------|----------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| Chỉ tiêu                                                 | 2008           |            | 2009              |            | 2010              |            | Quý III/2011      |            |
|                                                          | triệu VND      | %          | triệu VND         | %          | triệu VND         | %          | triệu VND         | %          |
| Vay hỗ trợ các khoản nợ khoanh cho DNNN bằng VND         |                | -          | -                 | -          | -                 | -          | -                 | -          |
| Vay hỗ trợ nạn nhân bị thiên tai                         |                | -          | -                 | -          | -                 | -          | -                 | -          |
| Vay hỗ trợ các DNNN                                      | 43.547         | 41,88      | 16.879            | 0,13       | 15.606            | 0,04       | -                 | -          |
| Vay thực hiện dự án Hiện đại hóa ngân hàng bằng ngoại tệ | 60.444         | 58.12      | 55.359            | 0,42       | 49.430            | 0,12       | 44.066            | 0,18       |
| Vay thương mại bằng VND                                  | -              | -          | -                 | -          | -                 | -          | 3.201             | 0,01       |
| Vay theo hồ sơ tín dụng                                  | -              | -          | -                 | -          | 32.000.000        | 74,82      | 25.000.000        | 99,81      |
| Vay chiết khấu, tái chiết khấu các GTCG                  | -              | -          | 13.003.510        | 99,45      | 10.702.164        | 25,02      | -                 | -          |
| <b>Tổng</b>                                              | <b>103.991</b> | <b>100</b> | <b>13.075.748</b> | <b>100</b> | <b>42.767.200</b> | <b>100</b> | <b>25.047.267</b> | <b>100</b> |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

| Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng               |                    |              |                    |              |                    |              |                    |              |
|-----------------------------------------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
|                                               | 2008               |              | 2009               |              | 2010               |              | QIII /2011         |              |
|                                               | triệu VND          | %            | triệu VND          | %            | triệu VND          | %            | triệu VND          | %            |
| <b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>                  | <b>25.714.122</b>  | <b>21,1</b>  | <b>35.584.000</b>  | <b>24,0</b>  | <b>40.594.128</b>  | <b>19,7</b>  | <b>33.031.567</b>  | <b>14,8</b>  |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND                | 22.819.421         | 18,8         | 31.911.986         | 21,5         | 33.698.994         | 16,4         | 26.806.235         | 12,0         |
| Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND      | 185.771            | 0,2          | 185.004            | 0,1          | 209.839            | 0,1          | -                  | -            |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng Ngoại tệ           | 2.689.947          | 2,2          | 3.470.021          | 2,3          | 6.668.179          | 3,2          | 6.225.332          | 2,8          |
| Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng Ngoại tệ | 18.983             | 0,0          | 16.989             | 0,0          | 17.116             | 0,0          | -                  | -            |
| <b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>                     | <b>92.359.117</b>  | <b>76,0</b>  | <b>105.915.064</b> | <b>71,4</b>  | <b>156.244.235</b> | <b>75,9</b>  | <b>182.113.514</b> | <b>81,5</b>  |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND                   | 22.866.272         | 18,8         | 28.710.857         | 19,4         | 52.323.877         | 25,4         | 160.842.021        | 72,0         |
| Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND         | 49.513.818         | 40,7         | 56.101.145         | 37,8         | 85.010.658         | 41,3         | -                  | -            |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng Ngoại tệ              | 6.280.258          | 5,2          | 7.112.136          | 4,8          | 3.007.059          | 1,5          | 21.271.493         | 9,5          |
| Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng Ngoại tệ    | 13.698.769         | 11,3         | 13.990.926         | 9,4          | 15.902.641         | 7,7          | -                  | -            |
| <b>Tiền gửi vốn chuyên dụng</b>               | <b>381.773</b>     | <b>0,3</b>   | <b>1.140.121</b>   | <b>0,8</b>   | <b>1.406.048</b>   | <b>0,7</b>   | <b>1.390.395</b>   | <b>0,6</b>   |
| Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND             | 270.352            | 0,2          | 605.068            | 0,4          | 795.343            | 0,4          | -                  | -            |
| Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng Ngoại tệ        | 111.421            | 0,1          | 535.053            | 0,4          | 610.705            | 0,3          | -                  | -            |
| <b>Tiền gửi ký quỹ</b>                        | <b>2.824.594</b>   | <b>2,3</b>   | <b>4.952.377</b>   | <b>3,3</b>   | <b>6.222.811</b>   | <b>3,0</b>   | <b>6.867.845</b>   | <b>3,1</b>   |
| Tiền gửi ký quỹ bằng VND                      | 2.085.590          | 1,7          | 4.055.112          | 2,7          | 4.169.888          | 2,0          | -                  | -            |
| Tiền gửi ký quỹ bằng Ngoại tệ                 | 739.004            | 0,6          | 897.265            | 0,6          | 2.052.923          | 1,0          | -                  | -            |
| <b>Các khoản phải trả KH khác</b>             | <b>255.393</b>     | <b>0,2</b>   | <b>783.037</b>     | <b>0,5</b>   | <b>1.451.483</b>   | <b>0,7</b>   |                    | -            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                              | <b>121.534.999</b> | <b>100,0</b> | <b>148.374.599</b> | <b>100,0</b> | <b>205.918.705</b> | <b>100,0</b> | <b>223.403.322</b> | <b>100,0</b> |

- Khoản vay bằng ngoại tệ để thực hiện Dự án hiện đại hoá Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán là khoản vay được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới thông qua NHNN để thanh toán cho nhà cung cấp Hệ thống Công nghệ Thông tin của VietinBank. Các khoản vay này có

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

thời hạn là 20 năm và có lãi suất từ 2,33%/năm đến 3,44%/năm (được tính bằng LIBOR 6 tháng + 1,50%/năm (chênh lệch) + 0,2%/năm (phí dịch vụ));

- Vay để hỗ trợ các khoản nợ khoanh là các khoản vay từ NHNN nhằm giảm bớt áp lực tài chính do tiến hành khoanh nợ đối với các khoản cho vay theo hướng dẫn của Chính phủ. Các khoản vay này không chịu lãi suất và có thể được gia hạn theo tình hình thu nợ thực tế. NHNN sẽ quyết định giải pháp cho các khoản nợ khoanh sau thời gian được khoanh (thông thường từ 3 đến 5 năm) theo từng trường hợp cụ thể;
- Vay tái cấp vốn là khoản vay được cầm cố bằng hồ sơ tín dụng và giấy tờ có giá với mục đích bù đắp thiếu hụt nguồn vốn ngắn hạn để đảm bảo khả năng thanh khoản và đáp ứng nhu cầu cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thời hạn 90 ngày và lãi suất từ 8% đến 9%/năm.
- Nhằm giảm bớt áp lực về tình hình thanh khoản tại thời điểm cuối năm, VietinBank tiến hành vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất 10%/năm.

## **Tiền gửi của khách hàng**

Mức tăng trưởng tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam qua các năm 2008, 2009 lần lượt là 7.93% và 22.11%. Tính đến thời điểm 31/12/2010, tiền gửi của khách hàng đạt 205.919 tỷ đồng, tăng 38,64% so với 148.530 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2009, trong đó có sự đóng góp lớn của tăng trưởng tiền gửi có kỳ hạn bằng cả VND và ngoại tệ.

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và BCHN Quý III/2011 của VietinBank)

Ghi chú: Kể từ năm 2010, khoản “Chuyển tiền phải trả” được xếp vào mục “Các khoản nợ khác” trong BCTC kiểm toán của VietinBank, thay vì nằm trong mục “Tiền gửi của Khách hàng” như trước đây.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tiền gửi của các tổ chức cá nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 52% tổng lượng tiền gửi. Thứ 2 là tiền gửi của tổ chức kinh tế đạt 48% tổng tiền gửi.

Theo xu hướng phát triển kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, VietinBank đã và đang đa dạng hoá các sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tính hấp dẫn, cạnh tranh, do đó tỷ lệ tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại VietinBank ngày càng tăng lên (đặc biệt là tiền gửi có kỳ hạn). Hiện nay, VietinBank là ngân hàng trong nhóm dẫn đầu về nguồn tiền gửi nội tệ.

Theo các quy định của NHNN, VietinBank phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới hình thức dự trữ bắt buộc. VietinBank đã tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN về tính toán và duy trì dự trữ bắt buộc tại NHNN.

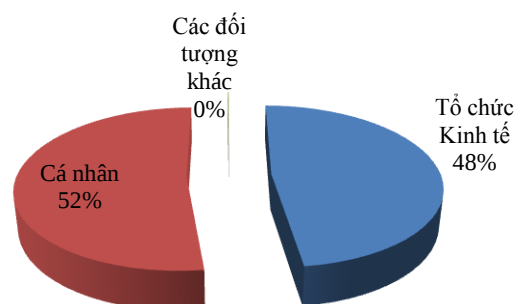
Để tăng cường bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, VietinBank đã tham gia mua bảo hiểm tiền gửi bằng VND tại Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam - Một tổ chức tài chính trực thuộc Chính phủ.

## 6.1.2. Hoạt động tín dụng

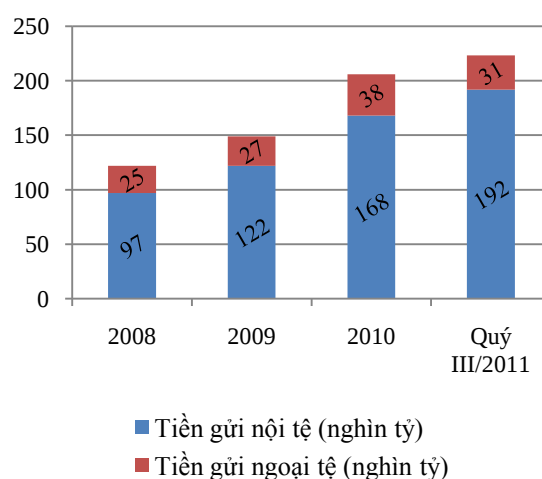
### a. Quy mô hoạt động tín dụng

Cùng với sự tăng trưởng mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong thời gian gần đây, VietinBank đạt tốc độ tăng trưởng mạnh về tài sản. Từ năm 2003 đến cuối năm 2010, tổng tài sản của VietinBank đã tăng gần 4 lần, từ 94.979 tỷ đồng lên 367.712 tỷ đồng. Sự tăng

Hình 7: Cơ cấu tiền gửi năm 2010



Cơ cấu tiền gửi theo đồng tiền năm 2008-Quý III/2011

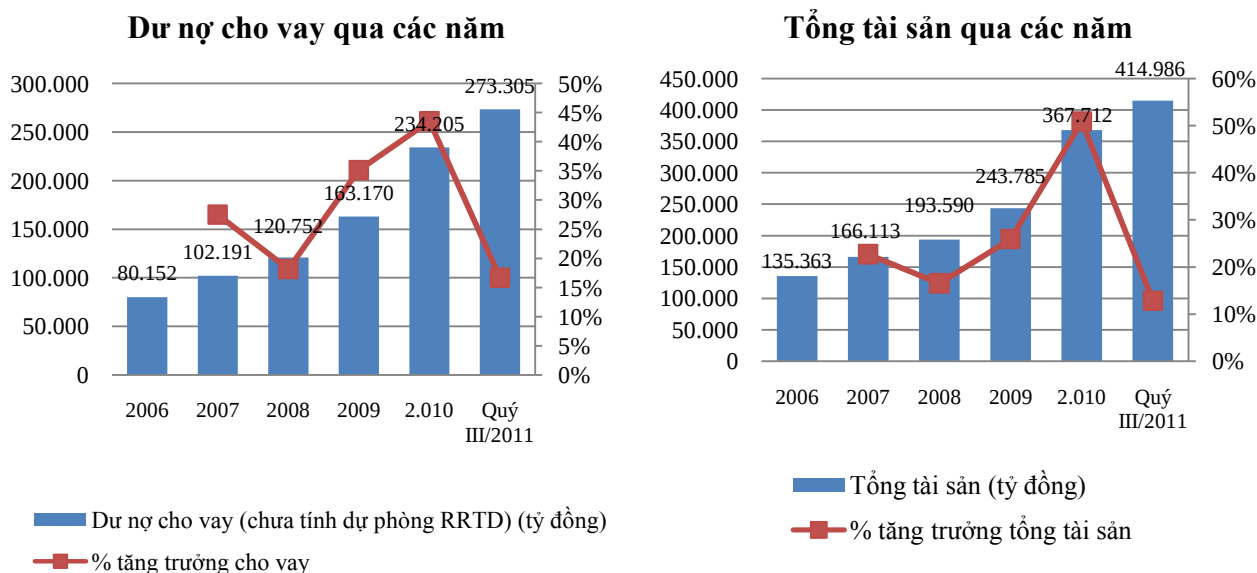


Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và BCHN Quý III/2011 của VietinBank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

trường này chủ yếu là do tăng dư nợ cho vay từ 61.752 tỷ đồng năm 2003 lên 234.205 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 31/12/2010.

**Hình 8: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2007, 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank*

Kể từ khi thành lập, hoạt động cho vay là phần trọng tâm trong chiến lược kinh doanh của VietinBank. Tuy nhiên, kể từ năm 2005 tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản giảm, từ mức trên 75% vào cuối năm 2005 xuống còn 63.5% vào cuối năm 2010. Tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của VietinBank giảm do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do VietinBank có chiến lược chuyển dịch cơ cấu hoạt động trực tiếp sang kinh doanh dịch vụ - phù hợp với thông lệ quốc tế và hoạt động của ngân hàng hiện đại.

Mặt khác, VietinBank đã nhận thức rõ việc quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay và điều hành hoạt động tín dụng sát hơn với các quy định quốc tế cũng như các quy định của NHNN về quản trị rủi ro, về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, đảm bảo tỷ lệ an toàn trong hoạt động. VietinBank đã nỗ lực xây dựng các hệ thống chính sách, quản lý và theo dõi, đảm bảo cho các khoản vay được kiểm soát chặt chẽ, an toàn và hiệu quả với chiến lược là củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng.

Những năm gần đây, tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản có sinh lời giảm, trong khi các hoạt động dịch vụ của ngân hàng như: hoạt động kinh doanh nguồn vốn, chuyển tiền kiều hối, bảo lãnh và tái bảo lãnh, tài trợ thương mại v.v. tăng mạnh. Trong tương lai, các hoạt động tài chính ngoài cho vay như tiền gửi và đầu tư dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong

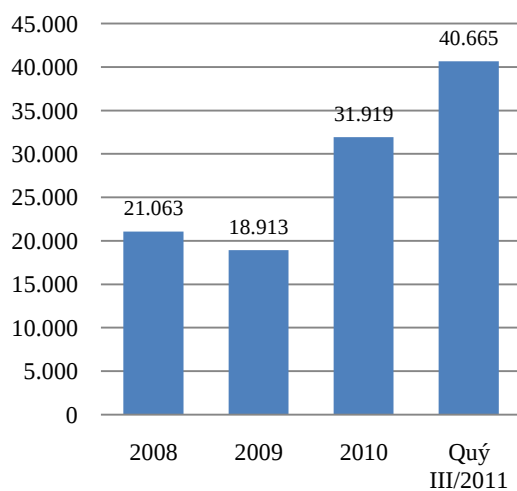
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

việc đa dạng hoá danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro cũng như đảm bảo tính thanh khoản của VietinBank.

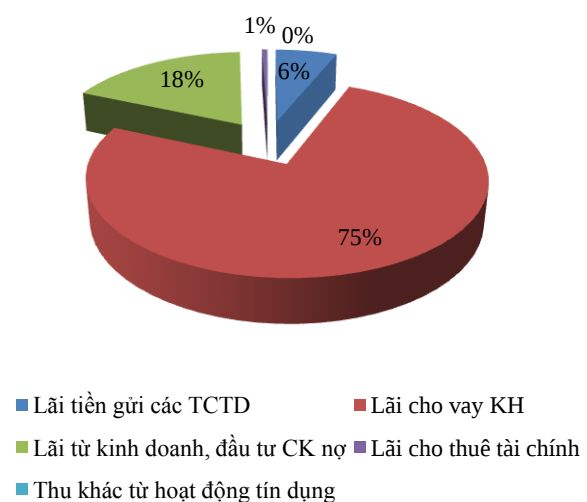
b. *Hiệu quả của hoạt động tín dụng*

Thu nhập lãi và thu nhập lãi thuần từ hoạt động cho vay tăng trưởng mạnh qua các năm:

**Hình 9: Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng và các khoản thu nhập tương tự thời kỳ 2008-Quý III/2011 (tỷ đồng)**



**Hình 10: Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2010**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010  
và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank*

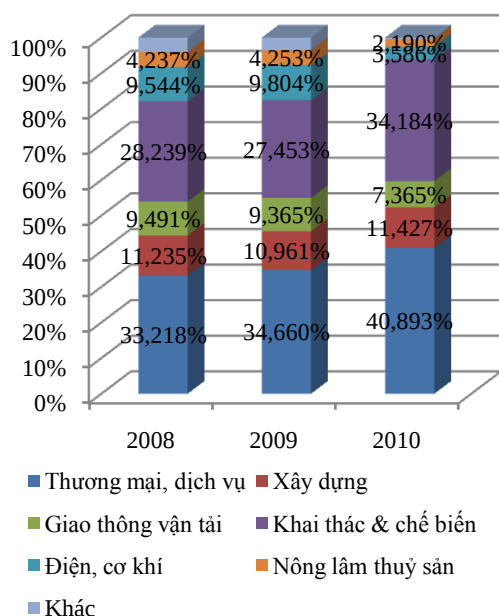
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ hoạt động cho vay trong năm 2010 đạt mức 31.919 tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2009

c. *Cơ cấu dư nợ*

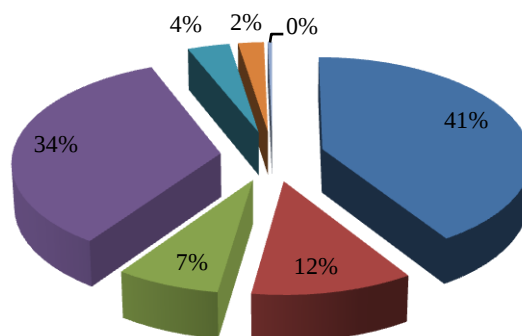
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Hình 11: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế**

**Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế giai đoạn 2008 - 2010**



**Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế năm 2010**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 của VietinBank*

Sự phát triển của danh mục tín dụng theo ngành hàng phản ánh tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước. Dư nợ tín dụng của VietinBank đối với các ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 7% tổng dư nợ tín dụng năm 2004 và giảm xuống còn 2,19% năm 2010. Trong năm 2010, dư nợ tín dụng của ngành thương mại và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 40,89%, tiếp đến là ngành công nghiệp chế biến và sản xuất chiếm tỷ trọng 34,18%. Xu thế này phù hợp với chiến lược tín dụng của VietinBank giai đoạn sắp tới - tập trung vào các ngành đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam đó là: Thương mại, Sản xuất và Chế biến, Xây dựng, Điện, Năng lượng và Dầu khí, Viễn thông.

Ngoài ra, hầu hết các chi nhánh của VietinBank được đặt tại trung tâm các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu đô thị lớn nên thế mạnh của Ngân hàng là tập trung tín dụng vào các ngành hàng này. Chiến lược tín dụng của VietinBank tới năm 2011 là hạn chế tín dụng đối với các ngành đã phát triển đến giai đoạn bão hoà và kém cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập của Việt Nam.

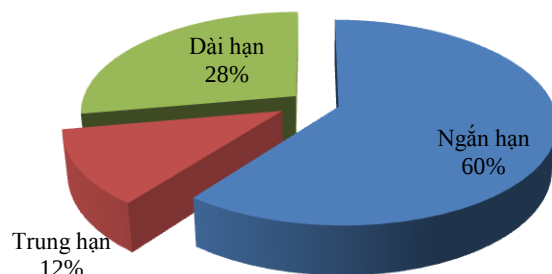
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Trong năm 2010, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nợ của Vietinbank với 60%, cao hơn so với tỷ trọng 57,2% tổng dư nợ trong năm 2009.

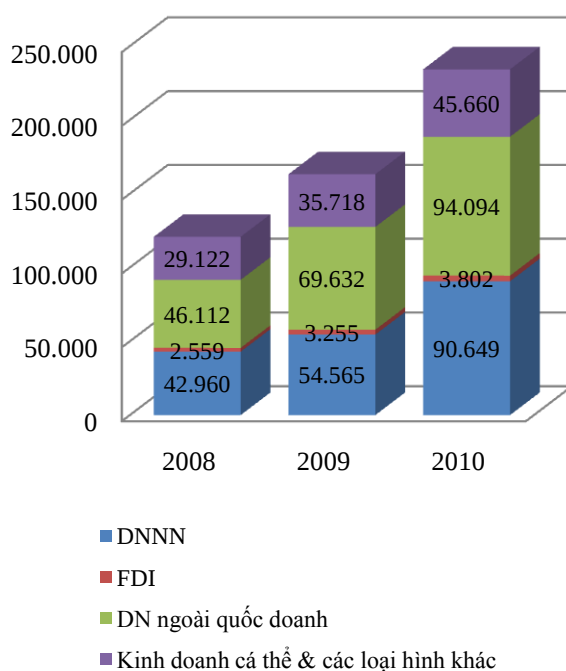
Đa dạng hoá danh mục tín dụng theo thành phần kinh tế cũng đã được chú trọng. Năm 2004, khách hàng truyền thống của VietinBank chủ yếu là các DNNN (chiếm khoảng 45% dư nợ tín dụng) gồm nhiều doanh nghiệp Nhà nước địa phương. Tuy nhiên, năm 2005, các khoản tín dụng DNNN giảm còn 38%, tín dụng đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty tư nhân tăng lên 46%. Xu thế này tiếp tục phát triển trong năm 2010, trong đó cho vay DNNN (trong đó bao gồm cả các công ty cổ phần Nhà nước và công ty TNHH Nhà nước) chỉ chiếm 39% tổng dư nợ, cá nhân và các loại khác chiếm 19%. Chiếm khoảng 42%, phần còn lại là doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và tổ chức kinh tế tập thể.

Yếu tố chính dẫn đến sự thay đổi này là do chiến lược tín dụng của VietinBank có sự thay đổi cho phù hợp với diễn biến chung của nền kinh tế, nhằm tăng hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro.

**Hình 12: Cơ cấu dư nợ 2010 theo kỳ hạn**



**Hình 13: Cơ cấu dư nợ thời kỳ 2008 – 2010 theo loại hình DN**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 của VietinBank*

## Tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh chính của VietinBank là cung cấp tín dụng cho khách hàng là doanh nghiệp. Từ hoạt động tín dụng truyền thống là cho vay công nghiệp, thương nghiệp, VietinBank đã mở rộng sản phẩm tín dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ và đầu tư phát

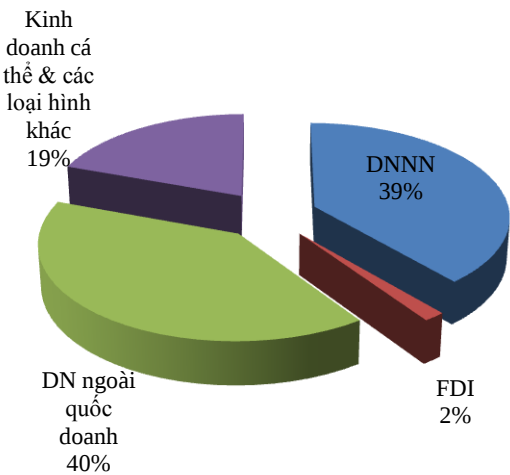
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

triển. VietinBank không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn có các dự án trọng điểm, an toàn, có hiệu quả và có khả năng trả nợ tốt, mặt khác để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, VietinBank cũng rất chú trọng phát triển sản phẩm tín dụng đối với khối các DN VVN.

Các khách hàng lớn của VietinBank bao gồm các Tập đoàn và Tổng Công ty như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng công ty Thép, Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Vinaconex, Tổng công ty Xăng dầu (Petrolimex), Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam v.v.

Các dự án tín dụng lớn VietinBank đã ký kết trong năm 2010: Dự án Mở rộng sản xuất giai đoạn II Công ty CP Gang thép Thái Nguyên 1.863 tỷ đồng; Dự án Trụ sở chính Tổng công ty Vinaconex 361 tỷ đồng, Dự án Thủy điện Sông Bung (6) 272 tỷ đồng; Dự án Phát triển mỏ Đại Hùng của Tổng công ty Thăm dò & Khai thác Dầu khí 200 triệu USD; Dự án phân đạm Hà Bắc 222 triệu USD đồng tài trợ với NH Á Châu (ACB), NH Indovina và Cathay United Bank, Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất 200 triệu USD; Dự án tổ hợp Boxit nhôm Lâm Đồng trị giá 72 triệu USD,...

**Hình 14: Cơ cấu dư nợ 2010  
theo loại hình DN**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010 của VietinBank*

Với định hướng phát triển nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngay từ năm 2003, VietinBank đã thành lập bộ phận chuyên trách phục vụ khách hàng DN VVN xuyên suốt từ Trụ sở chính tới các chi nhánh. Đồng thời VietinBank cũng rất chú trọng việc phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với các DN VVN. Ngoài các sản phẩm dịch vụ áp dụng với mọi đối tượng khách hàng, bằng nguồn vốn tự huy động hoặc kết hợp với các nguồn vay quốc tế.

VietinBank thực hiện chính sách không phân biệt đối với mọi qui mô doanh nghiệp, loại hình, thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, để thu hút và giữ vững các khách hàng tốt, NHCT đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ phi tài chính như cung

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

cấp thông tin, tư vấn, đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo, hỗ trợ khách hàng tham gia các sự kiện v.v. miễn phí cho DNVVN. Ngân hàng cũng đã khai thác nhiều nguồn vốn ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước như SMEDF, JBIC, KFW..., phối kết hợp với nguồn vốn thương mại của VietinBank thiết kế nhiều sản phẩm tín dụng dành riêng cho DNVVN. VietinBank là NHTM duy nhất được lựa chọn quản lý 2 quỹ bảo lãnh tín dụng dành cho DNVVN và là Ngân hàng có Website riêng phục vụ đối tượng khách hàng này (<http://www.vietinbank.vn/sme>). Với nỗ lực phát triển khách hàng DNVVN, VietinBank được Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước, Cục Phát triển DNVVN - Bộ KHĐT, các đối tác các Tổ chức trong và ngoài nước như Bộ Tài chính, NHNN, Hiệp hội DNVVN, các đối tác v.v. ghi nhận là tổ chức luôn đi tiên phong trong phục vụ các DNVVN. VietinBank hiện là đại diện Việt Nam duy nhất ký kết thỏa thuận với các tổ chức tài chính APEC vì sự phát triển của DNVVN, đồng thời tham gia Ban chấp hành và ký Thỏa thuận hợp tác với các Hiệp hội DNVVN Việt Nam, Hiệp hội các DNVVN Công thương để tạo tiền đề phát triển nhóm khách hàng này.

Tín dụng doanh nghiệp của VietinBank chủ yếu là bằng VND, phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp và nền kinh tế cũng như chính sách quản lý ngoại hối của NHNN. VietinBank đã cung cấp các sản phẩm tín dụng đa dạng cho doanh nghiệp bao gồm:

- **Cho vay từng lần:** VietinBank áp dụng phương thức cho vay từng lần cho mọi khách hàng có nhu cầu vay vốn khi khách hàng đáp ứng được các điều kiện vay vốn theo quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của Ngân hàng. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng v.v. khách hàng sẽ được cấp cho một khoản tín dụng cụ thể, trong một khoảng thời gian nhất định.
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng:** phương thức này được áp dụng đối với khách hàng vay có nhu cầu vay vốn thường xuyên, có uy tín trong quan hệ thanh toán, tín dụng với Ngân hàng, sản xuất kinh doanh ổn định, mặt hàng đa dạng. Căn cứ vào phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng, tài sản bảo đảm tiền vay, NHCT và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.
- **Cho vay theo dự án đầu tư:** VietinBank cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng:** Phương thức cho vay này áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu dự phòng nguồn vốn tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo khả năng chủ động về tài chính khi thực hiện sản xuất kinh doanh,

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

dịch vụ, đời sống. Trong thời hạn hiệu lực rút vốn của hợp đồng khách hàng phải trả phí cam kết theo mức quy định của VietinBank.

- **Cho vay hợp vốn (đồng tài trợ):** VietinBank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, VietinBank hoặc một tổ chức tín dụng khác làm đầu mối dàn xếp. Cho vay hợp vốn được thực hiện theo quy chế đồng tài trợ của NHNN và hướng dẫn của VietinBank.

Ngoài ra, tùy theo nhu cầu của khách hàng và thực tế phát sinh, VietinBank sẽ xem xét cho vay theo các phương thức khác phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng thời kỳ và không trái với quy định của pháp luật như cho vay trả góp, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, vay VND lãi suất USD, vay bảo đảm bằng bộ chứng từ xuất khẩu, vay thấu chi, nhận ủy thác cho vay, các sản phẩm bảo lãnh, chiết khấu, đồng tài trợ v.v.

## Tín dụng cá nhân

VietinBank cấp cho khách hàng cá nhân nhiều loại sản phẩm tín dụng, bao gồm chủ yếu hai nhóm sản phẩm:

- **Cho vay sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển:** bao gồm cho vay cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, xây dựng thương mại, đầu tư, dài hạn, cho vay nông nghiệp và phát triển nông thôn ...
- **Cho vay tiêu dùng:** mua nhà, xây dựng và sửa chữa nhà, mua ô tô, du học, chữa bệnh...

Các phương thức cho vay cũng rất linh hoạt, bao gồm cho vay từng lần, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay trả góp v.v. Khách hàng chủ yếu là những người tiêu dùng có mức sống khá và CBCNV có mức thu nhập cao.

Theo số liệu thống kê 31/12/2010 của VietinBank, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân chiếm khoảng 19,37% trong tổng dư nợ. Trong giai đoạn hiện nay, đây chưa phải lĩnh vực kinh doanh trọng tâm trong chiến lược tín dụng của VietinBank.

## Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng của VietinBank thực hiện theo cơ chế thị trường, tín dụng trên cơ sở an toàn, hiệu quả, xếp hạng khách hàng, không phân biệt thành phần kinh tế. Chính sách tín dụng của VietinBank phù hợp với các quy định của pháp luật và từng bước hướng tới chuẩn mực quốc tế, dẫn dắt hoạt động tín dụng theo mục tiêu, định hướng đặt ra của VietinBank và dành ưu đãi về giới hạn tín dụng, lãi suất cho các khách hàng chiến lược.

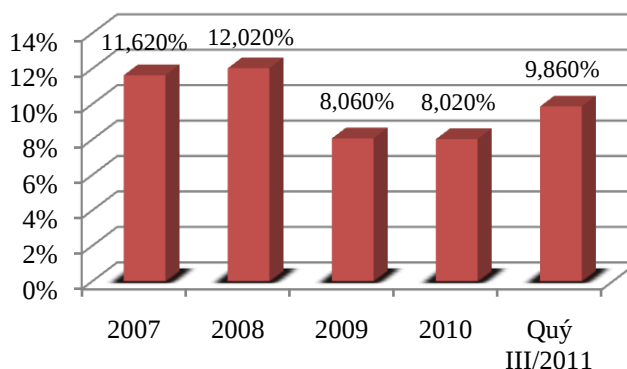
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

VietinBank đã hoàn thiện, ban hành lại và ban hành mới đầy đủ hệ thống các văn bản, cơ chế nghiệp vụ tín dụng, qui định cụ thể hóa các điều kiện lựa chọn khách hàng, cấp tín dụng, quy trình cho vay bảo lãnh, quy trình nhận và xử lý tài sản đảm bảo, triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001. Hiện nay VietinBank đã có bộ phận chuyên trách soạn thảo và ban hành các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa để đảm bảo ngày càng phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường.

## d. *Mức độ an toàn vốn*

Tỷ lệ an toàn vốn (Capital Adequacy Ratio – CAR) là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh năng lực tài chính của các ngân hàng. Chỉ tiêu này được dùng để xác định khả năng của ngân hàng trong việc thanh toán các khoản nợ có thời hạn và đối mặt với các rủi ro khác như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành.

**Hình 15: Tỷ lệ an toàn vốn 2007-QIII/2011**



Nguồn: VietinBank

$$CAR = [(Vốn cấp I + Vốn cấp II) / (Tài sản đã điều chỉnh rủi ro)] * 100\%$$

Đây cũng là một trong 5 tiêu chuẩn quan trọng nhất mà các ngân hàng thương mại phải đáp ứng để đảm bảo an toàn hoạt động, theo định hướng quản lý rủi ro của Ngân hàng Nhà nước theo từng thời kỳ (4 tiêu chuẩn còn lại bao gồm yêu cầu vốn tự có, tỷ lệ khả năng chi trả (thanh khoản), giới hạn cho vay và bảo lãnh thương mại, giới hạn sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn).

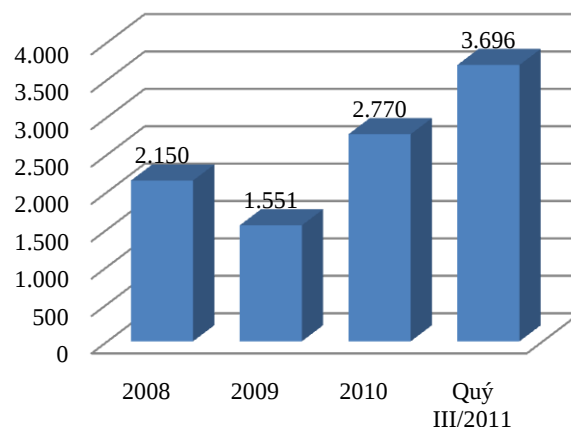
Theo Quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ban hành ngày 20/05/2010 về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% trên cơ sở hợp nhất vốn, tài sản của tổ chức tín dụng và công ty trực thuộc. Tuy nhiên, trên thế giới, việc áp dụng hệ số an toàn vốn tối thiểu hiện phổ biến theo tiêu chuẩn của Basel II với mức 12%.

## e. *Phân loại nợ và rủi ro tín dụng*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Việc phân loại các khoản nợ ở VietinBank tuân theo quy định của NHNN, theo đó các khoản nợ được xếp vào 5 nhóm: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, và Nợ có khả năng mất vốn. Việc phân loại nợ theo khách hàng, mỗi khách hàng chỉ thuộc duy nhất một nhóm nợ (bao gồm cả các cam kết ngoại bảng) và tất cả các khoản nợ đều phải phân loại vào nhóm của khoản nợ có trạng thái nợ xấu nhất. Việc trích dự phòng rủi ro có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

**Hình 16: Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2008 – Quý III/2011**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 & Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank*

Tất cả các khoản nợ đều được theo dõi chặt chẽ, đồng thời trên hồ sơ giấy và hồ sơ máy. Hàng ngày, hệ thống phần mềm (BDS) sẽ tự động thông báo cho các cán bộ tín dụng về các khoản nợ đến hạn các khoản nợ sắp đến hạn và các khoản nợ quá hạn. Cán bộ tín dụng sẽ liên hệ yêu cầu khách hàng thanh toán phần gốc và lãi đến hạn cũng như đôn đốc khách hàng trả các khoản nợ quá hạn. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ, hệ thống sẽ tự động chuyển khoản nợ sang nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định.

Các khoản nợ thuộc nhóm Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là các khoản nợ xấu (NPL), Phòng Quản lý nợ có vấn đề quản lý, theo dõi hàng ngày tình hình các khoản nợ cần chú ý, các khoản nợ xấu, đề xuất trình Ban lãnh đạo các biện pháp xử lý thu hồi nợ.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 bổ sung sửa đổi Quyết định 493, VietinBank thực hiện trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho từng nhóm nợ như sau: dự phòng cụ thể được tính bằng dư nợ đã loại trừ giá trị tài sản bảo đảm khấu trừ nhân với tỷ lệ rủi ro tương ứng của từng nhóm nợ, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể, và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: %

**Bảng 7: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam**

| Nhóm nợ                   | Tỷ lệ trích dự phòng<br>cụ thể | Tỷ lệ trích dự phòng<br>chung |
|---------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| 1. Nợ đủ tiêu chuẩn       | 0%                             | 0,75%                         |
| 2. Nợ cần chú ý           | 5%                             | 0,75%                         |
| 3. Nợ dưới tiêu chuẩn     | 20%                            | 0,75%                         |
| 4. Nợ nghi ngờ            | 50%                            | 0,75%                         |
| 5. Nợ có khả năng mất vốn | 100%                           | 0,00%                         |

Nguồn: theo quy định của NHNN về trích lập dự phòng

Theo Đề án tái cơ cấu của VietinBank (VietinBank bắt đầu tái cơ cấu về tài chính vào 31/12/2000) tổng nợ tồn đọng cần xử lý là 9.485 tỷ đồng, chiếm 27% giá trị các khoản vay. Số nợ tồn đọng phát sinh sau đó là 529 tỷ đồng. Sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu, VietinBank đã xử lý được 9.762 tỷ đồng nợ tồn đọng, đạt 102,9% kế hoạch của Đề án xử lý nợ tồn đọng. VietinBank đã hoàn thành đề án xử lý nợ tồn đọng được Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc NHNN phê duyệt. Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank tại 31/12/2006 là 1,41%, 2,3% và 1,82% vào thời điểm cuối năm 2007 và 2008 cho thấy tình hình quản lý nợ xấu của VietinBank đã được cải thiện. Đặc biệt, trong năm 2009 và 2010, tỷ lệ nợ xấu của VietinBank chỉ ở mức lần lượt là 0,61% và 0,66%, thấp nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 8: Phân loại nợ năm 2010 và Quý III/2011**

| Chỉ tiêu               | 2008               | 2009               | 2010               | Quý III/2011       |
|------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn       | 114.596.417        | 160.509.665        | 230.266.753        | 265.658.777        |
| Nợ cần chú ý           | 3.968.311          | 1.660.011          | 2.399.518          | 3.714.119          |
| Nợ dưới tiêu chuẩn     | 846.985            | 230.305            | 924.605            | 1.408.448          |
| Nợ nghi ngờ            | 803.542            | 332.955            | 410.692            | 825.522            |
| Nợ có khả năng mất vốn | 536.818            | 437.549            | 203.241            | 1.697.716          |
| <b>Tổng</b>            | <b>120.752.073</b> | <b>163.170.485</b> | <b>234.204.809</b> | <b>273.304.582</b> |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Bảng 9: Tổng hợp các dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 30/9/2011**

|    | <b>Tên dự án</b>                                                             | <b>Số tiền cam kết đã<br/>thẩm định &amp; ký kết<br/>cấp tín dụng</b> | <b>Đơn vị<br/>đồng tài trợ</b>                                                                                                                                                              |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Dự án phát triển mỏ Đại Hùng - TCT<br>Thăm dò và KT Dầu khí                  | 200 triệu USD                                                         |                                                                                                                                                                                             |
| 2  | Dự án đầu tư cảng Gemalink - CTCP<br>Cảng Gemadept - Terminal Link           | 225,615 triệu USD                                                     | Đang mời Đồng tài trợ                                                                                                                                                                       |
| 3  | Nhà máy phân đạm Hà Bắc                                                      | 222 triệu USD<br>(ĐTT), NHCT cho<br>vay 92 triệu USD                  | Indovina, Cathay United Bank,<br>ACB                                                                                                                                                        |
| 4  | Dự án đầu tư tàu FPSO phục vụ mỏ<br>Chim Sáo                                 | 68 triệu USD                                                          | SeaBank, Indovina, Shinhanvina,<br>PVFC, Cathay United                                                                                                                                      |
| 5  | Cty CP gỗ MDF VRG Dongwha                                                    | 55,4 triệu USD                                                        |                                                                                                                                                                                             |
| 6  | DA đầu tư mua tàu Nord Brave -<br>Vinalines                                  | 30 triệu USD                                                          |                                                                                                                                                                                             |
| 7  | Dự án xây dựng mạng 3G                                                       | 63.272.000 USD                                                        |                                                                                                                                                                                             |
| 8  | Dự án đầu tư mua (đóng mới) giàn<br>khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm<br>(TAD) | 40 triệu USD                                                          | NH Quân đội                                                                                                                                                                                 |
| 9  | Dự án kho xăng dầu ngoại quan Vân<br>Phong                                   | 29 triệu USD                                                          | PG Bank, Sacombank, NH Quân<br>đội                                                                                                                                                          |
| 10 | Xây dựng Trung tâm thương mại siêu<br>thị Tafoco                             | 400 tỷ đồng                                                           |                                                                                                                                                                                             |
| 11 | Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2<br>Công ty CP gang thép Thái Nguyên       | 1.863 tỷ đồng                                                         |                                                                                                                                                                                             |
| 12 | Dự án The Bay Water - CTCP Xây<br>dựng số 5                                  | 400 tỷ đồng                                                           |                                                                                                                                                                                             |
| 13 | Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước                                             | 651 tỷ đồng                                                           | Sở Giao dịch II BIDV, BIDV CN<br>Tây Ninh, BIDV CN Bình Phước,<br>VietinBank CN TPHCM,<br>VietinBank CN Bình Phước,<br>Agribank CN HCM, Agribank CN<br>Nhà Bè, Vietcombank CN Bình<br>Dương |
| 14 | Dự án KCN Phước Đông Bời Lời                                                 | 1.500 tỷ đồng                                                         |                                                                                                                                                                                             |
| 15 | Dự án Cityland Gò Vấp                                                        | 900 tỷ đồng                                                           |                                                                                                                                                                                             |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|    |                                                                                                   |               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 16 |                                                                                                   | 1.215 tỷ đồng |
| 17 | Dự án nhà máy thủy điện Sông Tranh 2 (vay vốn bổ sung)                                            | 575 tỷ đồng   |
| 18 | DA lớp Radial công suất 600.000 lớp/năm- CTCP Cao su Đà Nẵng                                      | 1.849 tỷ đồng |
| 19 | Dự án XM Xuân Thành - Công ty TNHH Xuân Thành                                                     | 1.000 tỷ đồng |
| 20 | DA ĐT TTTM và văn phòng cho thuê 168 Nguyễn Đình Chiểu                                            | 600 tỷ đồng   |
| 21 | Dự án dây chuyền II - Nhà máy xi măng Duyên Hà của Công ty TNHH Duyên Hà                          | 314 tỷ đồng   |
| 22 | DAĐT XD khu phức hợp khách sạn - TTTM- căn hộ cao cấp 117 Nguyễn Đình Chiểu, TP.HCM               | 400 tỷ đồng   |
| 23 | DAĐT XD khu nhà ở cao tầng - văn phòng ngõ 102 đường Trường Chinh                                 | 308 tỷ đồng   |
| 24 | DA KDC Cát Lái                                                                                    | 500 tỷ        |
| 25 | 6 dự án của HTX Chiến Công                                                                        | 323 tỷ        |
| 26 | Dự án nhà máy bột giấy Miền Trung                                                                 | 2.770 tỷ đồng |
| 27 | Dự án nhà máy giấy Miền Đông                                                                      | 1.340 tỷ đồng |
| 28 | Đoạn tránh thành phố Biên Hòa                                                                     | 582 tỷ đồng   |
| 29 | Dự án Gang thép Lào Cai                                                                           | 2.200 tỷ đồng |
| 30 | xây dựng Dự án Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp của VNF1 tại Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.  | 95 tỷ đồng    |
| 31 | Dự án xây dựng khu căn hộ - thương mại phức hợp The Kingdom.                                      | 140 tỷ đồng   |
| 32 | Dự án đầu tư khu nhà ở và văn phòng cho thuê tại 1 bis 1 kép, Nguyễn Đình Chiểu, Đakao, Q1, TPHCM | 200 tỷ đồng   |
| 33 | Đầu tư xây dựng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng                                                  | 50 tỷ đồng    |
| 34 | Đầu tư xây dựng tòa nhà Văn phòng ITD của Công ty CP công nghệ Tiên                               | 60 tỷ đồng    |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|    |                                                                                                |             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    | Phong                                                                                          |             |
| 35 | Khu định cư Phong Phú 4                                                                        | 200 tỷ đồng |
| 36 | Khu dân cư Bến Lức giai đoạn 2                                                                 | 40 tỷ đồng  |
| 37 | Dự án xe vận chuyển quặng trong nội bộ mỏ của Cty TNHH MTV Apatit Viet Nam                     | 35 tỷ đồng  |
| 38 | Dự án cung cấp trang thiết bị cho khu khám bệnh chất lượng cao của BV Đa khoa tỉnh Phú Thọ     | 31 tỷ đồng  |
| 39 | Dự án mở rộng nâng công suất nhà máy đường An Khê từ 4.500 TMN lên 7.000 TMN                   | 220 tỷ đồng |
| 40 | DA đầu tư nhà máy giấy Kraft công suất 45.000 tấn/năm do Công ty giấy Thành Bắc làm chủ đầu tư | 236 tỷ đồng |
| 41 | Nhà máy gạch Granite                                                                           | 240 tỷ đồng |
| 42 | Thủy điện Sông Bung 6                                                                          | 272 tỷ      |
| 43 | KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh                                                                           | 270 tỷ      |
| 44 | Dự án Nhà máy Thép cán nguội                                                                   | 248 tỷ đồng |
| 45 | Dự án nhà máy bột giấy KonTum                                                                  | 276 tỷ đồng |
| 46 | Dự án đường dây 110kV đấu nối nhà máy nhiệt điện Nông Sơn vào lưới điện Quốc gia               | 23 tỷ đồng  |
| 47 | Dự án 2 bơm 2 bể Công ty lọc hóa dầu Bình Sơn                                                  | 200 tỷ đồng |
| 48 | DADT Khu đô thị mới Phú Mỹ                                                                     | 205 tỷ đồng |
| 49 | DA Bến số 10 - cảng Kỳ Hà của CTCP ô tô Trường Hải                                             | 210 tỷ đồng |
| 50 | Dự án Nhà máy ắc quy của Công ty TNHH Long Sơn                                                 | 215 tỷ đồng |
| 51 | Dự án lốp xe tải radial do CTCP Cao su Miền Nam làm chủ đầu tư                                 | 100 tỷ đồng |
| 52 | Dự án đầu tư mua lại trại gà giống tại Tân Uyên - Bình Dương                                   | 28 tỷ đồng  |
| 53 | Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng xây sẵn tại KCN Long Hậu                                       | 90 tỷ đồng  |
| 54 | Dự án ĐTXD và KD hạ tầng kỹ thuật                                                              | 100 tỷ đồng |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## KCN Hưng Phú 2B

|    |                                                          |                |
|----|----------------------------------------------------------|----------------|
| 55 | DADT XD chung cư Thảo Điền                               | 110 tỷ đồng    |
| 56 | DA KCN Quế Võ mở rộng 66,8 ha                            | 150 tỷ         |
| 57 | Thủy điện Sông Tranh 3                                   | 200 tỷ         |
| 58 | DA KCN Thuận Thành 3 - Cty CP Khai Sơn                   | 100 tỷ         |
| 59 | DA khu tái định cư Bình Minh                             | 80 tỷ đồng     |
| 60 | Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ                                    | 103 tỷ đồng    |
| 61 | Dự án Trụ sở chính Tổng công ty Vinaconex tại 34 Láng Hạ | 361,55 tỷ đồng |
| 62 | Dự án mở rộng Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex        | 671 tỷ đồng    |

*Nguồn: VietinBank*

### 6.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

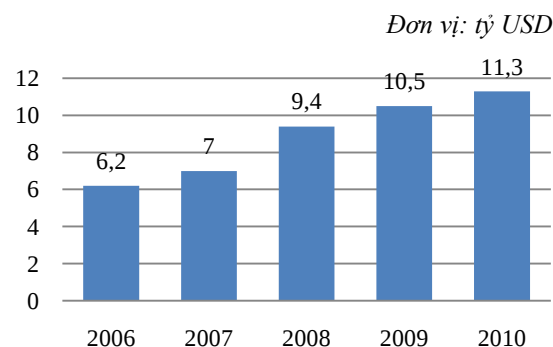
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam lần lượt đạt trên 72,2 tỷ USD (tăng 26,4% so với ) và 84,8 tỷ USD (tăng 21,2%). Theo Báo cáo của Cục Đầu tư Nước ngoài, Tổng giá trị vốn ODA cam kết đạt 7,88 tỷ USD, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký trong năm 2010 đạt gần 18,59 tỷ USD. Đó là những điều kiện thuận lợi cho kinh doanh ngoại tệ.

Với thị trường trọng điểm là thị trường nội địa, các khách hàng chính của Vietinbank chủ yếu là các khách hàng có quan hệ kinh doanh xuất - nhập khẩu trong các lĩnh vực then chốt như Công nghiệp và Thương mại, Giao thông vận tải; Dầu và khí đốt; Điện, Bưu chính viễn thông; nông lâm, thủy hải sản. VietinBank đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua ngoại tệ của khách hàng, trong đó có Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Minh Phú,...

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổng doanh số mua bán ngoại tệ ở thị trường trong nước tăng trưởng dần qua các năm từ 2006 tới nay với tỷ lệ tăng bình quân hàng năm khoảng hơn 10%. Cụ thể, tổng doanh số mua bán ngoại tệ năm 2006 đạt 6,2 tỷ USD, năm 2007 đạt 7,0 tỷ USD (tăng 12%), năm 2008 đạt 9,4 tỷ USD (tăng mạnh lên 34%, do năm 2008 thị trường ngoại tệ có nhiều thuận lợi, nguồn cung ngoại tệ dồi dào, tỷ giá USD/VND ổn định), năm 2009 đạt 10,5 tỷ USD (tăng 12%) và năm 2010 đạt 11,3 tỷ USD (tăng gần 8%).

**Hình 17: Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa năm 2006 – 2010**



Nguồn: VietinBank

Nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý, VietinBank đã đưa ra các hạn mức khác nhau, được áp dụng tại Trụ sở chính, bao gồm:

- Hạn mức dành cho đối tác
- Hạn mức để chặn thua lỗ
- Hạn mức dành cho mỗi nhân viên giao dịch tự doanh trên thị trường ngoại hối quốc tế.

Các hoạt động kinh doanh ngoại tệ của VietinBank do Phòng Kinh doanh Ngoại tệ thực hiện, và được hỗ trợ bởi các phòng ban nghiệp vụ khác. Tất cả các chi nhánh tuy không có phòng kinh doanh ngoại tệ riêng, nhưng đều được phép thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ với các tổ chức và cá nhân, theo quy định của NHNN và VietinBank.

NHNN đã cấp phép cho các định chế tài chính cung cấp 4 hình thức kinh doanh ngoại hối, bao gồm: giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi và giao dịch quyền chọn. VietinBank đang thực hiện các hoạt động này đúng theo quy định của NHNN, đáp ứng được các nhu cầu về dịch vụ ngoại tệ của thị trường.

## 6.1.4. Hoạt động kinh doanh thẻ

VietinBank có kế hoạch trở thành ngân hàng phát hành thẻ hàng đầu Việt Nam bằng việc phát triển hoạt động kinh doanh thẻ với sự đa dạng về sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh với thương hiệu uy tín và phong cách chuyên biệt. Việc coi chi nhánh là kênh chủ lực, đồng thời phát triển mạnh các kênh gián tiếp và kênh tự động VietinBank chủ trương tăng cường phân phối các sản phẩm và dịch vụ thẻ tới khách hàng với việc coi chi nhánh là kênh chủ lực, đồng thời phát triển mạnh các kênh gián tiếp và kênh tự động.

### Thẻ nội địa

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Thống kê đến cuối năm 2010, VietinBank đã phát hành mới được hơn 2.000.000 thẻ. Tính đến cuối năm 2010, số thẻ ghi nợ nội địa của Vietinbank đạt trên 5 triệu thẻ, chiếm 18% thị phần thẻ trong nước. Hoạt động kinh doanh thẻ thực sự trở thành một dịch vụ ngân hàng hiện đại mang tính nền tảng, là mũi nhọn cho chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, mở ra một hướng mới cho việc huy động vốn, giúp giảm lãi suất đầu vào cho VietinBank.

VietinBank hiện đang sở hữu mạng lưới ATM với hơn 1.829 máy, đặt tại trụ sở các chi nhánh, các phòng giao dịch của Ngân hàng, khu dân cư tập trung, cơ quan, trường học, v.v trên toàn quốc. Riêng trong năm 2010, có 5.181 POS được lắp mới; tính đến thời điểm cuối năm 2010, tổng số POS của VietinBank đạt 9.227, chiếm gần 19% thị phần. Thẻ E-Partner được cải tiến nhiều chức năng và tiện ích, đáp ứng ngày càng nhiều dịch vụ thông qua thẻ như tự động nhận tiền kiều hối qua thẻ, thanh toán tiền điện, cước viễn thông trực tuyến, mua các loại thẻ viễn thông trả trước của Vinaphone, Mobiphone v.v., gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại ATM, thanh toán vé tàu với Công ty Đường sắt Sài Gòn, Đường sắt Hà Nội tại các chi nhánh và ATM của VietinBank, tra cứu, thông báo biến động số dư tài khoản qua SMS, nạp tiền tài khoản viễn thông qua SMS (dịch vụ VNTopup) v.v.

Tính đến hết năm 2010, số dư tiền gửi đảm bảo thanh toán thẻ ATM đạt 2.570 tỷ đồng, tăng 24,4% so với năm 2009 và gấp đôi so với năm 2008.

Ngày 23/05/2008, hệ thống Banknetvn (gồm 14 ngân hàng với 3.480 máy ATM và 11.750 POS, chiếm gần 67% thị phần về máy ATM tại Việt Nam) đã kết nối thành công với hệ thống Smartlink. Trong giai đoạn đầu kết nối 2 liên minh thẻ này, VietinBank trở thành 1 trong 3 ngân hàng đầu tiên trong liên minh Banknetvn kết nối thành công với 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink (gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam). Với việc kết nối thành công này, chủ thẻ E-partner của VIETINBANK không chỉ thực hiện giao dịch được tại hệ thống các ATM của các ngân hàng trong liên minh Banknetvn mà còn thực hiện được giao dịch tại hệ thống ATM của 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink với hơn 3.600 máy trên toàn quốc và 90% thị phần thẻ trên thị trường thẻ Việt Nam. Trong thời gian tới VietinBank dự định sẽ liên thông Banknet với một tổ chức thẻ của Trung Quốc thông qua liên kết của SmartLinkk với tổ chức này.

## ***Thẻ quốc tế***

Tính đến hết năm 2010, VietinBank đã phát hành được hơn 120.000 thẻ Cremium (thẻ tín dụng quốc tế VISA, MasterCard), trong đó phát hành mới riêng năm 2010 đạt khoảng 100.000 thẻ, gấp 5 lần tổng số thẻ tín dụng quốc tế phát hành được trong những năm trước đó, hoàn thành kế hoạch đặt ra cho năm 2010. VietinBank đặt kế hoạch phát hành thêm 2 triệu thẻ ghi nợ và 100.000 thẻ tín dụng quốc tế trong năm 2011; tính đến thời điểm cuối tháng 05/2011 VietinBank đã thực hiện được hơn 40% kế hoạch đặt ra.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Các sản phẩm thẻ Cremium hạng Vàng, Chuẩn, Xanh với hạn mức tín dụng từ dưới 10 triệu đến 300 triệu đồng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng. Chủ thẻ thường xuyên được tham gia các chương trình loyalty, Marketing khuyến khích chi tiêu.

Do VietinBank thực hiện chiến lược thận trọng trong lựa chọn khách hàng cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng nên chưa có trường hợp khách hàng thanh toán chậm. Hiện nay, VietinBank chưa cho phép rút tiền vượt quá hạn mức nhưng VietinBank cũng dự kiến sẽ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng dựa trên cơ sở đánh giá quá trình sử dụng tín dụng của từng khách hàng.

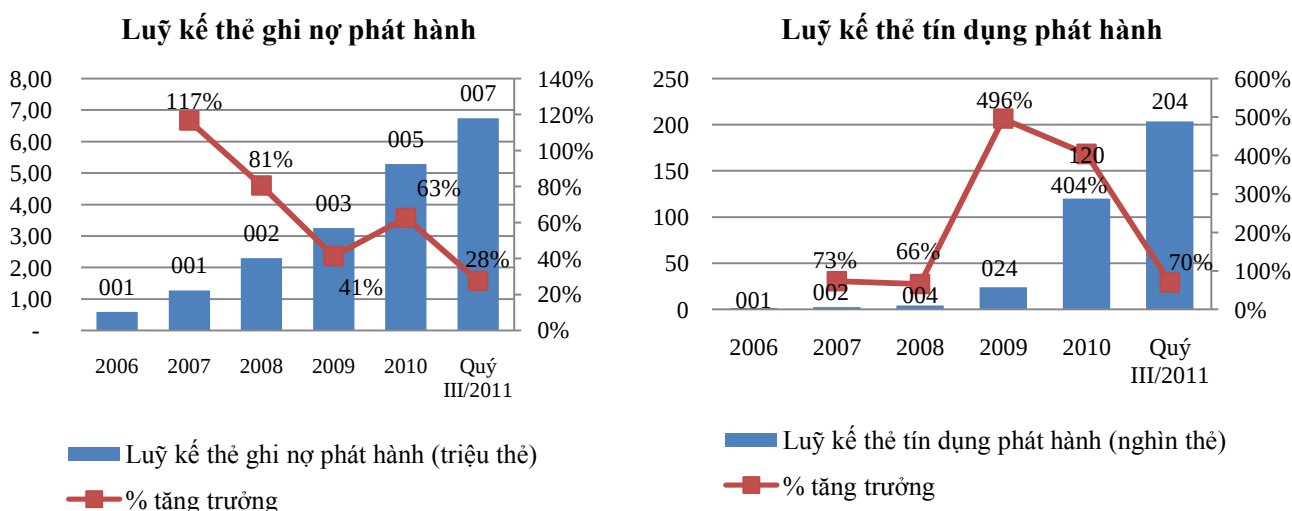
## Hoạt động thanh toán thẻ

VietinBank đã chính thức trở thành ngân hàng thương mại thứ hai ở Việt Nam thực hiện kết nối thành công thẻ tín dụng quốc tế với hệ thống ATM của VietinBank từ tháng 12 năm 2005, cho phép chủ thẻ Visa và Master có thể rút tiền tại máy ATM của VietinBank. Ngoài ra, VietinBank cũng là ngân hàng đầu tiên chấp nhận thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV.

Doanh số thanh toán thẻ không ngừng tăng trưởng qua các năm: năm 2010 doanh số thanh toán đạt 1.671 tỷ đồng, gần gấp 3 lần doanh số năm 2009, chiếm gần 14% thị phần thanh toán thẻ trên thị trường. Chỉ trong 05 tháng đầu năm 2011 doanh số thanh toán thẻ của VietinBank đạt 1.162 tỷ đồng, tương đương 70% doanh thu của cả năm 2010.

Hệ thống VietinBank chấp nhận các loại thẻ VISA, MasterCard, JCB, với tổ chức thẻ thanh toán DinerClub, Amex, hiện VietinBank đang xúc tiến các bước đàm phán để trở thành ngân hàng đại lý thanh toán cho tổ chức này.

**Hình 18: Luỹ kế thẻ phát hành & tốc độ tăng trưởng (giai đoạn 2006 – Quý III/2011)**



## 6.1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư

### Hoạt động góp vốn

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Các hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết ngày càng được mở rộng và tăng trưởng. VietinBank hiện đang góp vốn vào 06 công ty con (trong đó VietinBank nắm giữ 100% vốn của 05 công ty con và 75,6% của 01 công ty con) và 02 công ty liên doanh. Giá trị sổ sách của các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến 31/12/2010 theo Báo cáo riêng lẻ kiểm toán của VietinBank là 3.133 tỷ đồng, trong đó đầu tư vào công ty con là 1.430 tỷ đồng, vốn góp vào công ty liên doanh là 1.392 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, VietinBank còn đầu tư vào một số tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế khác với tỷ lệ cổ phần không chi phối, bao gồm NHTMCP Sài Gòn Công thương, NHTMCP Gia Định, Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung Ương, Công ty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam, và Công ty CP Xi măng Hà Tiên II, Cao su Phước Hòa,... Tại thời điểm 31/12/2010, tổng mức đầu tư vào các tổ chức này trị giá 311 tỷ đồng theo mệnh giá.

Thông qua các hoạt động đầu tư, VietinBank đang nỗ lực mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của mình với định hướng chiến lược sau:

- Tập trung và ưu tiên hàng đầu cho những hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực mà VietinBank có khả năng riêng biệt, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính.
- Thiết lập các mối quan hệ chiến lược với các đối tác, hợp tác lâu dài với các công ty và doanh nghiệp lớn, cụ thể là với các tổ chức trong nước và quốc tế có thế mạnh và tiềm năng chiến lược.
- Phát triển các hoạt động của các công ty mà VietinBank đầu tư.
- Phát triển cơ cấu và quản lý danh mục đầu tư một cách chủ động và hiệu quả.
- VietinBank kiểm soát và gây ảnh hưởng đối với phần vốn đầu tư thông qua việc quản lý các công ty mà VietinBank đầu tư dưới các hình thức:
  - ✓ Với công ty mà VietinBank nắm giữ 100% vốn: VietinBank bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, xây dựng điều lệ công ty và cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động chủ yếu của công ty;
  - ✓ Với các công ty mà VietinBank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Ngân hàng có thể đề xuất đại diện của mình là các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, những người tham gia xây dựng điều lệ công ty và đồng thời là cổ đông của công ty;
  - ✓ Với các công ty VietinBank nắm giữ cổ phần không chi phối: tham gia với tư cách là cổ đông của công ty.

## **Hoạt động đầu tư chứng khoán**

### ***Chứng khoán đầu tư***

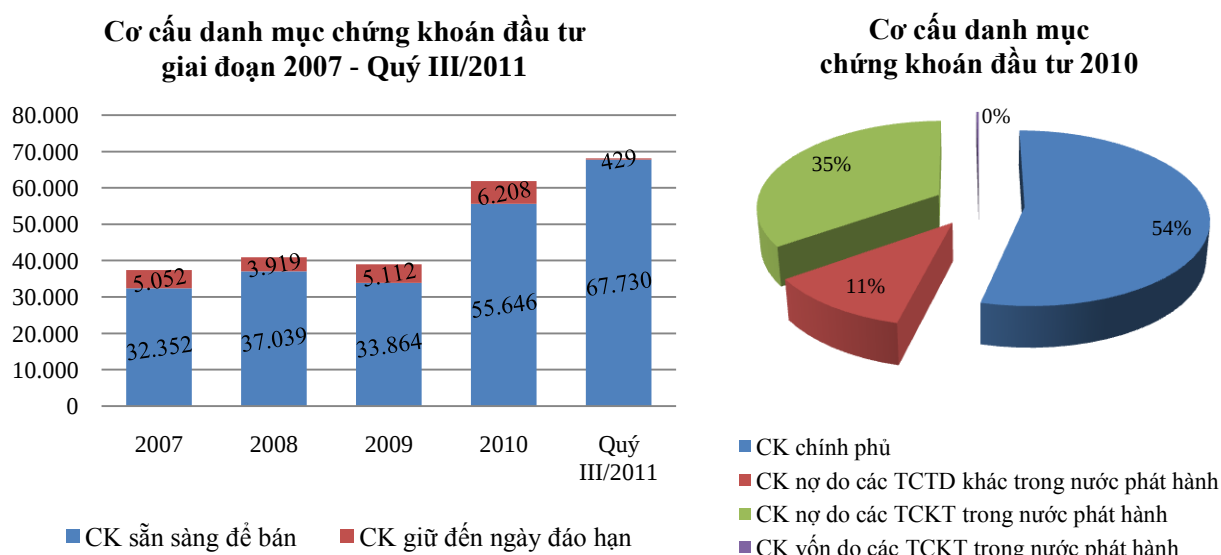
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngoài các chứng khoán vốn VietinBank cũng mở rộng danh mục đầu tư vào các công cụ nợ như Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu Kho bạc, Tín phiếu NHNN, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. với số dư hàng chục nghìn tỷ đồng và trở thành nhà tạo lập thị trường, thúc đẩy thị trường trái phiếu Việt Nam phát triển. Danh mục trái phiếu do VietinBank nắm giữ có mức sinh lời tốt, tính thanh khoản cao, góp phần rất lớn vào việc bảo đảm thanh khoản cho ngân hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tính đến 31/12/2010, số dư chứng khoán đầu tư đã bao gồm dự phòng giảm giá của VietinBank là 61.585 tỷ đồng. Danh mục chứng khoán được đa dạng hóa bao gồm chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn 6.209 tỷ đồng và chứng khoán sẵn sàng để bán là 55.646 tỷ đồng, trong đó chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đạt 145 tỷ đồng, còn lại là chứng khoán nợ.

## Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Đến thời điểm 31/12/2010, số dư chứng khoán kinh doanh đã bao gồm dự phòng giảm giá là 224,20 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2008 và 2009, trong đó chứng khoán nợ là 83,07 tỷ đồng, chiếm 36% giá trị chứng khoán kinh doanh, chứng khoán vốn 147,69 tỷ đồng chiếm 64% giá trị chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2010, số dư dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là 6,56 tỷ đồng.

Hình 19: Cơ cấu danh mục chứng khoán đầu tư



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010  
và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

Đầu tư vào giấy tờ có giá là biện pháp quan trọng để VietinBank chuyển dịch cơ cấu tài sản có, nâng cao khả năng sinh lợi, giảm thiểu rủi ro, và tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết,

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

đồng thời góp phần không nhỏ vào các công trình xây dựng trọng điểm của Nhà nước và đầu tư phát triển trong các ngành kinh tế xã hội.

## 6.1.6. Dịch vụ ngân hàng điện tử

Là một phần trong Dự án Hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán do Ngân hàng Thế giới tài trợ, VietinBank đã bắt đầu thực hiện cung cấp dịch vụ Internet Banking từ tháng 3/2005 khi VietinBank bắt đầu triển khai hệ thống INCAS tới tất cả các chi nhánh trên toàn quốc. Từ đó đến nay, VietinBank đã liên tục hoàn thiện, bổ sung thêm một số dịch vụ mới như VietinBank At home cho phép khách hàng doanh nghiệp có thể thực hiện các giao dịch ngân hàng tại nhà, dịch vụ SMS banking cho phép khách hàng thực hiện chuyển khoản giữa các tài khoản ATM trong cùng hệ thống, vắn tin tài khoản, lịch sử giao dịch cung như thông báo biến động số dư qua tin nhắn với độ bảo mật, an toàn cao bằng công nghệ tiên tiến và phương thức xác thực mạnh. Mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng các dịch vụ trên phần nào đã đáp ứng được yêu cầu ngày một tăng của khách hàng, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của VietinBank trên lĩnh vực này.

VietinBank sẽ tiếp tục tham gia vào Dự án Hiện đại hóa ngân hàng và Hệ thống thanh toán giai đoạn 2 do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Dự án này tập trung vào các mảng sau: Trung tâm liên lạc - Call center, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại cố định, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động, các giải pháp thương mại điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử.

## 6.1.7. Tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank – là ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại với 150 chi nhánh trên toàn quốc, có quan hệ đại lý với trên 900 ngân hàng trên toàn cầu. VietinBank đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp cho khách hàng những dịch vụ thanh toán quốc tế, những giải pháp tài trợ thương mại tối ưu.

Năm 2010, cùng với việc áp dụng chính sách lãi suất, phí dịch vụ hợp lý, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đã được tăng lên đáng kể: doanh số thanh toán nhập khẩu đạt khoảng 10,55 tỷ USD, tăng hơn 15% so với năm 2009; doanh số thanh toán xuất khẩu đạt 8,44 tỷ USD tính gộp cả doanh số chi trả kiều hối 1,68 tỷ USD, tăng gần 40% so với năm 2009. Doanh số bảo lãnh bình quân tháng của năm 2010 đạt 678 triệu USD. Tính đến thời điểm 31/03/2011, doanh số thanh toán nhập khẩu 03 tháng đầu năm đạt 2,94 tỷ USD; doanh số thanh toán xuất khẩu đạt 2,75 tỷ USD; doanh số bảo lãnh bình quân tháng đạt 711 triệu USD.

Khách hàng sử dụng các dịch vụ tài trợ thương mại của VietinBank bao gồm các tập đoàn trong nước và quốc tế, và các DNVTN, trong đó có nhiều tổng công ty và tập đoàn lớn như

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Xi măng... và một số ngân hàng cổ phần nhỏ trong nước.

Các sản phẩm dịch vụ Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại mà Vietinbank hiện đang cung cấp gồm có:

- Thư tín dụng:
  - ✓ Phát hành, sửa đổi, thanh toán thư tín dụng nhập khẩu
  - ✓ Xác thực, thông báo thư tín dụng xuất khẩu
  - ✓ Xác nhận thư tín dụng, chuyển nhượng thư tín dụng
  - ✓ Thương lượng, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
- Bảo lãnh:
  - ✓ Phát hành, sửa đổi, thanh toán thư bảo lãnh
  - ✓ Xác thực, thông báo thư bảo lãnh
  - ✓ Phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng, xác nhận thư bảo lãnh
  - ✓ Đòi tiền theo thư bảo lãnh
- Nhờ thu:
  - ✓ Tiếp nhận, thông báo và thanh toán bộ chứng từ nhờ thu nhập khẩu
  - ✓ Tiếp nhận, chiết khấu và thu hộ bộ chứng từ nhờ thu xuất khẩu
- Chuyển tiền:
  - ✓ Chuyển tiền thanh toán mậu dịch theo hợp đồng
  - ✓ Chuyển tiền thanh toán phi mậu dịch: kiều hối, du học, chữa bệnh...
- Các dịch vụ khác:
  - ✓ Khai thác vốn ngắn hạn, trung và dài hạn từ các tổ chức tín dụng khác hỗ trợ cho nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; tư vấn cho khách hàng các thủ tục và điều kiện tham gia các chương trình ưu đãi xuất nhập khẩu.
  - ✓ Tư vấn giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại hiện đại;
  - ✓ Cung cấp dịch vụ INSOURCING (xử lý giao dịch cho các định chế tài chính khác) về thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.
  - ✓ Ngoài ra, Vietinbank cũng đã và đang chuẩn bị các bước cần thiết để thực hiện dịch vụ mua bán chuyển nhượng các khoản phải thu, bao thanh toán

Với định hướng phát triển và tiềm lực của một ngân hàng hiện đại, Sở giao dịch – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã được thành lập vào tháng 04/2008 với chức năng trực tiếp xử lý tập trung toàn bộ các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; khai thác các nguồn vốn ngân hàng trung và dài hạn từ các định chế tài chính để hỗ trợ cho hoạt động tài trợ thương mại của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; cung cấp dịch vụ tư vấn giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; cung cấp dịch vụ INSOURCING cho các ngân hàng khác trong thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Sở giao dịch được trang bị những thiết bị và công nghệ hiện đại có khả năng xử lý từ xa các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; có đội ngũ lãnh đạo và cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, tận tình, năng động, được đào tạo chuyên nghiệp và không ngừng học hỏi với mục tiêu nhằm mang đến cho khách hàng các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại có chất lượng cao, đồng đều, nhanh chóng, chính xác, an toàn, tiện lợi theo tiêu chuẩn quốc tế, với văn hoá phục vụ văn minh, hiện đại.

## 6.1.8. Dịch vụ chuyển tiền kiều hối

Doanh số chi trả kiều hối của VietinBank năm 2010 đạt 1,8 tỷ USD, tăng gần 100% so với năm 2009, chiếm khoảng 15% tổng lượng kiều hối chuyển về Việt Nam năm 2010. Bên cạnh sản phẩm chuyển tiền kiều hối truyền thống (điện Swift qua ngân hàng), VietinBank đã triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh như Western Union, Wells Fargo ExpressSend, VietinBank e-Remit, v.v. Thu nhập từ dịch vụ kiều hối bao gồm phí thanh toán 0,05%, tối thiểu 2USD/giao dịch cộng thêm 0,15% nếu rút tiền bằng ngoại tệ. Đối với dịch vụ chuyển tiền nhanh, phí dịch vụ trong khoảng 0,6% - 0,7% tổng số tiền chi trả.

Dịch vụ chuyển tiền kiều hối ngày càng có tiềm năng phát triển do lượng tiền Việt kiều và người Việt Nam lao động tại nước ngoài chuyển về ngày càng nhiều. VietinBank chủ yếu chi trả kiều hối bằng USD, EUR và VND. Thị trường trọng điểm bao gồm Mỹ, Đài Loan, Hàn quốc, Malaysia, Nhật, Séc, Úc và các nước Trung đông.

Trong kế hoạch phát triển giai đoạn 2008 - 2010, VietinBank sẽ tiếp tục việc mở rộng mạng lưới chuyển tiền kiều hối tới các thị trường quốc tế lớn, nơi có số lượng lớn người Việt Nam sinh sống và làm việc, trong khi thị trường nội địa chủ yếu được xác định là Tp Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Thuận, Đà Nẵng, Huế, các tỉnh phía Bắc có nhiều lao động xuất khẩu như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An. VietinBank cũng lên kế hoạch cung cấp các dịch vụ có giá trị gia tăng như dịch vụ chi trả kiều hối tận nhà.

Tháng 05/2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 đã thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH Một thành viên Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank với vốn điều lệ ban đầu dự kiến là 50 tỷ đồng. Việc thành lập Công ty Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank sẽ giúp cho việc phát triển dịch vụ kiều hối của VietinBank chuyên nghiệp hơn, phát huy tốt nhất ưu thế sẵn có của VietinBank về cơ sở vật chất, mạng lưới chi nhánh, cơ sở khách hàng, tiềm lực về vốn và nguồn nhân lực, tăng cường khả năng cạnh tranh và tăng thị phần dịch vụ chuyển tiền kiều hối, nâng cao uy tín và thương hiệu VietinBank trong nước và quốc tế.

## 6.1.9. Dịch vụ thu/chi hộ

Dịch vụ thu/chi hộ được cung cấp cho các khách hàng chiến lược có cân đối tài khoản tiền gửi lớn tại VietinBank hoặc khách hàng hoặc có khối lượng thu chi tiền mặt, chuyển khoản lớn như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Hiện tại, khoảng 70% các chi nhánh của VietinBank cung cấp dịch vụ này cho các khách hàng tại

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

các khu công nghiệp và khu chế xuất. VietinBank hiện không thu phí đối với dịch vụ này. VietinBank cũng đã triển khai thành công dịch vụ thu hộ Ngân sách bao gồm thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu. VietinBank năm 2010 thu được tổng cộng 1,2 tỷ đồng từ dịch vụ thu hộ, chi hộ; đặc biệt chỉ trong 03 tháng đầu năm 2011, thu nhập từ mảng dịch vụ này của VietinBank tăng mạnh, đạt 0,5 tỷ đồng, bằng 40% doanh thu của cả năm 2009.

## **6.1.10. Dịch vụ cho thuê kết sắt và cất giữ tài sản**

Dịch vụ này đã được VietinBank Chi nhánh Tp. HCM và Chi nhánh Đà Nẵng triển khai từ đầu năm 2006. Doanh thu từ dịch vụ này tuy chưa phản ánh hết tiềm năng vốn có của nó nhưng đã cho thấy khả năng phát triển dịch vụ này trong tương lai gần. Trong thời gian tới, dịch vụ này sẽ được cung cấp tại tất cả các chi nhánh của VietinBank trên các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước.

## **6.1.11. Dịch vụ thu đổi Séc du lịch**

Được giới thiệu lần đầu vào năm 1994, dịch vụ Thu đổi séc du lịch được cung cấp tại các Phòng giao dịch, quầy giao dịch và quầy tiết kiệm. Hiện nay, 50% các chi nhánh đã cung cấp dịch vụ này tới khách hàng với doanh thu thu đổi hàng năm đạt từ 3 - 5 triệu USD. Phí thu từ hoạt động thu đổi Séc du lịch của VietinBank năm 2010 và 03 tháng đầu năm 2011 đạt lần lượt 285 triệu đồng và 93 triệu đồng (tương đương 32,6% phí thu của cả năm 2010).

Dịch vụ Thu đổi séc du lịch bao gồm việc đổi séc du lịch Amex và các loại séc du lịch do các định chế có uy tín phát hành bằng USD và EUR. Điều này thể hiện nỗ lực của Ngân hàng trong việc tăng doanh thu từ phí dịch vụ. VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thu séc của các tổ chức nước ngoài như là một cách giới thiệu các dịch vụ ngân hàng khác và nhằm nâng cao thương hiệu “Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam”.

## **6.1.12. Hoạt động kinh doanh chứng khoán (Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)**

Năm 2000, VietinBank thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc) theo mô hình Công ty TNHH một thành viên với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng và do VietinBank sở hữu 100% vốn. VietinBankSc đã tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng tại thời điểm 26/06/2007. Tính đến 31/12/2008, vốn chủ sở hữu của VietinBankSc đạt 600.106 tỷ đồng, vốn điều lệ của VietinBankSc là 500 tỷ đồng. Tổng vốn điều lệ của VietinBankSc tại thời điểm chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần là 789,934 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng Công thương nắm 75,6% vốn điều lệ

Các hoạt động chính của VietinBankSc bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư và tài chính.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 10: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động thị trường vốn**

| Chỉ tiêu                          | 2008    | 2009      | 2010      | Quý<br>III/2011 |
|-----------------------------------|---------|-----------|-----------|-----------------|
| 1. Tổng tài sản                   | 109.067 | 1.119.876 | 1.034.714 | 1.021.247       |
| 2. Vốn chủ sở hữu                 | 600.849 | 851.963   | 821.053   | 847.092         |
| 3. Doanh thu thuần từ HĐKD        | 174.390 | 172.391   | 195.593   | 121.476         |
| 4. Chi phí HĐKD & Chi phí quản lý | 161.227 | 112.341   | 174.327   | 74.935          |
| 5. Lợi nhuận trước thuế           | 13.163  | 69.860    | 28.413    | 47.645          |
| 6. Lợi nhuận sau thuế (LNST)      | 13.096  | 60.059    | 21.642    | 36.767          |
| 7. LNST/Tổng tài sản (%)          | 1,18    | 5,36      | 2,01%     | 3,60%           |
| 8. LNST/Vốn chủ sở hữu (%)        | 2,18    | 7,05      | 2,59%     | 4,34%           |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam*

Trong 8 năm hoạt động, lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán của VietinBankSc đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao về quy mô cũng như hiệu quả. Tính đến 31/12/2010, tổng tài sản của VietinBankSc đạt 1.035 tỷ đồng, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 196 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2009; lợi nhuận sau thuế trong năm 2010 đạt 22 tỷ đồng.

Công ty Chứng khoán VietinBankSc là thành phần nòng cốt trong tầm nhìn chiến lược của VietinBank nhằm phát triển các hoạt động kinh doanh có thu phí, cụ thể là sự phát triển trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư.

## **6.1.13. Hoạt động cho thuê tài chính (Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính VietinBank)**

Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính VietinBank là một trong những công ty hoạt động sớm trong lĩnh vực cho thuê tài chính ở Việt Nam. Công ty là thành viên hạch toán độc lập, được VietinBank cấp 100% vốn điều lệ, tính đến 30/6/2011 là 500 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào hoạt động cho thuê tài chính, quản lý vốn đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, tư vấn và nhận bảo lãnh cho khách hàng về các dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

| Bảng 11: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính |         |           |           |              |
|---------------------------------------------------------------|---------|-----------|-----------|--------------|
| Chỉ tiêu                                                      | 2008    | 2009      | 2010      | Quý III/2011 |
| 1. Tổng tài sản                                               | 992.147 | 1.231.462 | 1.596.793 | 2.083.618    |
| 2. Vốn chủ sở hữu                                             | 368.113 | 609.246   | 564.042   | 575.895      |
| 3. Doanh thu                                                  | 123.810 | 134.643   | 180.095   | 117.169      |
| 4. Chi phí hoạt động                                          | 94.026  | 81.283    | 98.204    | 25.531       |
| 5. Lợi nhuận trước thuế                                       | 29.784  | 53.360    | 81.891    | 68.379       |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

## 6.1.14. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản (Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản VietinBank)

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 09/2000 theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/07/2000 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank, là công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng quản lý các khoản nợ xấu và khai thác các tài sản xiết nợ, thế chấp do VietinBank chuyển sang. VietinBank đã đạt được kết quả đáng kể trong xử lý nợ tồn đọng, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank.

Đơn vị tính: triệu đồng

| Bảng 12: Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản |        |        |        |              |
|--------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------------|
| Chỉ tiêu                                                           | 2008   | 2009   | 2010   | Quý III/2011 |
| Tổng tài sản                                                       | 96.601 | 73.088 | 42.319 | 40.998       |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                                               | 30.677 | 31.565 | 30.416 | 30.000       |
| Thu nhập hoạt động                                                 | 5.949  | 6.275  | 6.753  | 4.987        |
| Chi phí hoạt động                                                  | 5.272  | 4.779  | 6.352  | 3.845        |
| Lợi nhuận trước thuế                                               | 677    | 1.558  | 401    | 1.143        |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 6.1.15. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Công ty TNHH Bảo hiểm Ngân hàng TMCP

### Công thương Việt Nam – Bảo Ngân)

Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập Tập đoàn tài chính mang thương hiệu VietinBank, tiền thân là Công ty TNHH Liên doanh Bảo hiểm Châu Á – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và trở thành Công ty 100% vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tên gọi Bảo Ngân từ 17/12/2008.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ trực tiếp, tái bảo hiểm tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| <b>Bảng 13: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCT Việt Nam</b> |             |             |                     |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|---------------------|
| <b>Chỉ tiêu</b>                                                       | <b>2009</b> | <b>2010</b> | <b>Quý III/2011</b> |
| Tổng tài sản                                                          | 457.033     | 529.468     | 538.033             |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                                                  | 332.678     | 331.882     | 329.313             |
| Doanh thu từ thù phí bảo hiểm và phí tái bảo hiểm                     | 77.800      | 83.300      | 80.092              |
| Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm                                 | 18.088      | 52.472      | 54.537              |
| Lợi nhuận trước thuế                                                  | 41.799      | 33.181      | 43.392              |
| Lợi nhuận sau thuế                                                    | 31.586      | 25.033      | 38.426              |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty TNHH Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam*

## 6.1.16. Hoạt động kinh doanh vàng bạc đá quý (Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc

### đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập vào tháng 12/2010, số vốn điều lệ cấp đến 31/12/2010 là 50 tỷ đồng. Căn cứ vào nhu cầu vốn phục vụ cho việc triển khai hoạt động năm 2011, Công ty đã được cấp vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng bạc, đá quý.

Tính đến thời điểm 30/09/2011, tổng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đạt 345 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 36,7 tỷ đồng.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 6.1.17. Hoạt động quản lý tài sản (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập vào cuối năm 2010 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng, đến thời điểm cuối Quý I/2011 tăng lên 500 tỷ đồng, do VietinBank cấp 100%. Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản. Ngay sau khi mới được thành lập, Công ty nhanh chóng kiện toàn tổ chức và triển khai hoạt động kinh doanh theo giấy phép.

Tính đến thời điểm 30/6/2011, tổng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đạt 1.531 tỷ đồng, tổng thu nhập hoạt động hơn 42,8 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi thuần đạt 38,7 tỷ đồng, chiếm hơn 90% tổng thu nhập hoạt động quý III năm 2011; Lợi nhuận trước thuế đạt 38,9 tỷ đồng.

## 6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

VietinBank thành lập Ban Quản trị rủi ro và Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) để giám sát và quản lý toàn diện các loại rủi ro trong kinh doanh. Thành viên của ALCO bao gồm Chủ nhiệm ALCO (là một thành viên Hội đồng quản trị), Phó chủ nhiệm ALCO (là thành viên Ban điều hành phụ trách Treasury), trưởng các bộ phận quản lý rủi ro, trưởng các bộ phận khách hàng, trưởng các bộ phận kinh doanh và trưởng các bộ phận khác do Chủ nhiệm ALCO quyết định.

VietinBank đã xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, trong đó Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và thông qua các chiến lược và chính sách quản trị rủi ro của VietinBank, trong khi Ban Điều hành có trách nhiệm thực hiện và phát triển các chiến lược và chính sách đã được thông qua đó. Chức năng quản trị rủi ro của VietinBank hiện do Khối quản trị rủi ro (RMG) thực hiện. Khối này được tách riêng khỏi các giao dịch trực tiếp và thực hiện báo cáo trực tiếp lên Ban Điều hành.

Khối quản trị rủi ro bao gồm 6 phòng ban có trách nhiệm quản trị các loại rủi ro khác nhau, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, và rủi ro tác nghiệp:

- Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, đầu tư (CIRM): có chức năng quản trị rủi ro tín dụng và đầu tư.

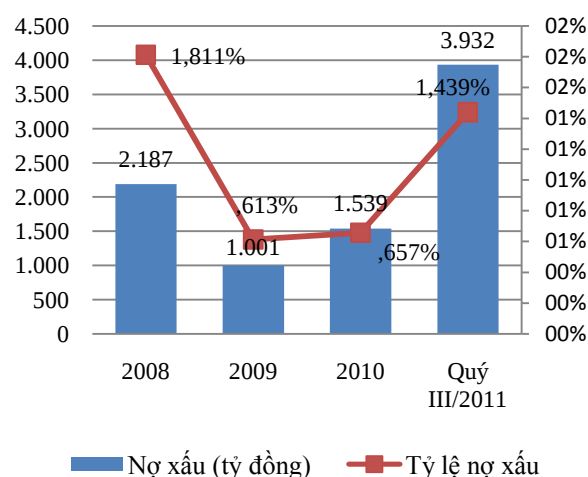
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Phòng Chế độ tín dụng, đầu tư: có chức năng tham mưu HĐQT xây dựng chiến lược tín dụng, đầu tư; Khung chính sách tín dụng, đầu tư; Hệ thống đo lường, quản lý và giám sát rủi ro tín dụng, đầu tư; các quy trình nghiệp vụ tín dụng, đầu tư.
- Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp: có chức năng quản trị về rủi ro phát sinh từ thị trường và tác nghiệp.
- Phòng Quản lý nợ có vấn đề.
- Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ.
- Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO đảm nhiệm về kế hoạch kinh doanh và hỗ trợ quản lý tài sản nợ và tài sản có; Quản lý tài sản nợ/có được thực hiện trên cơ sở quản trị về rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ. Quá trình thực hiện được thông qua việc phân tích và dự báo các luồng tiền vào/ra trong hệ thống. Đồng thời căn cứ vào biến động nguồn vốn và sử dụng vốn thực tế để đưa ra các quyết định về quản lý và điều hành vốn đảm bảo đạt hiệu quả kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thanh toán toàn hệ thống.

## Quản trị rủi ro tín dụng

VietinBank đã xây dựng chiến lược cho vay từ năm 2005, trong đó nêu rõ đối tượng khách hàng mục tiêu, vị trí, và lĩnh vực cần hướng tới. Khách hàng mục tiêu là các công ty lớn có tình hình tài chính lành mạnh và năng lực cao, còn khách hàng tiềm năng là các DN VVN (SMEs) và cá nhân. Thị trường mục tiêu là các thành phố lớn, các khu vực kinh tế có tiềm năng, các khu vực đô thị và khu công nghiệp đang phát triển. Các lĩnh vực, ngành nghề mục tiêu VietinBank hướng tới bao gồm lĩnh vực công nghiệp, thương mại, và dịch vụ.

**Hình 20: Số dư và tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2008 – Quý III/2011**



Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

VietinBank đã đưa ra chính sách quản trị rủi ro tín dụng ban hành vào cuối năm 2004. Các nguyên tắc chung của chính sách này bao gồm: đa dạng hóa danh mục đầu tư, quá trình xem xét và phê chuẩn đa cấp, hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng để làm cơ sở cấp tín dụng và quản lý quan hệ tín dụng với khách hàng, chức năng độc lập của các thành viên /bộ phận tham gia vào quá trình cấp tín dụng, hệ thống quy định, quy trình cấp tín dụng, quy trình giám sát thường xuyên và kiểm soát hạn mức tín dụng....Hiện nay, VietinBank đang trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống tính điểm tín dụng tự động hướng theo các Chuẩn mực quốc tế, thống này đã bắt đầu được thực hiện trong năm 2009 và sẽ tiếp tục triển khai tích cực trong năm 2011.

Căn cứ vào thị trường mục tiêu và chiến lược tín dụng tổng thể của VietinBank cũng như kết quả tình hình hoạt động tín dụng trong quá khứ, sự thay đổi của thị trường và nhu cầu vốn dự kiến, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư đề xuất mức tăng trưởng tín dụng của VietinBank, các giới hạn tín dụng toàn hệ thống theo sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, ngành hàng, thành phần kinh tế, khách hàng, nhóm khách hàng v.v. Các đề xuất của Phòng sau đó sẽ được trình Tổng giám đốc để trình HĐQT phê duyệt.

Chức năng quản trị rủi ro tín dụng hàng ngày của VietinBank do các Phòng Chế độ tín dụng và đầu tư, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư, và Phòng Quản lý nợ có vấn đề cùng phối hợp đảm trách. Thêm vào đó, Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ tiến hành các đánh giá định kỳ và đánh giá đột xuất đối với các hoạt động cấp tín dụng của VietinBank để đảm bảo các hoạt động này phù hợp với các hướng dẫn của VietinBank và các quy định của pháp luật.

Chức năng định giá tài sản bảo đảm hiện do các phòng Khách hàng và quản lý rủi ro tại chi nhánh đảm trách tại thời điểm cho vay và định giá lại theo quy định của VietinBank. Tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo được giới hạn theo tỷ lệ phần trăm giá trị của từng loại tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo được định giá lại ít nhất 1 lần/năm (tùy theo loại tài sản) hoặc đột xuất.

## **Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng**

Sau khi nhận và kiểm tra đơn đề nghị cấp tín dụng của khách hàng cùng với các hồ sơ vay vốn, chuyên viên tín dụng thuộc bộ phận khách hàng tiến hành thẩm định khoản vay: tư cách pháp lý của khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng tài chính của khách hàng,

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

hiệu quả, tính khả thi của phương án/dự án vay vốn, tình hình vay trả nợ của khách hàng, tình hình tài sản đảm bảo, xác định phương thức cho vay, lãi suất v.v. và lập Tờ trình thẩm định tín dụng.

Trong một số trường hợp (tùy thuộc vào các điều kiện cấp tín dụng của VietinBank), bộ phận khách hàng sẽ chuyển đơn đề nghị cấp tín dụng và hồ sơ, tài liệu liên quan sang bộ phận quản lý rủi ro. Tại đây, chuyên viên quản lý rủi ro tín dụng sẽ tiến hành thẩm định độc lập và lập Báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng, trong đó đánh giá mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Việc cấp tín dụng được xem xét căn cứ vào định hướng cấp tín dụng hàng năm của HĐQT, thông tin thu thập từ khách hàng, nhu cầu sử dụng tín dụng của khách hàng, xếp hạng khách hàng, kết quả thẩm định tín dụng và thẩm định rủi ro tín dụng v.v.

Tờ trình thẩm định của chuyên viên tín dụng và báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng của chuyên viên quản lý rủi ro (trường hợp phải thẩm định rủi ro tín dụng) cùng hồ sơ tín dụng sẽ được trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng được xác định trên cơ sở (i) mức phán quyết tín dụng: định kỳ được xem xét lại hàng năm căn cứ vào phân cấp quản lý khách hàng, năng lực trình độ của cấp được xem xét (tại Trụ sở chính), quy mô, năng lực trình độ cán bộ, kết quả hoạt động v.v. (tại chi nhánh); (ii) việc đáp ứng các điều kiện tín dụng của khách hàng: điều kiện tín dụng được xây dựng, chỉnh sửa, thay đổi tuân theo các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn đảm bảo an toàn và tính cạnh tranh của VietinBank

Khoản tín dụng sau khi được người có thẩm quyền phê duyệt sẽ được bộ phận quản lý rủi ro giám sát tùy thuộc vào mức độ rủi ro của khoản tín dụng đó, trong suốt quá trình đàm phán ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo, hoàn thiện hồ sơ tín dụng và nhập vào hệ thống INCAS.

Hiện tại, VietinBank chưa thiết lập quy trình nghiên cứu đánh giá khách hàng toàn diện, nhưng trong thời gian sắp tới, VietinBank sẽ cân nhắc xây dựng chính sách “Hiểu biết về khách hàng của bạn” (KYC), “Chống rửa tiền” (AML) để ngăn ngừa việc người vay sử dụng ngân hàng như là công cụ để thực hiện các giao dịch bất hợp pháp.

VietinBank hiện đang triển khai 3 hệ thống tính điểm khác nhau dành cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và nhóm khách hàng định chế tài chính. Tuy nhiên, đây đều là

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

các quá trình tính toán thủ công và còn nhiều đánh giá mang tính định tính của cán bộ quản lý khách hàng.

## **Quản trị rủi ro thị trường và tác nghiệp**

Tháng 3/2006, VietinBank đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp (MORM) để theo dõi các rủi ro trong hoạt động và rủi ro thị trường của VietinBank, với chức năng chính là phát triển các chính sách, thủ tục và hệ thống cảnh báo sớm đối với các rủi ro hoạt động và thị trường.

Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO và Phòng Đầu tư dựa trên các thông tin thị trường mới nhất để phân tích các thay đổi về tỷ lệ lãi suất. Đối với hoạt động tín dụng, VietinBank áp dụng lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung và dài hạn, thậm chí tùy tình hình biến động của lãi suất trên thị trường có thể áp dụng cả lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay ngắn hạn. Việc đầu tư chứng khoán hiện nay được tập trung vào các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp. Danh mục đầu tư của ngân hàng bao gồm hầu hết là trái phiếu Kho bạc Nhà nước, các loại trái phiếu chính phủ khác và một số trái phiếu an toàn khác. Hàng tháng, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO chuẩn bị báo cáo về các chỉ số tài chính chủ yếu và các tỷ lệ an toàn theo yêu cầu của NHNN và trình Ban điều hành hoặc Ban Tổng giám đốc để xem xét và thông qua.

Là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt nam, VietinBank đã đưa ra chiến lược quản trị rủi ro (được ghi nhận trong chiến lược kinh doanh tổng thể của VietinBank cho giai đoạn 2005 – 2010) và những quy định về quản trị rủi ro tác nghiệp (Quyết định 220 được HĐQT ban hành tháng 5/2007) nhằm thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro tác nghiệp. Ngoài ra VietinBank đã có bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ được thiết lập từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bộ máy này chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của VietinBank nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận và sai sót, đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ đảm bảo hoạt động kinh doanh của VietinBank tuân thủ pháp luật, an toàn, hiệu quả.

## **Quản trị rủi ro pháp lý**

Rủi ro pháp lý của VietinBank do Phòng Pháp chế phụ trách, với chức năng chính là tư vấn và đào tạo về pháp lý cho các đơn vị kinh doanh và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của VietinBank. Đối với những trường hợp cụ thể, ví dụ bảo lãnh phát

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

hành trái phiếu, bảo lãnh phát hành ra nước ngoài, cấp tín dụng cho các dự án lớn, VietinBank có thể thuê công ty luật bên ngoài tư vấn. Các chi nhánh cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình. Tuy nhiên, với các vấn đề pháp lý phức tạp hoặc do sai phạm của nhân viên cần được báo cáo lên Phòng Pháp chế tại Trụ sở chính để giải quyết. Đối với sản phẩm mới triển khai, Phòng Pháp chế sẽ xem xét các khía cạnh pháp lý để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành.

## **Quản trị rủi ro thanh khoản**

VietinBank đã thành lập Ủy ban quản trị tài sản nợ, tài sản có (ALCO), thực hiện chức năng quản lý tài sản Nợ - Có và kiểm soát rủi ro thanh khoản. Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO có trách nhiệm chính là lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn, duy trì khả năng thanh khoản. Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO báo cáo trực tiếp hàng tháng lên Ban điều hành, Ủy ban ALCO và Hội đồng quản trị để cập nhật tình hình thanh khoản hiện tại của VietinBank và dự báo tình trạng thanh khoản cho tháng tiếp theo. VietinBank tuân thủ các quy định hiện hành của NHNN trong việc quản trị khả năng thanh khoản. Do có khối lượng lớn Giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ nên tạo cho VietinBank khả năng thanh khoản đáng kể.

Hiện nay, VietinBank đang theo dõi khả năng thanh khoản bằng việc tính toán các tỷ lệ thanh toán theo các hướng dẫn của NHNN và thường xuyên báo cáo với NHNN. Để đảm bảo chủ động trong thanh khoản và phòng tránh các sự cố bất ngờ xảy ra, VietinBank tính toán và duy trì một tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ, các Giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao và các công cụ khác (chiếm khoảng 22% - 30% tổng tài sản). Do đó, VietinBank luôn bảo đảm tốt khả năng thanh khoản.

## **6.3. Thị trường hoạt động**

### **Mạng lưới hoạt động**

Tính đến 31/09/2011, mạng lưới hoạt động của VietinBank phân bố rộng trên 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, bao gồm:

- 01 Hội sở chính;
- 01 Sở Giao dịch;
- 150 chi nhánh
- 941 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm;

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- 03 Văn phòng đại diện;
- 06 Công ty con bao gồm: Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính VietinBank, Công ty CP Chứng khoán VietinBank (VietinBankSc), Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản VietinBank; Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm VietinBank; Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ VietinBank; Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý VietinBank;
- 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm: Trung tâm Thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực.

## **Mạng lưới khách hàng**

Khách hàng và đối tác của VietinBank gồm có:

- Các tổ chức tài chính ngân hàng: VietinBank có mối quan hệ chặt chẽ với hầu hết các tổ chức tài chính ngân hàng tại Việt Nam bao gồm các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, Công ty tài chính, các công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư
- Các tổ chức kinh tế: Với vai trò là 1 trong 4 ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất, VietinBank cung cấp dịch vụ cho phần lớn các tập đoàn và tổng công ty như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)..., Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng, Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn. Bên cạnh đó các khách hàng tổ chức của VietinBank còn có các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty cổ phần trong cả nước.
- Các cá nhân: hiện nay VietinBank đã triển khai rộng rãi các dịch vụ cho cá nhân như huy động tiền gửi có kỳ hạn, cho vay phát triển kinh tế gia đình, cho vay tiêu dùng, cho vay mua nhà trả góp ...

Thị trường hoạt động của VietinBank bao phủ khắp các ngành nghề trong đó có nông lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, công nghiệp khai mỏ, sản xuất và phân phối điện khí đốt, xây dựng, thương mại, xuất nhập khẩu, khách sạn nhà hàng....

## **7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011**

### **7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011**

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011**

|                                                     | 2008        | 2009        | 2010        | Quý III/2011 |
|-----------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|
| <b>Tài sản, nguồn vốn</b>                           |             |             |             |              |
| Tổng tài sản                                        | 193.590.357 | 243.785.208 | 367.712.191 | 414.985.844  |
| Tiền gửi & cho vay các TCTD khác                    | 18.273.849  | 24.045.152  | 50.960.782  | 48.106.607   |
| Cho vay & tạm ứng KH                                | 118.601.677 | 161.619.376 | 231.434.907 | 269.608.615  |
| Chứng khoán đầu tư                                  | 40.959.079  | 38.977.048  | 61.585.378  | 68.111.781   |
| Tổng nợ phải trả                                    | 181.254.198 | 231.007.895 | 349.339.915 | 390.463.027  |
| Tiền gửi & vay các TCTD khác                        | 8.824.710   | 15.012.157  | 35.096.726  | 41.426.207   |
| Tiền gửi của KH & các khoản phải trả KH             | 121.634.466 | 148.374.599 | 205.918.705 | 223.403.322  |
| Vốn chủ sở hữu                                      | 12.336.159  | 12.572.078  | 18.170.363  | 24.313.306   |
| <b>Kết quả kinh doanh</b>                           |             |             |             |              |
| Thu nhập hoạt động                                  | 8.694.253   | 9.684.274   | 14.819.402  | 16.537.234   |
| Chi phí hoạt động                                   | (4.957.685) | (5.803.230) | (7.197.137) | 8.381.784    |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước Chi phí dự phòng RRTD | 3.736.568   | 3.881.044   | 7.622.265   | 8.155.450    |
| Dự phòng rủi ro                                     | (1.300.180) | (507.900)   | (3.024.227) | (2.198.875)  |
| Lợi nhuận trước thuế                                | 2.436.388   | 3.373.144   | 4.598.038   | 5.956.575    |
| Lợi nhuận sau thuế                                  | 1.804.464   | 2.583.131   | 3.414.347   | 4.501.203    |
| <b>Các chỉ tiêu tài chính</b>                       |             |             |             |              |
| Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản bình quân                 | 1,35%       | 1,54%       | 1,50%       | 1,47%        |
| Tỷ suất LNTT/Vốn chủ sở hữu bình quân               | 21,20%      | 27,08%      | 29,91%      | 25,41%       |
| Tỷ suất LNTT/Doanh thu                              | 28,02%      | 34,83%      | 31,03%      | 36,02%       |
| Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân                 | 1,00%       | 1,18%       | 1,12%       | 1,11%        |
| Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân               | 15,70%      | 20,74%      | 22,21%      | 19,20%       |
| Tỷ suất LNST/Doanh thu                              | 20,75%      | 26,67%      | 23,04%      | 27,22%       |

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và

Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

*Điều chỉnh số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*

Cho mục đích chuyển đổi doanh nghiệp của VietinBank từ Ngân hàng TM nhà nước thành Ngân hàng TMCP, vào ngày 02/7/2009, VietinBank đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 02/7/2009 nhằm xác định vốn nhà nước tại VietinBank trước thời điểm chính thức chuyển đổi và hoạt động như là một ngân hàng TMCP từ ngày 03/7/2009. Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập dựa trên tình hình thực tế kinh doanh của VietinBank cho giai đoạn nói trên và các chính sách, quy định của các cơ quan chức năng có ảnh hưởng đến hoạt động của VietinBank cho đến thời điểm đó.

Tuy nhiên, đến ngày 23/12/2009, VietinBank đã nhận thêm một số hướng dẫn của cơ quan chức năng như quyết định của cơ quan liên bộ và Ngân hàng Nhà nước về việc tính toán quỹ lương cho VietinBank và sau đó là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho năm 2009 và cơ sở để phân loại nợ và trích lập dự phòng cho báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến 02/7/2009. Ngoài ra, một số chi phí phát sinh trong giai đoạn trên cũng đã được quyết toán vào nửa cuối năm 2009 và các số liệu này ảnh hưởng trực tiếp đến số liệu trên các báo cáo tài chính hợp nhất của VietinBank cho giai đoạn từ 01/01/2009 đến 02/7/2009. Do vậy, ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu tại ngày 02/7/2009 theo các văn bản hướng dẫn bổ sung nói trên.

Ngoài ra, trong năm 2009, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2008 của VietinBank. Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu tại ngày 02/7/2009 theo các điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh nói trên đến số liệu tài chính tại ngày 02/7/2009 được trình bày cụ thể trong Báo cáo kiểm toán của VietinBank tại ngày 31/12/2009, mục 47 “Thuyết minh báo cáo tài chính”.

## **7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo**

### **a. Nhân tố thuận lợi**

#### **Tiềm năng phát triển của ngành tài chính - ngân hàng**

Trong thời gian qua, ngành ngân hàng đã có sự tăng trưởng nhanh chóng cả về số lượng và quy mô. Số lượng ngân hàng tăng từ 9 ngân hàng trong năm 1991 lên 102 ngân hàng vào đầu năm 2009. Số lượng ngân hàng tăng lên tập trung vào 2 khối ngân hàng thương mại cổ phần (38 ngân hàng) và ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài (63 ngân hàng). Điều này cho thấy sức hấp dẫn của ngành ngân hàng Việt Nam đối với các nhà đầu tư trong nước cũng như các tổ chức tài chính quốc tế. Về cơ cấu thị phần, đến cuối năm 2009, các Ngân hàng

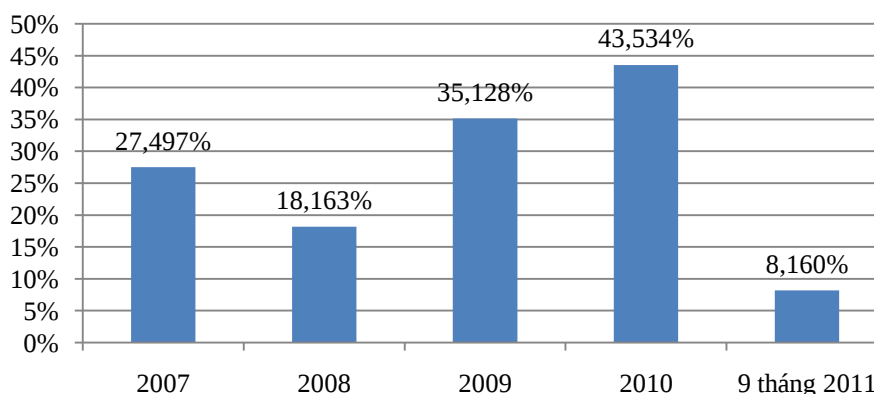
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TM quốc doanh chiếm khoảng 52% tổng tài sản trong hệ thống, các NHTM CP chiếm khoảng 38%, phần còn lại thuộc về khối các ngân hàng có vốn nước ngoài.

Bên cạnh sự tăng trưởng về số lượng, quy mô hoạt động của hệ thống ngân hàng cũng tăng trưởng mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng hoạt động tín dụng và huy động tiền gửi ở mức rất cao, đạt trung bình trên 35% năm trong suốt giai đoạn 2002-2008. Trong năm 2009, tỷ lệ này khoảng 38%.

Năm 2010, tốc độ tăng trưởng tín dụng của Vietinbank là 43,5%, cơ cấu dư nợ được chú trọng theo ngành phù hợp với khẩu vị rủi ro của Vietinbank. Dư nợ tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực công nghiệp, xuất khẩu (chiếm 31%), thương nghiệp (chiếm 28%), nông nghiệp, nông thôn & xuất khẩu (chiếm 17%) và xây dựng cơ sở hạ tầng (chiếm 13%).

**Hình 21: Tăng trưởng tín dụng**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Bên cạnh đó tiềm năng thị trường đối với ngành ngân hàng còn rất lớn. Số lượng người dân Việt Nam sử dụng các dịch vụ ngân hàng còn khiêm tốn. Với dân số gần 87 triệu người nhưng chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản ngân hàng tại Việt Nam, trong số đó 6 triệu tài khoản được mở trong hai năm gần đây, với khoảng 50% tổng số giao dịch vẫn sử dụng tiền mặt, 4 triệu người sử dụng thẻ tín dụng. Điều này cho thấy chỉ khoảng 8% dân số có tài khoản ngân hàng - một tỷ lệ nằm trong số thấp nhất toàn cầu (Nguồn: ADB), như ở Singapore, tỷ lệ này là 95%, ở Malaysia là 65%, ở Thái Lan là 46%. Do vậy thị trường ngân hàng trong nước còn nhiều tiềm năng phát triển.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**VietinBank là Thương hiệu lớn có mạng lưới hoạt động rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước**

Tiền thân là một trong bốn Ngân hàng Thương mại Nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, VietinBank có tổng tài sản chiếm hơn 10% trong toàn bộ hệ thống ngân hàng. Nguồn vốn luôn tăng trưởng qua các năm, tăng mạnh kể từ năm 1996, đạt bình quân hơn 20%/năm, đặc biệt có năm tăng 35% so với năm trước. Trong năm 2008, VietinBank là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu tại Việt Nam và quốc tế.

Với mạng lưới hoạt động phân bố trên 63 tỉnh, thành phố có mặt tại tất cả các thành phố lớn, như Hà Nội (19 chi nhánh và 01 sở giao dịch), Tp. HCM (21 chi nhánh), các khu công nghiệp, khu kinh tế thương mại, vùng đông dân cư, VietinBank có lợi thế cung cấp các dịch vụ truyền thống, dịch vụ hiện đại và các dịch vụ giá trị gia tăng đến với mọi thành phần kinh tế.

## **Hệ thống công nghệ thông tin ngân hàng hiện đại**

Hiện tại, hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT của VietinBank đã và đang được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, tạo tiền đề cho việc phát triển các dịch vụ mới trong tương lai theo mô hình ngân hàng hiện đại. Toàn bộ hệ thống mạng trải rộng khắp cả nước và luôn có phương án dự phòng đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt và đảm bảo cho việc giao dịch trực tuyến với “Hệ thống ngân hàng lõi”. Với hệ thống máy chủ mạnh, hệ thống lưu trữ đủ lớn được thiết kế theo hướng tập trung hoá và ảo hoá nhằm đảm bảo cho Hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) hoạt động ổn định, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển trong vòng 03 đến 05 năm tới v.v.

## **Hoàn thành việc cổ phần hóa và phát hành lần đầu ra công chúng trong năm 2009**

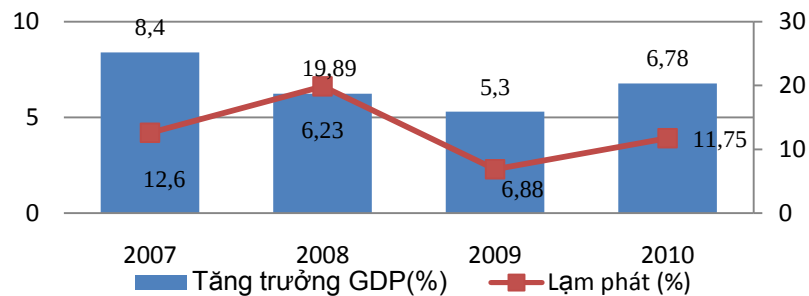
Năm 2009, VietinBank đã hoàn thành việc chuyển đổi từ Ngân hàng Nhà nước sang mô hình Ngân hàng cổ phần và chào bán thành công lần đầu ra công chúng. Đây là đợt chào bán thành công nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2008. Đến ngày 16/7/2009, cổ phiếu của VietinBank với mã giao dịch là CTG đã chính thức niêm yết giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM. Sau khi chuyển đổi, chiến lược của VietinBank là Xây dựng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững. Phần đầu trở thành một Tập đoàn Tài chính ngân hàng mạnh trong khu vực vào năm 2015 đó là Tập đoàn hoạt động dựa trên hai trụ cột là Ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư; tiếp tục mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động thông qua việc phát triển mạng lưới, thành lập và liên kết thành lập các công ty kinh doanh trên lĩnh vực tài chính tiền tệ, ngân hàng và các lĩnh vực kinh doanh liên quan khác.

### **b. Nhân tố khó khăn**

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## Diễn biến bất lợi của nền kinh tế Việt Nam và thế giới

Hình 22: Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2007-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Những diễn biến trái chiều của nền kinh tế Việt Nam và thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong đó có các ngân hàng. Cùng với sự biến động mạnh của thị trường tiền tệ là sự thay đổi lớn của cơ cấu nguồn vốn theo hướng kỳ hạn ngắn dần, luồng tiền vào ngân hàng bị tác động bởi nhiều yếu tố như lạm phát, suy giảm kinh tế, tỷ giá ngoại tệ, tâm lý... mang lại rủi ro thị trường cho các tổ chức tín dụng. Sự suy giảm liên tục của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản trong nước, ảnh hưởng xấu của nền kinh tế thế giới tạo ra nhiều sức ép và khó khăn cho doanh nghiệp là khách hàng của ngân hàng.

### Khó khăn do áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt

Trên thị trường tài chính – ngân hàng hiện nay có 5 ngân hàng thương mại nhà nước, 39 ngân hàng thương mại cổ phần, 5 ngân hàng liên doanh, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 40 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 53 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 13 công ty cho thuê tài chính và 17 công ty tài chính. (nguồn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31-03-2010 <http://www.sbv.gov.vn/vn/home/htTCTD.jsp>.)

Trước đây với lợi thế về vốn, tài sản và mạng lưới hoạt động, các ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN) đóng vai trò tạo lập sân chơi. Trong vài năm trở lại đây các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) đã đạt được mức tăng trưởng vượt trội về vốn, quy mô hoạt động. Các ngân hàng này liên tục mở rộng mạng lưới các chi nhánh và các văn phòng đại diện. Hiện nay, thị phần đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ giữa khối NHTMNN và khối NHTMCP. Thị phần cho vay năm 2000 của khối NHTMNN chiếm 77% nhưng năm 2006 con số này đã giảm xuống còn 55%. Thị phần cho vay năm 2000 của khối NHTMCP là 9% thì năm 2006 con số này đã tăng lên 29%. Thị phần huy động năm 2000 của khối NHTMNN đạt 77% nhưng năm 2006 thì chỉ còn 59%. Con số này đối với NHTMCP tăng từ 11% năm

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

2000 lên 30% năm 2006. Đến năm 2009, tỷ lệ thị phần cho vay và huy động vốn của khối các NHTM quốc doanh có giảm đôi chút. Đây cũng có thể là dấu hiệu cho thấy sức cạnh tranh ngày càng lớn từ các NHTM CP và khối các NH nước ngoài.

Bên cạnh sự lớn mạnh của hệ thống các NHTMCP, hoạt động của các ngân hàng nước ngoài đang ngày càng được mở rộng. Theo cam kết hội nhập, từ 01/04/2007 Việt Nam cho phép các ngân hàng 100% vốn nước ngoài được hoạt động và thực hiện hầu hết các nghiệp vụ như một ngân hàng nội địa – hiện đã có 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài được cấp phép thành lập là Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải và Ngân hàng Standard Chartered Bank và ngân hàng ANZ, Ngân hàng Hồng Leong Việt Nam, Ngân hàng Shinhan Việt Nam.

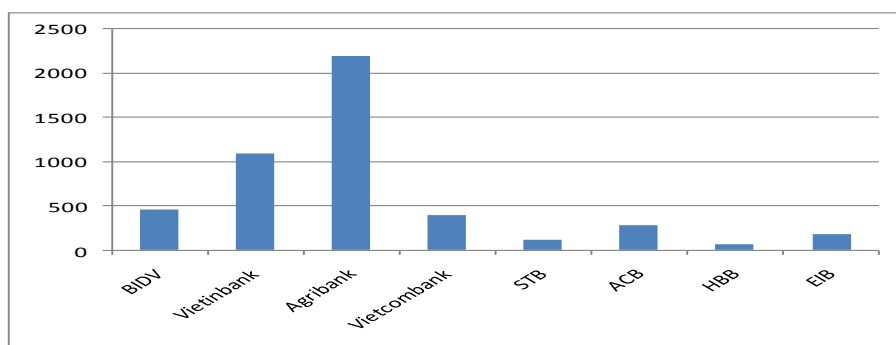
## 8. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành

### 8.1. Vị thế của VietinBank trong ngành

Tính đến hết năm 2010, VietinBank là một trong 4 ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường hiện nay với tổng tài sản chiếm khoảng 10% tổng tài sản toàn hệ thống, thị phần huy động vốn chiếm 12%, thị phần cho vay chiếm 11,6% của toàn hệ thống, mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch đứng thứ 2 toàn quốc sau Agribank. Với thương hiệu tốt và mối quan hệ chặt chẽ với nhiều khách hàng truyền thống, cùng với nền tảng tài chính vững mạnh, VietinBank luôn là một trong những Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

#### Về mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch

**Hình 23: Mạng lưới hoạt động của VietinBank và các Ngân hàng khác**



*Nguồn: Báo cáo thường niên các ngân hàng*

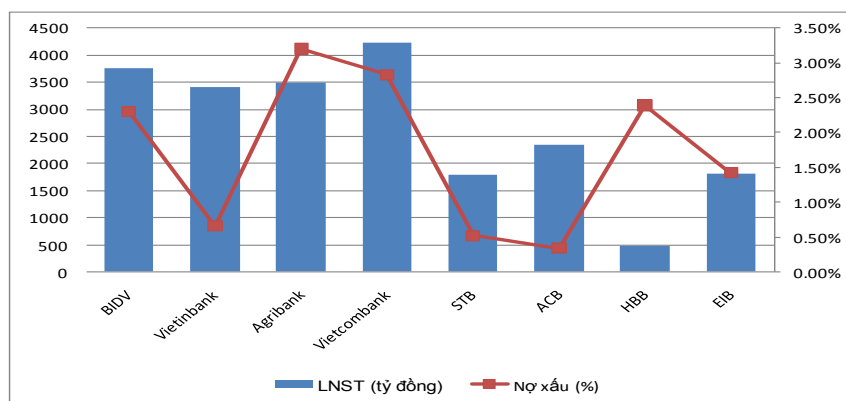
Đến hết Quý III/2011, Vietinbank có mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch đứng thứ 2 toàn quốc sau Agribank với 01 Hội sở chính; 01 Sở Giao dịch; 150 chi nhánh; 941 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm; hơn 1.829 máy rút tiền tự động (ATM); 03 Văn phòng đại diện. Hiện nay, Vietinbank có 06 Công ty con bao gồm Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBankSc), Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Vàng bạc đá quý Ngân

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

hàng TMCP Công thương Việt Nam; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực và 01 liên doanh là Ngân hàng Indovina.

## Về hiệu quả hoạt động kinh doanh

**Hình 24: Lợi nhuận sau thuế và tỷ tỷ lệ nợ xấu của VietinBank và các ngân hàng khác**

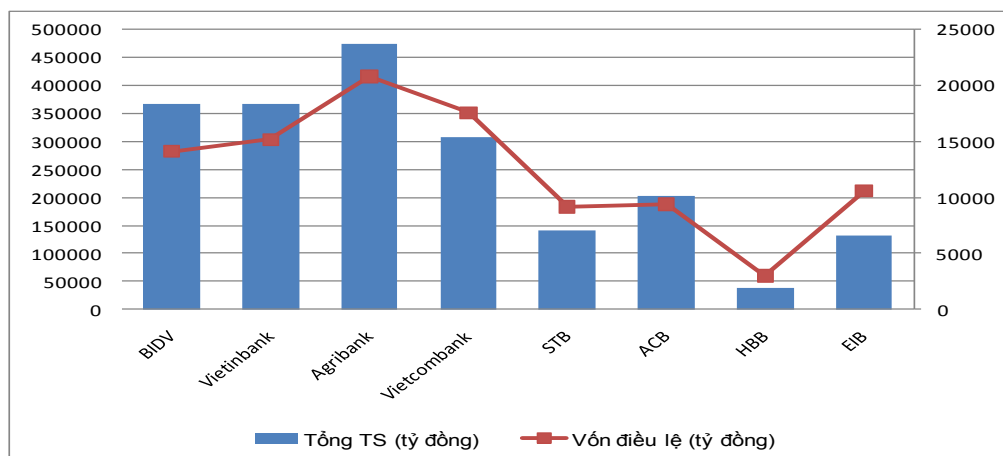


Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 các Ngân hàng

Hiện nay, Cơ cấu dư nợ của VietinBank tương đối hợp lý; tỷ lệ dư nợ xấu thuộc loại thấp nhất trong hệ thống. VietinBank đã áp dụng thực hiện xử lý tập trung các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, học tập mô hình các ngân hàng lớn tiên tiến trên thế giới đang áp dụng, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng doanh số thanh toán xuất nhập khẩu, đồng thời là kênh huy động vốn ngoại tệ có hiệu quả.

## Về Quy mô

**Hình 25: Tương quan Tổng tài sản và vốn điều lệ của VietinBank với các ngân hàng khác năm 2010**



Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 các Ngân hàng

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Sau khi chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần, VietinBank trở thành ngân hàng cổ phần có vốn điều lệ lớn thứ 2 trên thị trường và trở thành công ty đại chúng, nâng cao tính minh bạch và khả năng quản trị doanh nghiệp. Với hiệu quả kinh doanh trong quá khứ tốt cùng chiến lược phát triển rõ ràng và có trọng tâm, mục tiêu của VietinBank là trở thành Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

## Về thị phần

VietinBank là một trong những Ngân hàng lớn nhất tại Việt Nam với thị phần cho vay chiếm 11,6% của toàn hệ thống, thị phần huy động vốn chiếm 12% toàn hệ thống và là một trong những ngân hàng hàng đầu trong lĩnh vực huy động nội tệ. Trong lĩnh vực phát hành thẻ, thị phần của VietinBank chiếm khoảng 18% thị trường thẻ nội địa trong nước và 23% thị trường thẻ tín dụng quốc tế trong nước năm 2010. Trong hoàn cảnh kinh tế nhiều bất ổn, tỷ giá biến động bất lợi và điều kiện cạnh tranh gay gắt khi khối ngân hàng quốc doanh lớn để mất thị phần khách hàng cho các ngân hàng thương mại cổ phần, VietinBank vẫn thu được thành công trong việc gia tăng thị phần nắm giữ lên hơn 13,5% thị phần tài trợ thương mại xuất nhập khẩu và chi trả kiều hối 05 tháng đầu năm 2011, tăng khoảng 1,5% so với năm 2010. Năm 2010, doanh số thanh toán nhập khẩu của Vietinbank là 10,6 tỷ USD và thanh toán xuất khẩu là 8,4 tỷ USD, số dư bảo lãnh bình quân tháng là 678,3 triệu USD.

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Suy thoái kinh tế và sụt giảm nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam dẫn đến nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp không cao. Tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011 giảm so với năm 2010 đồng nghĩa với việc các ngân hàng phải giảm bớt lợi nhuận từ hoạt động truyền thông vốn chiếm tới 60-70% thu nhập của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, nguy cơ về nợ xấu của các ngân hàng vẫn còn tiềm ẩn.

Mặc dù vậy, ngành Ngân hàng vẫn là ngành tiềm năng trong tương lai. Việt Nam đang được đánh giá là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới với nhu cầu dịch vụ tài chính và cho vay tăng cao. Thu nhập bình quân của người Việt Nam cũng cao hơn trước đây dẫn đến gia tăng nhu cầu có các sản phẩm tiết kiệm, sản phẩm thẻ và các dịch vụ tài chính cá nhân. Đây là một thị trường mở cho các ngân hàng vốn hiện tại vẫn chưa được đáp ứng nhu cầu một cách đầy đủ.

Theo báo cáo của ADB, Việt Nam có dân số khoảng 87 triệu người (đứng thứ 13 trên thế giới), hiện mới chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản cá nhân được mở. Tỷ lệ tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán ở Việt Nam giai đoạn năm đến Quý I/2011 là khoảng 14%, cao hơn so với nhiều nước trong khu vực ước tính khoảng 50% tiết kiệm cá nhân được giữ bên ngoài hệ

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

thống ngân hàng chính thống dưới dạng tiền mặt, vàng và các tài sản khác. Trong các năm tới, khi nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chuyển đổi từ nền kinh tế tiền mặt sang hệ thống tài chính chính thống, tỷ lệ thâm nhập dịch vụ tài chính dự kiến sẽ có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ. Cuối năm 2006, Chính phủ đã phê duyệt đề án “Thanh toán không dùng tiền”. Mục tiêu của đề án là đến năm 2020, tỷ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán là 15%, số lượng tài khoản cá nhân đạt 45 triệu, hơn 90% người lao động lĩnh lương qua tài khoản và 95% khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp được thực hiện qua ngân hàng.

Bộ phận phân tích thông tin kinh tế (EIU) của Tạp chí Economist trong dự đoán tương lai đã đánh giá, năm 2011 và xa hơn nữa, viễn cảnh chính trị của Việt Nam vẫn ổn định và viễn cảnh kinh tế là bền vững. Theo đánh giá của Vietinbank, triển vọng nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới có nhiều lạc quan mặc dù khó có sự hồi phục nhanh chóng của kinh tế Việt Nam. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng do Việt Nam có thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn và các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô đã dần phát huy tác dụng, nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá so với các nước khác trên thế giới. Thị trường tín dụng quốc tế hồi phục sẽ tạo đà cho sự khởi động lại của dòng vốn FDI vào Việt Nam khi các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục chiến lược Trung Quốc + 1 bị khủng hoảng tài chính làm dậm dề. Bên cạnh đó, có sự thay căn bản về cách thức ra quyết định về phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế dựa trên hiệu quả toàn diện gắn với các nguyên tắc thị trường thay vì dựa quá nhiều vào các yếu tố phi thị trường.

**Bảng 15: Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam 2011-2012**

| Chỉ tiêu                       | Đơn vị | 2011F | 2012 F |
|--------------------------------|--------|-------|--------|
| Tốc độ tăng GDP                | %      | 6,0   | 6,7    |
| Tăng lượng hàng hóa bán lẻ     | %      | 16    | 19     |
| Xuất nhập khẩu                 |        |       |        |
| - Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu | %      | 23    | 25     |
| - Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu | %      | 18    | 22     |
| - Thâm hụt cán cân thương mại  | Tỷ USD | 14,5  | 15     |
| FDI thực hiện                  | Tỷ USD | 9     | 9,5    |
| Tỷ lệ đầu tư/GDP               | %      | 37    | 40     |
| Tăng trưởng tín dụng           | %      | 20    | 30     |
| Tăng CPI bình quân 12 tháng    | %      | 18,5  | 10     |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo nhận định năm 2011 sẽ là năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của hệ thống ngân hàng nói riêng. Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ thông qua việc tăng lãi suất, điều hành tỷ giá linh hoạt (tăng tỷ giá, thu hẹp biên độ dao động, mua-bán ngoại tệ trên thị trường mở, quy định kết hối...), hạn chế tín dụng phi sản xuất... Theo chỉ đạo của Thủ tướng, năm 2012, Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục thắt chặt tiền tệ.

Là Ngân hàng trong đó Nhà nước nắm phần vốn chi phối, VietinBank là một trong những doanh nghiệp hỗ trợ cho Ngân hàng Nhà nước để thực hiện các mục tiêu, chính sách tiền tệ đề ra, giúp kiểm soát và điều tiết thị trường tài chính. Mục tiêu chiến lược của VietinBank là xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam trở thành Tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, xếp hạng tiên tiến trong khu vực: đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; Quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững, ngân hàng.

Trong năm 2011, VietinBank đặt mục tiêu tăng trưởng tài sản, tăng trưởng nguồn vốn huy động, tăng trưởng dự nợ cho vay và đầu tư đạt 20%/năm; tăng cường quản lý rủi ro, đảm bảo nợ xấu dưới 3%; phân đầu duy trì hệ số an toàn vốn lớn hơn 9%; tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân đạt trên 16-18%, tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản (ROA) đạt trên 1,2%, tỷ lệ cổ tức phân đầu đạt 16%.

Sự phát triển của ngành ngân hàng đã có vai trò tác động tích cực trở lại tạo động lực cho sự phát triển kinh tế. Vốn ngân hàng đã và sẽ tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp, các dự án lớn của đất nước, góp phần định hướng sự phát triển kinh tế của nhiều địa phương trong cả nước.

Trong thời gian tới, VietinBank sẽ tìm kiếm và hợp tác cùng với đối tác chiến lược nước ngoài để nâng cao chất lượng và sản phẩm dịch vụ ngân hàng đạt tầm quốc tế. Định hướng phát triển của VietinBank là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành ngân hàng, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm 30/9/2011, tổng số lao động của VietinBank là 18.352 người, được phân loại như sau:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Bảng 16: Phân loại lao động tại thời điểm 31/12/2010 và Quý III/2011**

| STT      | Chỉ tiêu                                                   | 31/12/2010    |             | 30/09/2011    |             |
|----------|------------------------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
|          |                                                            | Số lượng      | Tỷ lệ       | Số lượng      | Tỷ lệ       |
| <b>1</b> | <b><i>Phân theo trình độ:</i></b>                          | <b>17.243</b> | <b>100%</b> | <b>18.352</b> | <b>100%</b> |
| +        | Đại học và trên Đại học                                    | 13.228        | 76.71%      | 14.529        | 79.17%      |
| +        | Cao đẳng và cao cấp                                        | 1.167         | 6.77%       | 942           | 5.13%       |
| +        | Trung cấp và sơ cấp                                        | 1.140         | 6.61%       | 865           | 4.71%       |
| +        | Khác (bao gồm cả lao động phục vụ và hợp đồng ngắn hạn)    | 1.708         | 9.91%       | 2.016         | 10.99%      |
| <b>2</b> | <b><i>Phân theo thời hạn lao động:</i></b>                 | <b>17.243</b> | <b>100%</b> | <b>18.352</b> | <b>100%</b> |
| +        | Lao động không phải ký hợp đồng                            | 42            | 0.24%       | 42            | 0.23%       |
| +        | Lao động không xác định thời hạn                           | 12.988        | 75.33%      | 14.186        | 77.3%       |
| +        | Lao động có thời hạn từ 1 – 3 năm                          | 2.161         | 12.53%      | 1.908         | 10.4%       |
| +        | Lao động có thời hạn dưới 1 năm                            | 2.052         | 11.90%      | 2.216         | 12.07%      |
| <b>3</b> | <b><i>Phân loại theo đơn vị kinh doanh</i></b>             | <b>17.243</b> | <b>100%</b> | <b>18.352</b> | <b>100%</b> |
| +        | Tại Hội sở chính                                           | 1.331         | 7.72%       | 1.466         | 7.99%       |
| +        | Tại chi nhánh, Công ty trực thuộc và đơn vị sự nghiệp khác | 15.912        | 92.28%      | 16.886        | 92.01%      |

*Nguồn: VietinBank*

VietinBank luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của hệ thống VietinBank. Thực hiện chủ trương trên, VietinBank đã không ngừng tăng cường và cải thiện cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

Hàng năm, VietinBank thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu để các đơn vị tự chủ trong hoạt động kinh doanh, tiếp cận phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, dịch vụ; thường xuyên tổ chức các đợt học tập, thực tập, khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước về các lĩnh vực then chốt như quản trị rủi ro, giải pháp công nghệ cho ngân hàng, tài trợ thương mại, thẩm định, dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ, v.v.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đặc biệt, VietinBank chú trọng nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất và năng lực cán bộ cho sự nghiệp phát triển của Ngân hàng, quan tâm tới chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, ưu đãi tiền lương cán bộ, thu hút tuyển dụng nhân tài, đánh giá sử dụng cán bộ đúng người đúng việc để phát huy hiệu quả công tác quản trị điều hành.

## **Các chính sách với người lao động**

### *Chế độ làm việc*

Người lao động trong hệ thống VietinBank thực hiện làm việc theo HĐLĐ đã ký kết (trừ các chức danh không thuộc đối tượng ký kết HĐLĐ gồm: Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng). Thời giờ làm việc của người lao động không quá 08 giờ/ngày hoặc 48 giờ/tuần theo Quy chế nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể của VietinBank và Công đoàn VietinBank.

### *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Ngân hàng đã ban hành Quy chế tuyển dụng lao động, theo đó Ngân hàng thực hiện việc tuyển dụng lao động có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh và tiêu chuẩn chức danh. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Ngân hàng, VietinBank đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. VietinBank thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khoá học bên ngoài do Ngân hàng đài thọ. Ngân hàng đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho toàn hệ thống.

### *Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động trong VietinBank căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương theo Quy chế tiền lương đã được ban hành, bao gồm:

- **Lương cơ bản:** Lương cơ bản chi trả đối với người lao động được xác định trên cơ sở hệ số lương cơ bản và hệ số phụ cấp theo lương cơ bản (nếu có) của người lao động (theo hệ thống thang bảng lương của Nhà nước quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời kỳ).
- **Lương kinh doanh:** VietinBank thực hiện trả lương theo vị trí công việc, theo mức độ hoàn thành kế hoạch, công việc được giao trên cơ sở các mức lương VietinBank xây dựng tại quy định trả lương trong hệ thống VietinBank ban hành kèm theo Quyết định 126/QĐ-HĐQT-NHCT2 ngày 04/02/2008.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Mức lương bình quân Vietinbank chi trả đối với người lao động: năm 2006 là 5,50 triệu đồng/người/tháng, năm 2007 là 7,16 triệu đồng/người/tháng, năm 2008 là 13,5 triệu đồng/người/tháng, năm 2009 là 16,68 triệu đồng/người/tháng và năm 2010 là 17,86 triệu đồng/người/tháng.

## 10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. VietinBank chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của VietinBank do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VietinBank hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
- Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của VietinBank.
- Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. VietinBank không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.
- VietinBank không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 11. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

### Hội đồng quản trị

**Họ và tên: PHẠM HUY HÙNG** – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/11/1954

CMND: 011539613      ngày cấp: 19/01/2005      nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ngõ Ngẩn, Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 06/154 phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 3942 1030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế (1995 – 1997 Đại học Tài chính Kế toán)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                   |                                                     |
|-------------------|-----------------------------------------------------|
| 1973 - 1978       | Sinh viên Đại học Tài chính Kế toán khoa Ngân hàng  |
| 02/1978 - 09/1980 | Cán bộ Vụ thương nghiệp Vật tư Bộ Tài chính         |
| 10/1980 - 06/1988 | Cán bộ Vụ Tín dụng Thương nghiệp NHNN Việt Nam      |
| 07/1988 - 02/1990 | Phó văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam        |
| 02/1990 - 03/1992 | Phó Trưởng phòng tín dụng NHCT Việt Nam             |
| 04/1992 - 04/1993 | Trưởng phòng Tiền tệ Ngân hàng Công thương Việt Nam |
| 05/1993 - 04/1994 | Phó Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình                 |
| 05/1994 - 10/1996 | Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình                     |
| 11/1996 - 04/2002 | Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                     |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                   |                                                                                                         |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 04/2002 - 07/2002 | Quyền Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                                                                       |
| 07/2002 - 10/2007 | UVHĐQT kiêm Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                                                                 |
| 11/2007 - 05/2009 | Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng Công thương VN<br>Bí thư Đảng uỷ Ngân hàng Công thương Việt Nam               |
| 06/2009 - Nay     | Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam<br>Bí thư Đảng uỷ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Indovina.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Của bản thân: 4.044 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 6.210 cổ phần

- Vợ: Phạm Thị Hòa Minh sở hữu 6.202 cổ phần
- Chị: Phạm Thị Thanh sở hữu 8 cổ phần

**Họ và tên:** NGUYỄN VĂN THẮNG - Ủy viên HĐQT

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 12/09/1973

**CMND:** 011836037      **ngày cấp:** 12/08/2008      **nơi cấp:** Hà Nội

**Nơi sinh:** Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Địa chỉ thường trú: Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 3942 1030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                     |                                                                       |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 10/1991 – 10/1995   | Học Cao đẳng Ngân hàng tại Học viện Ngân hàng                         |
| 12/1996 – 12/2000   | Cán bộ Kinh doanh đối ngoại NHCT Chi nhánh Ba Đình                    |
| 01/2001 – 05/2003   | Thư ký Tổng Giám đốc NHCTVN                                           |
| 06/2003 – 02/2006   | Phó Chánh văn phòng kiêm Thư ký Tổng Giám đốc NHCTVN                  |
| 03/2006 – 08/2008   | Phó trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCTVN                   |
| 09/2008 – 12/2009   | Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCTVN                       |
| 01/2010 – 01/6/2011 | Giám đốc NH TMCP CT VN Chi nhánh TP Hà Nội                            |
| 01/6/2011 - nay     | Ủy viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Của bản thân: 121.896 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Họ và tên:** PHẠM THỊ HOÀNG TÂM - Ủy viên HĐQT

**Giới tính:** Nữ

**Ngày tháng năm sinh:** 05/06/1958

**CMND:** 020588498      **ngày cấp:** 18/10/2002      **nơi cấp:** TP. Hồ Chí Minh

**Nơi sinh:** Tỉnh Bến Tre

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Tỉnh Bến Tre

**Địa chỉ thường trú:** 133 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:** 04. 3942 1030

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Tiến sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

|                   |                                                                                        |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1977 - 1981       | Sinh viên trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh                                 |
| 01/1982 - 04/1984 | Cán bộ tín dụng Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre                                      |
| 04/1984 -05/1987  | Trưởng phòng TD Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre                                      |
| 06/1987 - 07/1988 | Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre                                         |
| 08/1988 - 05/1991 | Phó Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre                                                         |
| 05/1991 - 10/1991 | Quyền Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre                                                       |
| 11/1991 - 09/1999 | Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre                                                             |
| 10/1999 - 01/2003 | Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                                                        |
| 02/2003 - 08/2006 | Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL                                       |
| 09/2006 - 05/2009 | Ủy viên HĐQT - Ngân hàng Công thương VN, kiêm Trưởng ban Kiểm soát từ ngày 01/09/2007. |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

05/2009 - nay

Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Của bản thân: 16.988 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 2.292 cổ phần

- Con trai: Nguyễn Tấn Phát sở hữu 2.292 cổ phần

**Họ và tên:** TRẦN XUÂN CHÂU - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/03/1959

CMND: 010450227 ngày cấp: 11/07/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ thường trú: 504A, số 6 Lê Thánh Tông, TP Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

02/1983 - 06/1988

Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Ba Đình

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                   |                                                                                                                                   |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 07/1988 - 01/1991 | Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Công thương chi nhánh Ba Đình<br>Đảng ủy viên Đảng bộ NHCT Ba Đình, Bí thư Đoàn cơ sở                   |
| 02/1991 - 3/1998  | Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Quản lý các Ngân hàng – Vụ<br>các Ngân hàng và TCTD phi ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước<br>Việt Nam |
| 04/1998 - 7/2008  | Phó Vụ trưởng Vụ các Ngân hàng và TCTD phi ngân hàng –<br>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                                             |
| 08/2008 - 06/2009 | Ủy viên chuyên trách HĐQT Ngân hàng Công thương Việt Nam                                                                          |
| 7/2009 - nay      | Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam                                                                                  |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 3.370 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 3.775 cổ phần

- Em: Trần Thị Kim Yến sở hữu 3.775 cổ phần

**Họ và tên:** NGUYỄN HỒNG VÂN - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/12/1969

CMND: 011567149      ngày cấp: 15/03/2008      nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cát Nhon – Phù Cát – Bình Định

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Địa chỉ thường trú: Số 62 Trần Quốc Toản, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng (năm 2007)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                   |                                                      |
|-------------------|------------------------------------------------------|
| 1986 - 1990       | Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội            |
| 12/1990 - 07/1995 | Cán bộ phòng Kế hoạch Ngân hàng Công thương Việt Nam |
| 07/1995 - 03/2003 | Phó phòng Cân đối Tổng hợp NHCTVN                    |
| 03/2003 - 03/2006 | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Đầu tư NHCTVN       |
| 03/2006 - 08/2008 | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Hỗ trợ ALCO NHCTVN  |
| 09/2008 - 05/2009 | Ủy viên HĐQT Ngân hàng Công thương VN                |
| 5/2009 - nay      | Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương VN           |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm NH TMCP CT VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 2.292 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

**Họ và tên: TRẦN THỊ HỒNG HẠNH** - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07/11/1958

CMND: 010968764      ngày cấp: 18/02/2008      nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phương Sơn – Triệu Phong – Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: 61 Nguyễn Du - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ năm 1997.

Quá trình công tác:

|                    |                                                                                       |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 11/1975 - 01/1980  | Sinh viên trường Đại học Tài chính Kế toán                                            |
| 07/1980 - 11/1990  | Giáo viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng                                          |
| 12/1990 - 01/1993  | Thực tập sinh tại Liên Xô                                                             |
| 02/ 1993 - 03/1993 | Cán bộ Phòng Thông tin phòng ngừa rủi ro – Vụ Tín dụng<br>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 04/1993 - 11/1994  | Phó trưởng phòng – Phòng Thông tin phòng ngừa rủi ro                                  |
| 12/1994 - 04/1998  | Trưởng phòng Phòng Thẩm định dự án Vụ Tín dụng                                        |
| 04/1998 - nay      | Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                                 |
| 06/2009 - nay      | Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                                      |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;
- Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chủ tịch Công đoàn bộ phận Vụ Tín dụng;
- UVBCH Công đoàn Ngân hàng Nhà nước Trung ương;
- UVBCH Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khoá X.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

**Họ và tên: ĐỖ THỊ THUỶ - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/01/1960

CMND: 010442664      ngày cấp: 08/11/2004      nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thôn Thông Lộc, xã Cổ Thành, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 25 ngõ 12, Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 3942 1030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                   |                                                                                  |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 02/1982 - 07/1997 | Giảng viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội) |
| 08/1997 - 02/2001 | Cán bộ Tín dụng Trụ sở chính NHCT Việt Nam                                       |
| 03/2001 - 03/2003 | Phó phòng Tín dụng Ngắn hạn NHCT Việt Nam                                        |
| 04/2003 - 10/2003 | Trưởng phòng Tín dụng Ngắn hạn NHCT Việt Nam                                     |
| 11/2003 - 05/2007 | Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCT                                    |
| 06/2007 - 07/2008 | Giám đốc chi nhánh NHCT Ba Đình                                                  |
| 08/2008 - 05/2009 | Ủy viên HĐQT – Ngân hàng Công thương VN                                          |
| 06/2009 - nay     | Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                                 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Chức vụ công tác hiện:

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 10.219 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 10.112 cổ phần

- Ông Kim Đức Thịnh sở hữu 10.112 cổ phần

**Họ và tên: MICHAEL KNIGHT IPSON** - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/01/1947

Số hộ chiếu: 710962103 Ngày cấp 15/6/2005 Ngày hết hạn 14/6/2015

Nơi sinh: Yakima, Washington, Hoa Kỳ

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Dân tộc:

Quê quán: Yakima, Washington, Hoa Kỳ

Địa chỉ thường trú: 1055 Laurel Lane, Pebble Beach, California 93953, Hoa Kỳ

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (831) 375-5900

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

|                   |                                                                                |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 09/1964 – 06/1969 | Cử nhân lịch sử, Đại học Stanford, Stanford, California                        |
| 08/1966 – 06/1968 | Sinh viên lịch sử trong chương trình trao đổi sinh viên của Đại học California |
| 09/1971 – 06/1973 | Thạc sĩ Đông Á học, Đại học Stanford, Stanford, California                     |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                   |                                                                                                |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 09/1973 – 08/1979 | Ứng viên học hàm Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử và ngôn ngữ Đông Á, lịch sử Việt Nam, Trung Quốc |
| 02/1997 – 12/1999 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học DePaul Chicago III                                        |

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                   |                                             |
|-------------------|---------------------------------------------|
| 09/1979 – 02/1982 | Chemical Bank – New York                    |
| 02/1982 – 01/1986 | Chemical Bank – Hồng Kông                   |
| 01/1986 – 02/1988 | Chemical Bank – Bắc Kinh                    |
| 02/1988 – 12/1991 | Công ty TNHH Ngân hàng Chemical – Hồng Kông |
| 12/1991 – 03/2005 | Ngân hàng quốc tế Châu Á – Hồng Kông        |
| 04/2005 – 12/2009 | Tổ chức Tài chính Quốc tế - Bắc Kinh        |
| 02/2010 - nay     | Tổ chức tài chính Quốc tế - Washington, DC  |

Chức vụ công tác hiện:

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

## Ban Điều hành

**Họ và tên:** NGUYỄN VĂN THẮNG – Quyền Tổng Giám đốc (sơ yếu lý lịch xem trong phần HĐQT)

**Họ và Tên:** NGUYỄN VIỆT MẠNH – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 15/02/1962

CMND: 110511834 ngày cấp: 22/5/1979 nơi cấp: CA Hà Sơn Bình

Nơi sinh: Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: 98 Vọng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                   |                                                |
|-------------------|------------------------------------------------|
| 4/1984 – 3/1987   | Cán bộ tín dụng Ngân hàng Quảng Nam-Đà Nẵng    |
| 4/1987 – 12/1992  | Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Công thương Đồng Đa  |
| 01/1993 – 01/1997 | Phó phòng, TP Kế toán NHCT Đồng Đa             |
| 02/1997 – 01/1999 | Phó Giám đốc Ngân hàng Công Thương Đồng Đa     |
| 02/1999 – 9/1999  | Giám đốc Ngân hàng Công Thương Đồng Đa         |
| 10/1999 – 3/2003  | Giám đốc Ngân hàng Công Thương Ba Đình         |
| 4/2003 – nay      | Phó Tổng giám đốc NH TMCP Công thương Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng giám đốc VietinBank
- Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Ủy viên HĐQT Công ty CP chuyển mạch tài chính quốc gia Việt Nam (Banknet).

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Số lượng chứng khoán sở hữu: 3.235 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 3.235 cổ phần

- Vợ Vũ Thị Lan Hương sở hữu 3.235 cổ phần

**Họ và tên:** NGUYỄN VĂN THẠNH - Phó Tổng Giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 01/01/1960

**CMND:** 012708469, ngày cấp: 24/5/2004, nơi cấp: Công an Hà Nội

**Nơi sinh:** Vụ Bản, Nam Định

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

**Địa chỉ thường trú:** 38/160 Phố Hào Nam, quận Đống Đa, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:**

**Trình độ văn hóa:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Tiến sĩ Kinh tế

**Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):**

|                   |                                                       |
|-------------------|-------------------------------------------------------|
| 04/1982 – 04/1985 | Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Thị xã Hồng Gai    |
| 05/1985 – 3/1991  | Cán bộ kế toán Ngân hàng Hà Nam Ninh                  |
| 04/1991 – 8/1994  | Phó phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Việt Nam      |
| 09/1994 – 01/1996 | Chánh văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam        |
| 02/1996 – 9/1999  | Trưởng phòng Quản lý tài chính NHCTVN                 |
| 10/1999 – nay     | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |

**Chức vụ công tác hiện nay:**

- Phó tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Ủy viên HĐQT Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP CT VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 2.777 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 6.202 cổ phần

- Vợ Đỗ Thị Kim Thoa sở hữu 6.202 cổ phần

**Họ và tên:** NGUYỄN VĂN DU – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/6/1962

Số CMND: 010311024 ngày cấp: 09/12/2002 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 12A02, Nhà 24T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.394211200

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                |                                                             |
|----------------|-------------------------------------------------------------|
| 3/1986-7/1987  | Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHNN huyện Thanh Trì, Hà Nội |
| 8/1987-02/1991 | Cán bộ Phòng Tín dụng Chi nhánh NHCT Đống Đa                |
| 3/1991-3/1995  | Cán bộ Phòng Kinh tế Đối ngoại NHCTVN                       |
| 4/1995-6/1995  | Phó trưởng Phòng Kinh tế đối ngoại NHCTVN                   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|               |                                                             |
|---------------|-------------------------------------------------------------|
| 7/1995-3/1996 | Quyền Trưởng phòng Khai thác vốn quốc tế NHCTVN             |
| 4/1996-3/2003 | Trưởng phòng Quan hệ đại lý và khai thác vốn quốc tế NHCTVN |
| 4/2003-7/2008 | Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo NHCTVN               |
| 8/2008-Nay    | Phó Tổng giám đốc NHCTVN                                    |

Chức vụ công tác hiện nay:

|              |                                                         |
|--------------|---------------------------------------------------------|
| 5/1997 - nay | Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh Indovina |
| 2004 - nay   | Ủy viên Thường vụ Đảng ủy NHCTVN                        |
| 2007 - nay   | Chủ tịch Công đoàn Trụ sở chính NHCTVN                  |
| 2008 - nay   | Chủ tịch Công đoàn NHCTVN                               |
| 8/2008 - nay | Phó Tổng giám đốc NHCTVN                                |
| 2009 - nay   | Ủy viên Ban chấp hành TW Hiệp hội Kinh doanh Vàng VN    |

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 16.449 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 539 cổ phần

- Anh trai Nguyễn Cao Khánh nắm giữ 539 cổ phần

**Họ và tên:**     **PHẠM ANH TUẤN** - Phó Tổng Giám đốc

**Giới tính:**     Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 09/4/1966

**CMND:** 021744805     **ngày cấp:** 23/02/2006     **nơi cấp:** CA TP HCM

**Nơi sinh:** TP. Hồ Chí Minh

**Quốc tịch:** Việt Nam

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 157/23/2B Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

|                  |                                                                                              |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8/1990-1/1994    | Cán bộ Trung tâm tính toán NH TP Hồ Chí Minh, Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương Việt Nam |
| 02/1994 – 2/1995 | Phó trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II NHCTVN                                  |
| 3/1995 – 9/1997  | Trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II                                             |
| 10/1997 – 4/1999 | Phó phòng TTĐT Sở giao dịch II NHCTVN                                                        |
| 5/1999 – 5/1999  | Phó phòng TTĐT Văn phòng Đại diện                                                            |
| 6/1999 – 7/2008  | Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin NHCTVN                                                |
| 8/2008 đến nay   | Phó Tổng giám đốc NHCTVN                                                                     |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

Số lượng chứng khoán nắm giữ của cá nhân: 55.337 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 3.640 cổ phần

- Vợ Đoàn Thị Thu Hà nắm giữ 3.640 cổ phần

**Họ và tên:** BÙI NHƯ Ý – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nữ

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 15/4/1962

CMND: 011706614 ngày cấp: 25/7/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Bắc, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Nhà 24 Ngõ 81 đường Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

|                  |                                               |
|------------------|-----------------------------------------------|
| 11/1984 - 4/1990 | Cán bộ Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng     |
| 5/1990 - 3/1993  | Cán bộ tín dụng NHCT Hà Nội                   |
| 4/1993 - 4/1995  | Cán bộ tín dụng NHCT Việt Nam                 |
| 05/1985 - 9/1997 | Phó phòng XD&QLDA đầu tư NHCT VN              |
| 10/1997- 10/2003 | Phó phòng QLDA&TDTH NHCT VN                   |
| 11/2003 - 2/2006 | Trưởng phòng Quản lý tín dụng NHCT VN         |
| 3/2006 - 5/2007  | Trưởng phòng Chế độ tín dụng, đầu tư NHCT VN  |
| 06/2007 - 7/2008 | Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn NHCT |
| 8/2008 - đến nay | Phó Tổng Giám đốc NH TMCP CT VN               |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 16.158 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

**Họ và tên:** **VÕ MINH TUẤN** – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/10/1967

CMND: 022835428 ngày cấp: 14/03/2008 nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh

Nơi sinh: Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: 160 Ông Ích Khiêm, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)

Quá trình công tác:

|                   |                                                      |
|-------------------|------------------------------------------------------|
| 01/1990 - 02/1998 | Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHCT chi nhánh TP.HCM |
| 03/1998 - 07/2001 | Phó Phòng Thanh toán Quốc tế NHCT Chi nhánh TP. HCM  |
| 08/2001 - 09/2005 | Trưởng phòng Kế toán tài chính NHCT Chi nhánh TP.HCM |
| 10/2005 - 01/2008 | Phó Giám đốc NHCT Chi nhánh TP.HCM                   |
| 02/2008 - 03/2010 | Giám đốc NHCT Chi nhánh 1 TP.HCM                     |
| 04/2010 - nay     | Phó Tổng Giám đốc NH TMCP CT VN                      |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 5.797 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 2.778 cổ phần

- Vợ Trần Kim Thu nắm giữ 2.778 cổ phần

**Họ và tên:** LÊ ĐỨC THỌ – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/7/1970

CMND: 012942814 ngày cấp: 11/4/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: P108, Nhà C3, Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

|                   |                                                                       |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 11/1991 - 12/1992 | Cán bộ Phòng Kế toán NHCT chi nhánh Vĩnh Phú                          |
| 01/1993 - 03/1995 | Cán bộ Phòng Thông tin điện toán NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú              |
| 04/1995 - 08/1996 | Cán bộ Phòng Tín dụng NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú                         |
| 09/1996 - 12/1996 | Tổ trưởng tổ thẩm định thuộc Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú |
| 01/1997 - 04/2002 | Phó Trưởng Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Phú Thọ                    |
| 05/2002 - 05/2003 | Cán bộ Phòng Tín dụng Trung dài hạn và QL Dự án NHCT VN               |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                   |                                                       |
|-------------------|-------------------------------------------------------|
| 06/2003 - 10/2003 | Phó Trưởng Phòng Cân đối tổng hợp NHCT VN             |
| 11/2003 - 02/2006 | Phó Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp và Đầu tư NHCT VN  |
| 03/2006 - 03/2010 | Trưởng Phòng Đầu tư NHCT VN                           |
| 04/2010 - nay     | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần PCB
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 21.168 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 6.797 cổ phần

- Vợ Trần Thị Minh Vỹ nắm giữ 6.797 cổ phần

**Họ và tên:** NGUYỄN HOÀNG DŨNG – Phó Tổng Giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 10/11/1962

**CMND:** 025261199

**Ngày cấp:** 15/12/2010

**Nơi cấp:** CA TP HCM

**Nơi sinh:** TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Địa chỉ thường trú:** Số 114, Lô E, Chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

**Số điện thoại liên lạc:**

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ kinh tế ngành Kinh doanh tiền tệ

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                     |                                                       |
|---------------------|-------------------------------------------------------|
| 03/1985 – 10/1988   | Cán bộ tín dụng NHNN TX Cà Mau, tỉnh Minh Hải         |
| 10/1988 – 02/1991   | Tổ phó Tổ tín dụng NHCT tỉnh Minh Hải                 |
| 03/1991 – 09/1992   | Phó trưởng phòng Kiểm soát NHCT tỉnh Minh Hải         |
| 10/1992 – 07/1993   | Trợ lý Giám đốc NHCT tỉnh Minh Hải                    |
| 08/1993 – 12/1996   | Trưởng phòng TCHC NHCT tỉnh Minh Hải                  |
| 01/1997 – 10/1998   | Trưởng phòng kinh doanh NHCT Cà Mau                   |
| 11/1998 – 12/2004   | Trưởng phòng giao dịch TPHCM NHCT Cà Mau              |
| 01/2005 – 10/2007   | Phó Giám đốc NHCT Cà Mau                              |
| 10/2007 – 02/2010   | Giám đốc NHCT Cà Mau                                  |
| 02/2010 – 15/3/2011 | Cán bộ quản lý cấp cao NH TMCP CT VN                  |
| 15/3/2011 - nay     | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 24.269 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 1.709 cổ phần

- Vợ Nguyễn Trần Hòa Bình sở hữu 1.709 cổ phần

**Họ và tên:** NGUYỄN HẢI HƯNG – Kế toán trưởng

**Giới tính:** Nam

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 13/12/1972

CMND: 013348377

Ngày cấp: 23/9/2010

Nơi cấp: CA Hà Nội

Nơi sinh: Xã Bạch Đằng Huyện Đông Hưng Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 5A Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0904252732

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                   |                                                      |
|-------------------|------------------------------------------------------|
| 04/1991 – 06/2001 | Nhân viên phòng kế toán NHCT Thái Bình               |
| 07/2001 – 03/2007 | Nhân viên phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam     |
| 04/2007 – 05/2008 | Phó phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam           |
| 06/2008 – 09/2009 | Phó phụ trách phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam |
| 10/2009 – 05/2011 | Trưởng phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam        |
| 01/6/2011 - nay   | Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam   |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 12.404 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 1.617 cổ phần

- Vợ Trần Thanh Phương sở hữu 1.617 cổ phần

## Ban kiểm soát

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Họ và tên:** TRẦN THỊ LỆ NGA - Trưởng Ban kiểm soát

**Giới tính:** Nữ

**Ngày tháng năm sinh:** 07/09/1961

**CMND:** 010479290      **ngày cấp:** 18/06/2001      **nơi cấp:** Hà Nội

**Nơi sinh:** Hà Nội

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Hoàng Diệu, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

**Địa chỉ thường trú:** 150 Tổ 4, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:**

**Trình độ văn hóa:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kinh tế, khoá 11 trường ĐHKT Quốc Dân

**Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):**

|                   |                                                          |
|-------------------|----------------------------------------------------------|
| 1979 - 1983       | Sinh viên trường Cao đẳng Ngân hàng                      |
| 04/1984 - 08/1988 | Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước huyện Gia Lâm         |
| 09/1988 - 04/1994 | Cán bộ Tín dụng Chi nhánh NHCT Chương Dương              |
| 05/1994 - 11/1994 | Phó phòng Kinh doanh chi nhánh NHCT Chương Dương         |
| 12/1994 - 05/2001 | Trưởng phòng Kinh doanh ĐN - NHCT Chương Dương           |
| 06/2001 - 03/2003 | Phó Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương               |
| 04/2003 - 5/2009  | Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương                   |
| 06/2009 – Nay     | Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |

**Chức vụ công tác hiện nay:**

- Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

**Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):** Không

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 27.403 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 430 cổ phần

- Em trai Trần Công Thành nắm giữ: 430 cổ phần

**Họ và tên :** PHAN THỊ QUÝ - Ủy viên Ban kiểm soát

**Giới tính:** Nữ

**Ngày tháng năm sinh:** 24/09/1954

**CMND:** 011090342 **ngày cấp:** 28/10/2008 **nơi cấp:** Hà Nội

**Nơi sinh:** Tỉnh Bắc Giang

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)

**Địa chỉ thường trú:** Phòng 501A, D3 tổ 78, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:**

**Trình độ văn hóa:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Tài chính

**Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):**

|                   |                                                                                      |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 01/1974 - 02/1978 | Sinh viên trường Đại học Tài chính                                                   |
| 02/1978 - 06/1979 | Làm công tác cải tiến quản lý Tài chính của Bộ Tài chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.  |
| 06/1979 - 12/1980 | Giáo viên trường Trung học Ngân hàng miền núi Bắc Thái tại Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên |
| 01/1981 - 07/1994 | Giáo viên trường Trung học Ngân hàng 4 tại Sơn Tây, Hà Tây                           |
| 07/1994 - 08/1998 | Cán bộ Tín dụng tại chi nhánh NHCT Khu vực Ba Đình                                   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                   |                                                                                                              |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 09/1998 - 05/2005 | Cán bộ Tín dụng tại phòng Tín dụng ngắn hạn phòng Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Trụ sở chính NHCTVN |
| 06/2005 - 12/2007 | Kiểm tra viên tại Ban Kiểm tra kiểm soát Nội bộ NHCTVN                                                       |
| 01/2008- 5/2009   | Thành viên Ban Kiểm soát HĐQT – Ngân hàng công thương Việt Nam                                               |
| 06/2009 - Nay     | Ủy viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                                                    |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 8.089 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 1.348 cổ phần

- Con gái Nguyễn Thu Trà nắm giữ 1.348 cổ phần

**Họ và tên:**     **PHẠM THỊ THƠM** - Ủy viên Ban kiểm soát

**Giới tính:**     Nữ

**Ngày tháng năm sinh:** 05/02/1969

**CMND:** 012468828     **ngày cấp:** 10/09/2001     **nơi cấp:** Hà Nội

**Nơi sinh:** Xã Yên Từ - huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Xã Yên Từ - huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình

**Địa chỉ thường trú:** Số nhà 33, ngõ 12, Quang Trung, Đồng Đa, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:**

**Trình độ văn hóa:** 12/12

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

|                   |                                                                                 |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 10/1986 - 10/1990 | Sinh viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội) |
| 03/1991 - 09/2001 | Nhân viên Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hà Nội                                    |
| 10/2001 - 09/2003 | Phó phòng Kế toán Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hà Nội                            |
| 10/2003 - 12/2005 | Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng No&PTNT chi nhánh HN                             |
| 01/2006 -10/2006  | Chuyên viên phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN                            |
| 11/2006 -12/2008  | Phó phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN                                    |
| 01/2009 - nay     | Trưởng phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN                                 |
| 06/2009 - nay     | Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                       |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam
- Trưởng phòng Chế độ Vụ Tài chính – Kế toán NHNN VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

## 12. Tình hình hoạt động tài chính

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VietinBank**

| Chỉ tiêu                      | Năm 2008   | Năm 2009   | Năm 2010   | Quý III/2011 |
|-------------------------------|------------|------------|------------|--------------|
| <b>Quy mô vốn</b>             |            |            |            |              |
| - Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) | 12.336.159 | 12.572.078 | 18.170.363 | 24.313.306   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VietinBank**

| Chỉ tiêu                                             | Năm 2008    | Năm 2009    | Năm 2010    | Quý III/2011 |
|------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|
| - Tổng tài sản Có (triệu đồng)                       | 193.590.357 | 243.785.208 | 367.712.191 | 414.985.844  |
| - Tỷ lệ an toàn vốn Car                              | 12,02%      | 8,46%       | 8,02%       | 9,86%        |
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>                  |             |             |             |              |
| - Số dư huy động vốn (triệu đồng)                    | 174.905.680 | 220.435.795 | 339.699.277 | 354.513.832  |
| - Số dư cho vay (triệu đồng)                         | 118.601.677 | 161.619.376 | 231.434.907 | 269.608.615  |
| - Nợ nhóm 2 (triệu đồng)                             | 3.968.311   | 1.660.011   | 2.399.518   | 3.714.119    |
| - Nợ xấu (triệu đồng)                                | 2.187.345   | 1.000.809   | 1.538.538   | 3.931.686    |
| - Hệ số sử dụng vốn                                  |             |             |             |              |
| + Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân  | 15,70%      | 20,74%      | 22,21%      | 1,11%        |
| + Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân | 1,35%       | 1,54%       | 1,50%       | 19,20%       |
| - Tỷ lệ nợ nhóm 2/ Dư nợ cho vay                     | 3,29%       | 1,02%       | 1,02%       | 1,36%        |
| - Tỷ lệ nợ xấu/ Dư nợ cho vay                        | 1,81%       | 0,61%       | 0,66%       | 0,71%        |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>               |             |             |             |              |
| - Khả năng thanh toán ngay (%) <sup>(*)</sup>        | 25,70%      | 29,27%      | 22,48%      | -            |
| - Khả năng thanh toán chung (%) <sup>(**)</sup>      | 55,90%      | 58,70%      | 33,30%      | -            |

(Nguồn: VietinBank)

$$(*) \text{ Khả năng thanh toán ngay} = \frac{\text{Tài sản Có có thể thanh toán ngay}}{\text{Tài sản Nợ phải thanh toán ngay}}$$

$$(**) \text{ Khả năng thanh toán chung} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn}}{\text{Nguồn vốn dùng để cho vay trung, dài hạn}}$$

## 13. Tài sản

Bảng chỉ tiêu trên cho thấy trong giai đoạn 2008-Quý III/2011, VietinBank đã có sự tăng trưởng cả về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: %

**Bảng 18: Tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank 2008-Quý III/2010**

|                               | 2008  | 2009  | 2010  | Quý III/2011 |
|-------------------------------|-------|-------|-------|--------------|
| % tăng trưởng Vốn Chủ sở hữu  | 15,9% | 1,9%  | 44,5% | 33,8%        |
| % tăng trưởng Tổng tài sản có | 16,5% | 25,9% | 50,8% | 12,9%        |
| % tăng trưởng huy động vốn    | 15,5% | 26,1% | 54,0% | 4,4%         |
| % tăng trưởng dư nợ cho vay   | 18,0% | 36,3% | 43,2% | 16,5%        |

Nguồn: VietinBank

Về quy mô, tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu năm 2007 đạt 88,8%, năm 2008 tăng 15,8%, năm 2010 tăng 24,5%. Tốc độ tăng trưởng tài sản có bình quân hàng năm của VietinBank đạt trên 20%, đặc biệt năm 2010 tăng 51%. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân hàng năm cũng đạt trên 20%. Tỷ lệ an toàn vốn Car đã có sự cải thiện rõ rệt từ 5,18% năm 2006 lên 11,62% năm 2007 và 12,02% năm 2008, năm 2009 là 8,06% và năm 2010 là 8,02%.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay bình quân hàng năm của VietinBank đạt xấp xỉ 25%, trong đó tỷ lệ nợ nhóm 2/Tổng dư nợ cho vay có xu hướng giảm dần từ 5,00% năm 2006 xuống còn 1,19% năm 2007, 3,28 % năm 2008 và 1,02% cho năm 2009 và 2010; tỷ lệ nợ xấu của VietinBank cũng giảm từ 1,4% năm 2006 xuống còn 1,01% năm 2008, 0,61% năm 2009 và năm 2010 là 0,66%. Trong giai đoạn 2006-2010, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu liên tục được cải thiện, tăng đáng kể từ mức 15,7% năm 2008 lên mức 22,2% năm 2010.

## 13.1. Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 19: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010**

| Chỉ tiêu                 | Nguyên giá | Khấu hao  | Giá trị còn lại |
|--------------------------|------------|-----------|-----------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 4.596.080  | 2.389.734 | 2.206.346       |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 19: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010**

| Chỉ tiêu                       | Nguyên giá       | Khấu hao       | Giá trị còn lại  |
|--------------------------------|------------------|----------------|------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc         | 935.184          | 393.548        | 541.636          |
| Máy móc thiết bị               | 2.823.953        | 1.557.481      | 1.266.472        |
| Phương tiện vận chuyển         | 560.530          | 280.850        | 279.680          |
| Tài sản cố định khác           | 276.413          | 157.855        | 118.558          |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b> | <b>1.279.523</b> | <b>188.224</b> | <b>1.091.299</b> |
| Tiền thuê đất                  | 0                | 0              | 0                |
| Quyền sử dụng đất              | 948.365          | 49.133         | 899.232          |
| Phần mềm kế toán               | 319.939          | 135.551        | 184.388          |
| Tài sản vô hình khác           | 11.219           | 3.540          | 7.679            |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2010 VietinBank

## 13.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất VietinBank hiện đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm 31/03/2011 là: 699.679 m<sup>2</sup>, được chi tiết như sau:

**Bảng 20: Tình hình quản lý và sử dụng đất**

| Hình thức sử dụng đất                    | Số vị trí | Diện tích (m2) |
|------------------------------------------|-----------|----------------|
| Đất thuê trả tiền hàng năm               | 279       | 286.143        |
| Đất thuê trả tiền một lần                | 20        | 51.303         |
| Đất giao có thời hạn                     | 53        | 66.888         |
| Đất giao lâu dài                         | 118       | 180.652        |
| Đất có nguồn gốc đất ở dân cư            | 102       | 27.577         |
| Chưa xác định được hình thức sử dụng đất | 43        | 87.116         |

Nguồn: VietinBank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Bảng 21: Một số khu đất chính do VietinBank đang sở hữu**

| <b>Đơn vị quản lý, sử dụng</b> | <b>Địa chỉ</b>                                                  | <b>Diện tích (m2)</b> |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|
| NHCTVN                         | Đất Láng Hòa Lạc                                                | -                     |
| NHCTVN                         | Đất tại Ciputra                                                 | 29.932                |
| NHCTVN                         | Đất Vân Canh                                                    | -                     |
| NHCTVN                         | 108 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.                | 1.023                 |
| NHCTVN                         | 18 Phan Đình Phùng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.                     | 62                    |
| NHCTVN                         | 25 Lý Thường Kiệt                                               | 2.850                 |
| NHCTVN                         | TTĐT tại Huế                                                    | -                     |
| Hoàn Kiếm                      | 35 Hàng Bò, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội                                | 179                   |
| Ba Đình                        | 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.                              | 1.077                 |
| Đống Đa                        | 187 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội                          | 1.167                 |
| Thanh Xuân                     | Khu Nội chính - Thanh Xuân TSC NHCT                             | 1.500                 |
| Chương Dương                   | 32/298 đường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội                   | 4.315                 |
| Bắc Hà Nội                     | 441 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.  | 1.659                 |
| Đông Hà Nội                    | 284 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội. | 1.314                 |
| Hoàng Mai                      | Quyền sử dụng đất đấu giá, tại khu đô Đền Lừ                    | 4.680                 |
| Nam Thăng Long                 | 117A đường Hoàng Quốc Việt.                                     | 887                   |
| Hai Bà Trưng                   | 285 đường Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội.                 | 1.485                 |
| Đông Anh                       | Khối I, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.              | 762                   |
| Tây Hà Nội                     | 72 đường Hồ Tùng Mậu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.                    | 143                   |
| Hải Phòng                      | 36 đường Điện Biên Phủ, Thành phố Hải Phòng.                    | 850                   |
| Tô Hiệu                        | 116 đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.           | 473                   |
| Đồ Sơn                         | 193 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, Hải Phòng                            | 4.305                 |
| Lê Chân                        | 124 Nguyễn Đức Cảnh                                             | 2.871                 |
| Hồng Bàng                      | 90 Trần Quang Khải                                              | 845                   |
| Kiến An                        | 83 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An                                 | 3.149                 |
| Bắc Kạn                        | 15 đường Trường Chinh, Tx Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn                 | 1.297                 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|              |                                                                                                               |        |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| Lào Cai      | Đất Cam Đường                                                                                                 | 3.598  |
| Lào Cai      | 7 Hoàng Liên, P.Cốc Lếu, Lào Cai                                                                              | 885    |
| Cao Bằng     | Đất lô 72&72A tỉnh lộ 18, phường Sông Bằng, tỉnh Cao Bằng                                                     | 263    |
| Cao Bằng     | 64 đường Hoàng Đình Giong, phường Hợp Giang, TX Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng                                       | 1.104  |
| Sơn La       | Ngã tư Nguyễn Lương Bằng phố 3/2 - TP.Sơn La                                                                  | 2.190  |
| Lạng Sơn     | 51 Lê Lợi, P.Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.                                                    | 1.703  |
| Thái Nguyên  | 62 Hoàng Văn Thụ                                                                                              | 1.500  |
| Sông Công    | 1 đường Thắng Lợi, phường Mỏ Chè, TX Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.                                             | 3.316  |
| Lưu Xá       | 656/1đường CMT8, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên.                                                          | 2.087  |
| Phú Thọ      | 1514 Hùng Vương                                                                                               | 2.288  |
| Nam Việt Trì | 806 đại lộ Hùng Vương, P. Thanh Miếu, TP Việt Trì                                                             | 1.342  |
| TX Phú Thọ   | 01 Phú An, phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ                                                                  | 4.951  |
| Vĩnh Phúc    | 4 Ngô Quyền Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                                                               | 4.433  |
| Đền Hùng     | Trụ sở chính tại xã Vân Phú, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                                 | 2.493  |
| Hoà Bình     | 186 đường Cù Chính Lan, phường Phương Lâm, Hoà bình                                                           | 1.042  |
| Phúc Yên     | 4 đường Trần Hưng Đạo, Trung Trắc, TX.Phúc Yên, Vĩnh Phúc                                                     | 1.289  |
| Bình Xuyên   | Trụ sở chính tại thị trấn Hương Canh Bình Xuyên                                                               | 9.600  |
| Quang Minh   | Trụ sở chính tại xứ đồng Mé Tây (Khu công nghiệp Quang Minh) - xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc | 2.160  |
| Bắc Giang    | 45 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang.                                                       | 2.465  |
| Bắc Ninh     | 31 đường Nguyễn Đăng Đạo                                                                                      | 2.225  |
| Tiên Sơn     | Trụ sở chính tại Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh.                                                         | 2.476  |
| KCN Tiên Sơn | Thuê đất và Mua bổ sung sân Tennis                                                                            | 1.063  |
| KCN Tiên Sơn | Trụ sở CN và TT lưu trữ tại xã Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh                                           | 11.455 |
| KCN Tiên Sơn | Trụ sở tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.                                                           | 2.367  |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|               |                                                                                                                       |       |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Quế Võ        | Đất trong khu công nghiệp Quế Võ                                                                                      | 3.000 |
| Quảng Ninh    | 120 Lê Thánh Tông                                                                                                     | 457   |
| Quảng Ninh    | 25/4 TP. Hạ long, Q.Ninh                                                                                              | 1.509 |
| Cẩm Phả       | 376 Trần Phú, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh                                                                          | 2.351 |
| Uông Bí       | 446 Quang Trung, Thị xã Uông Bí                                                                                       | 2.288 |
| Bãi Cháy      | Trụ sở tại đường Hạ Long, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh.                                                              | 1.461 |
| Móng Cái      | 01 Hữu Nghị                                                                                                           | 982   |
| Hà Tây        | 269 đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Tây                                                                                | 1.000 |
| Sông Nhuệ     | 10 Ngô Quyền, Hà Đông, Hà Tây                                                                                         | 1.060 |
| Quang Trung   | 104 đường Trần Phú, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Tây.                                                                          | 574   |
| Láng Hoà Lạc  | 3 khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai - huyện Chương Mỹ - Hà Nội (Hà Tây)                                                 | 594   |
| Láng Hoà Lạc  | Lô A1 - THCT1 Khu đô thị Lê Trọng Tấn - GELEXIMCO                                                                     | 8.053 |
| Hải Dương     | 1 đường Hồng Quang, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương                                                           | 1.781 |
| Hưng Yên      | 1 đường Điện Biên, phường Lê Lợi, Thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp. | 1.257 |
| Mỹ Hào        | Khu đất thuê tại Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào                                                                  | 3.476 |
| Mỹ Hào        | Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Công thương Mỹ Hào, Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào                                    | 630   |
| Nhị Chiểu     | 388, Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương                                                                 | 2.159 |
| KCN Hải Dương | TS CN kiêm kho Đường Đức Minh, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương                                 | 2.960 |
| Thái Bình     | 190 đường Hai Bà Trưng, Thành phố Thái Bình                                                                           | 1.699 |
| Diêm Điền     | Khu 5 Thị trấn Diêm Điền                                                                                              | 383   |
| Nam Định      | 119 đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Nam Định                                                         | 2.927 |
| TP Nam Định   | 01 Máy Tơ, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định                                                                   | 1.012 |
| Hà Nam        | Trụ sở mới tại đường Lê Hoàn (Quốc lộ 1A), phường Quang Trung, Thị xã Phủ Lý                                          | 2.508 |
| Ninh Bình     | Trụ sở chính tại đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 1A), phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình                              | 1.543 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                |                                                                             |       |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------|
| Tam Điệp       | 17 P.Trung Sơn                                                              | 1.579 |
| Tam Điệp       | Trụ sở chính - nhà hát cũ Bắc Sơn                                           | 3.372 |
| Thanh Hoá      | 17 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa                    | 4.661 |
| Sầm Sơn        | Đất, Trung tâm đa chức năng, phường Bắc Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa | 7.603 |
| Sầm Sơn        | Trụ sở chính Phố Tài Lộc Phường trường Sơn                                  | 1.171 |
| Bỉm Sơn        | 169 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn                          | 5.434 |
| Hà Tĩnh        | 82 Phan Đình Phùng, TP Hà Tĩnh                                              | 1.981 |
| Nghệ An        | 7 Nguyễn Sỹ Sách, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh                         | 2.606 |
| Cửa Lò         | 62 đường Bình Minh, TX.Cửa Lò, Nghệ An                                      | 4.900 |
| Bến Thuỷ       | 229 Lê Duẩn                                                                 | 2.468 |
| Bắc Nghệ An    | Trụ sở chính - Xá Quỳnh Vinh, Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An                      | 3.809 |
| Quảng Trị      | 236 H.Vương - Đông Hà Quảng Trị                                             | 1.860 |
| Thừa Thiên Huế | 2 Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, Thành phố Huế                                 | 2.887 |
| Phú Bài        | Khu 8 TT Phú Bài, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế                          | 2.987 |
| Quảng Bình     | 50 Lý Thường Kiệt                                                           | 3.845 |
| Đà Nẵng        | Số 172 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng                                         | 1.959 |
| Quảng Nam      | 22 Phan Bội Châu, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam                                 | 3.198 |
| Hội An         | 4 Hoàng Diệu - Hội An                                                       | 2.001 |
| Ngũ Hành Sơn   | 49 Ngũ Hành Sơn - Tp. Đà Nẵng                                               | 1.497 |
| Liên Chiểu     | 381 Nguyễn lương Bằng, Q.Liên Chiểu. Đà nẵng                                | 5.289 |
| Gia Lai        | 01 Trần Hưng Đạo - Tp. Pleiku - tỉnh Gia Lai                                | 1.252 |
| Đăk Lăk        | 35 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột                      | 3.427 |
| Bình Phước     | 622 Quốc lộ 14 - Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước              | 3.640 |
| Kon Tum        | 92 Trần Phú, phường Thắng Lợi, tỉnh Kontum                                  | 1.013 |
| Quảng Ngãi     | 97 Hùng Vương - P. Trần Hưng Đạo - Tp. Quảng Ngãi                           | 1.339 |
| Bình Định      | 257 Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn                                             | 550   |
| Bình Định      | Lô đất đường Lê Duẩn, P. Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn                       | 2.494 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                |                                                                                                     |       |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Phú Tài        | Trụ sở chính - đường Hùng Vương, phường Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn                               | 508   |
| Phú Yên        | 236 Hùng Vương, phường 7, Tp. Tuy Hoà                                                               | 1.950 |
| Khánh Hoà      | 04 Hoàng Hoa Thám - P. Vạn Thạnh - Tp. Nha Trang                                                    | 1.728 |
| Bình Thuận     | 2 Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP.Phan Thiết                                                 | 2.972 |
| Ninh Thuận     | Đất đền bù giải phóng mặt bằng để XD TSC tại đường 16/4, Xã Mỹ Hải Phan Rang - Ninh Thuận           | 3.482 |
| Lâm Đồng       | 01 Lê Đại Hành - Tp. Đà Lạt                                                                         | 1.042 |
| Bảo Lộc        | 01 đường 28/3, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng                                                        | 933   |
| Bảo Lộc        | 03 đường 28/3, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng                                                        | 757   |
| Di Linh        | 616 Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng                                      | 1.433 |
| Bình Dương     | 330 Đại Lộ Bình Dương - Thị Xã Thủ Dầu Một                                                          | 5.119 |
| Tây Ninh       | 145 đường 30/4 - P.1 - TX Tây Ninh                                                                  | 2.162 |
| Hoà Thành      | 77 (số cũ 154/3) Đường Phạm Văn Đồng, khu phố 2, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | 330   |
| Trảng Bàng     | QL22 ấp An Bình An Tịnh Trảng Bàng Tây Ninh                                                         | 1.330 |
| Đồng Nai       | 77D Hưng Đạo Vương, P. Trung Dũng, TP Biên Hoà                                                      | 1.082 |
| Nhon Trạch     | Đường 25 B, Lô đất tại xã Phú Hội, huyện Nhon Trạch                                                 | 2.583 |
| KCN Biên Hoà   | Trụ sở CN (đang xây dựng) P. Long Bình, Khu đất mặt tiền Xa lộ Hà Nội, Tp. Biên Hòa                 | 6.000 |
| Long An        | 396 Quốc lộ 1,phường 4 Tp Tân An                                                                    | 7.555 |
| Châu Thành     | Đường ĐT 827A Khóm 1, TT Tầm Vu                                                                     | 520   |
| Bến Lức        | 234 Võ Công Tôn,TT Bến Lức, Long An                                                                 | 457   |
| Đồng Tháp      | 87 Nguyễn Huệ - P1- TX Cao Lãnh - Đồng Tháp                                                         | 2.696 |
| Sa Đéc         | 209A Trần Hưng Đạo, TX Sa Đéc, Đồng Tháp                                                            | 2.268 |
| An Giang       | 270 Lý Thái Tổ, Long Xuyên, An Giang                                                                | 1.144 |
| Châu Đốc       | 66 Nguyễn Hữu Cánh - phường Châu Phú A - Châu Đốc                                                   | 80    |
| Châu Đốc       | 68-70 Nguyễn Hữu Cánh, phường Châu Phú A - Châu Đốc                                                 | 176   |
| Tiền Giang     | 15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Mỹ Tho - Tiền Giang                                                         | 2.473 |
| Tây Tiền Giang | 560 Quốc lộ 1A, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang                                                          | 788   |
| Bến Tre        | 142 Nguyễn Đình Chiểu, TX Bến Tre                                                                   | 796   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                              |                                                                       |       |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------|
| Bến Tre                      | Lô đất 05 Đồng Khởi P2 Bến Tre                                        | 628   |
| Vĩnh Long                    | 1C Hoàng Thái HiếuA                                                   | 1.222 |
| Vĩnh Long                    | 1C Hoàng Thái HiếuB (sân sau TSCN)                                    | 724   |
| Cần Thơ                      | 09 Phan Đình Phùng, TP.Cần Thơ                                        | 1.161 |
| Cần Thơ                      | 16,18 Phan Đình Phùng, TP.Cần Thơ                                     | 224   |
| Cần Thơ                      | P5 TX Vị Thanh Đất Hậu Giang xây dựng Trụ sở chi nhánh NHCT Hậu Giang | 3.988 |
| Sóc Trăng                    | 24C Trần Hưng Đạo, khóm 1, P2, TP Sóc Trăng                           | 1.925 |
| Kiên Giang                   | 63 Lê Lợi, TX Rạch Giá, Kiên Giang                                    | 308   |
| Cà Mau                       | 94 Lý Thường Kiệt                                                     | 1.778 |
| Vũng Tàu                     | 10 Trưng Trắc, Tp. Vũng Tàu                                           | 1.182 |
| Bà Rịa                       | 9 Trường Chinh phường Phước Trung - Thị xã Bà Rịa                     | 2.387 |
| SGD II                       | 79 Hàm Nghi, Q.1                                                      | 1.600 |
| KCN Bình Dương               | 148, 20 Độc lập, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An                         | 3.652 |
| KCN Bình Dương               | 149, 20 Độc lập, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An                         | 3.304 |
| CN1 TP HCM                   | 93-95 Hàm Nghi                                                        | 1.167 |
| CN2 TP HCM                   | 222-224 Phan Đình Phùng, Q.4, Tp. HCM                                 | 425   |
| CN3 TP HCM                   | 461-463 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3                                        | 185   |
| CN4 TP HCM                   | 57-59 Bến Vân Đồn P.12, Q.4 TP HCM                                    | 1.650 |
| Văn phòng tại Frankfurt, Đức | Reuterweg, 44, 60323, thành phố Frankfurt am Main, CHLB Đức           | 205   |
| Nam Sài Gòn                  | D1-12 và D1-13 Phú Mỹ Hưng                                            | 222   |
| Nhà Bè                       | KCN Hiệp Phước                                                        | 4.593 |
| CN5 TP HCM                   | 218 Trần Hưng Đạo Quận 5 TP.HCM                                       | 426   |
| CN6 TP HCM                   | 76-79-80 Tháp Mười                                                    | 239   |
| Bình Tân                     | Lô 20 đường Song Hành, khu Công nghiệp Tân Tạo, TP.HCM                | 3.083 |
| CN7 TP HCM                   | 346 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh                                       | 878   |
| CN7 TP HCM                   | 348 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh                                       | 56    |
| CN7 TP HCM                   | 350 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh                                       | 131   |
| CN8 TP HCM                   | 196-202 Hưng Phú, Quận 8, TP.HCM                                      | 579   |
| CN8 TP HCM                   | Khu đất số 1073 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8                       | 863   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

|                               |                                                               |       |
|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------|
| CN9 TP HCM                    | 01 Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp, TP.HCM                           | 1.058 |
| CN9 TP HCM                    | 34/A Ng. ánh Thủ, Q12                                         | 193   |
| CN9 TP HCM                    | 40/27 Phan Huy Ich                                            | 200   |
| CN10 TP HCM                   | 530, 532 Lê Hồng Phong, P.1, Q.10                             | 216   |
| CN11 TP HCM                   | 1445-1449 đường 3/2, Q.11, TP.HCM                             | 286   |
| CN12 TP HCM                   | 366 Trường Chinh, Q. Tân Bình, TP.HCM                         | 2.525 |
| Tân Bình                      | 35 Nguyễn Văn Bá, KP 3, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức                 | 1.715 |
| Tân Bình                      | 39 Lý Thường Kiệt, Q. Tân Bình, TP.HCM                        | 162   |
| Thủ Đức                       | 01 Võ Văn Ngân - Q.Thủ Đức - TP.HCM                           | 390   |
| Trà Vinh                      | 15 Điện Biên Phủ - TX Trà Vinh                                | 665   |
| Trường Đào tạo & PTNNL        | 133 đường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.                       | 918   |
| Trung tâm Công nghệ Thông tin | 46A Tăng Bạt Hổ, Hà Nội.                                      | 300   |
| Trung tâm Công nghệ Thông tin | 75-79 Châu Văn Liêm, P.14, Q.5, TP HCM                        | 418   |
| Cty Khai thác tài sản         | Trụ sở chính tại 76 Nguyễn Văn Cừ, Q.1                        | 356   |
| Cty Cho thuê Tài chính        | 153 Hàm Nghi, quận 1, Tp. HCM                                 | 81    |
| Cty Cho thuê Tài chính        | 16 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội.                          | 486   |
| VP đại diện TP HCM            | 112 Nguyễn Thị Minh Khai                                      | 341   |
| VP đại diện miền Trung        | 36 Trần Quốc Toản - P. Hải Châu 1 - Q. Hải Châu - Tp. Đà Nẵng | 1.404 |

Nguồn: VietinBank

Ghi chú: Các vị trí chưa có diện tích do chưa đo đạc cụ thể.

## 14. Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam

### 14.1. Mục tiêu chiến lược tổng thể:

Xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, hiệu quả và chủ lực của nền kinh tế, xếp hạng tiên tiến trong khu vực: đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; Quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 14.2. Mục tiêu chiến lược cụ thể:

### Chiến lược Tài sản và Vốn

- Tăng quy mô tài sản hàng năm trung bình 20-22%;
- Tiếp tục đẩy nhanh lộ trình cổ phần hoá để tăng vốn chủ sở hữu, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và phát triển trong thời gian tới, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn;
- Đa dạng hóa cơ cấu sở hữu theo nguyên tắc Nhà nước sở hữu 51% trở lên, thu hút cổ đông chiến lược có uy tín trong và ngoài nước theo kế hoạch phê duyệt cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ.

### Chiến lược Tín dụng và đầu tư

- Tín dụng là hoạt động kinh doanh chủ lực, cạnh tranh theo nguyên tắc thị trường;
- Điều chỉnh cơ cấu tín dụng hợp lý, phù hợp với thể mạnh của VietinBank;
- Tăng cường rủi ro tín dụng, bảo đảm nợ xấu dưới 3%;
- Đa dạng hóa các hoạt động đầu tư tín dụng trên thị trường tài chính, giữ vai trò định hướng trong thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và quản lý thanh khoản của ngân hàng.

### Chiến lược dịch vụ

- Phát triển đa dạng các dịch vụ ngân hàng thu phí, xác định nhóm dịch vụ mũi nhọn để tập trung phát triển;
- Dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để phát triển dịch vụ, lấy mức độ thỏa mãn nhu cầu khách hàng là định hướng phát triển.

### Chiến lược nguồn nhân lực

- Tiêu chuẩn hóa nguồn lực, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực trình độ của cán bộ;
- Hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động và cơ chế trả lương;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và chuyên nghiệp;
- Quán triệt thực hiện Quy chế Nội quy lao động và Văn hoá doanh nghiệp.

### Chiến lược công nghệ

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Coi ứng dụng công nghệ thông tin và yếu tố then chốt, hỗ trợ mọi hoạt động phát triển kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, an toàn, có tính thống nhất - tích hợp - ổn định cao.

Chiến lược bộ máy tổ chức và điều hành

- Điều hành bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp rõ ràng, hợp lý;
- Phát triển và thành lập mới các công ty con theo định hướng cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tài chính ra thị trường;
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, thành lập mới chi nhánh, phát triển mạnh mạng lưới các phòng giao dịch, phủ sóng toàn bộ các tỉnh thành phố trong toàn quốc;
- Phát triển mạnh hệ thống ngân hàng bán lẻ.

## 14.3. Lộ trình thực hiện

*Năm 2011*

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sau cổ phần hoá, thực hiện việc tăng vốn nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của VietinBank:
  - Bán cổ phần tăng vốn cho IFC: 10% vốn điều lệ tăng thêm (đã hoàn thành và chính thức tăng vốn vào ngày 10/3/2011);
  - Chào bán ra công chúng: 20% vốn điều lệ với giá chào bán dự kiến 10.000đ/cp;
  - Bán cổ phần tăng vốn cho Bank of Nova Scotia (BNS): 15% vốn điều lệ tăng thêm;
  - Vay nợ thứ cấp của IFC: khoản vay nợ thứ cấp có giá trị 125 triệu USD (tương đương 2.438 tỷ đồng với tỷ giá 19.500đ/USD);
- Mở văn phòng đại diện, chi nhánh tại một số nước;
- Với sự tham gia góp vốn của các đối tác đầu tư nước ngoài, VietinBank sẽ tăng cường hợp tác phát triển về mặt công nghệ, năng lực quản trị điều hành và quản trị rủi ro. Quản lý vốn theo cơ chế tập trung, áp dụng mô hình định giá điều chuyển vốn khớp ký hạn (FTP) theo thông lệ quốc tế.

*Năm 2012*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

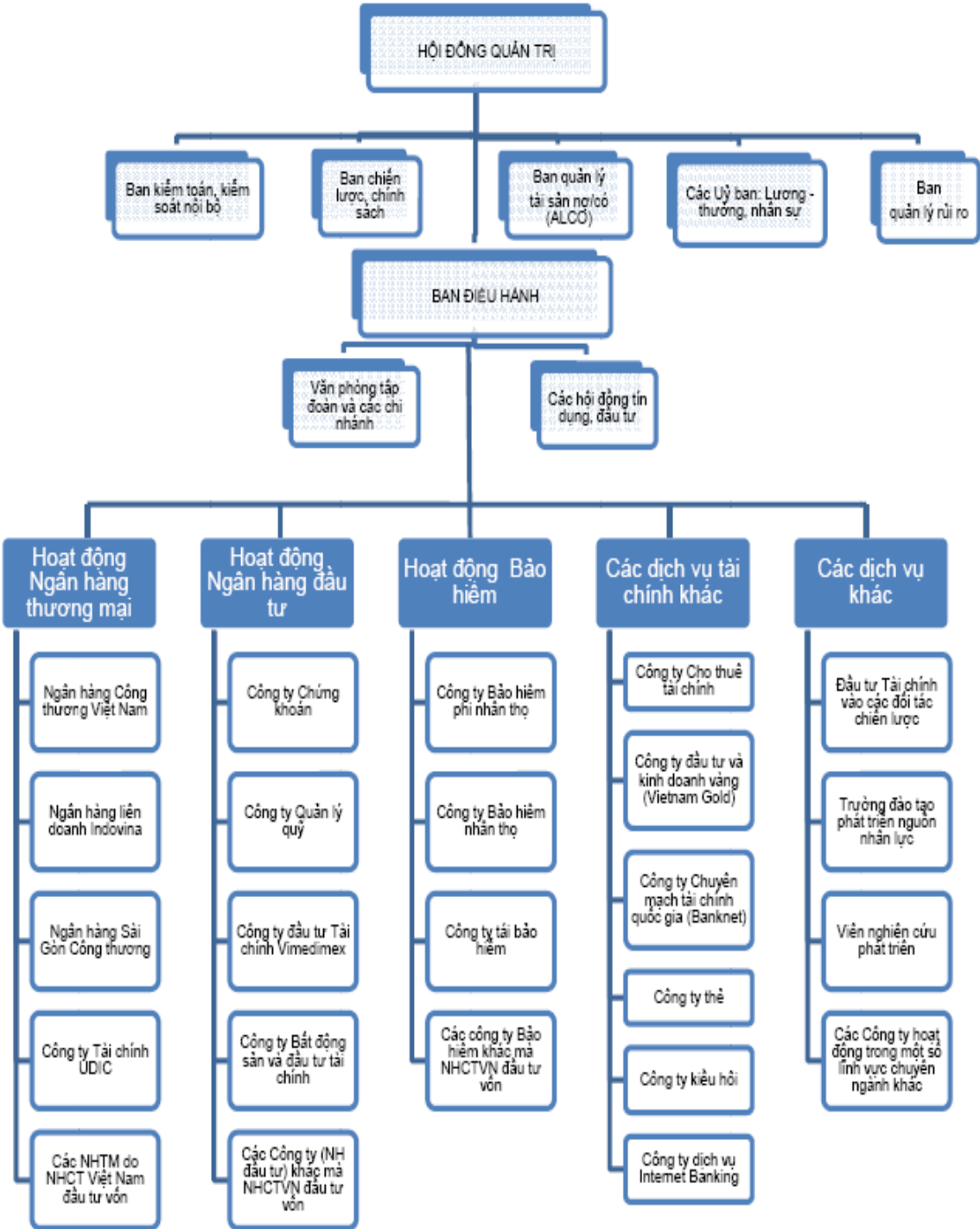
- Tiếp tục triển khai và từng bước hoàn thiện tổ chức Tập đoàn tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam: hoạt động theo mô hình Tập đoàn Tài chính ngân hàng;
- Thực hiện việc chào bán ra công chúng và chia cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư cùng một đợt tăng vốn điều lệ;
- IPO quốc tế và niêm yết quốc tế vào thời điểm thích hợp.

*Từ năm 2013 đến 2015*

Tiếp tục mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động thông qua việc phát triển mạng lưới, thành lập và liên kết thành lập các công ty con kinh doanh trên lĩnh vực tài chính tiền tệ. Phấn đấu trở thành một Tập đoàn Tài chính Ngân hàng mạnh trong khu vực vào năm 2015.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hình 26: MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



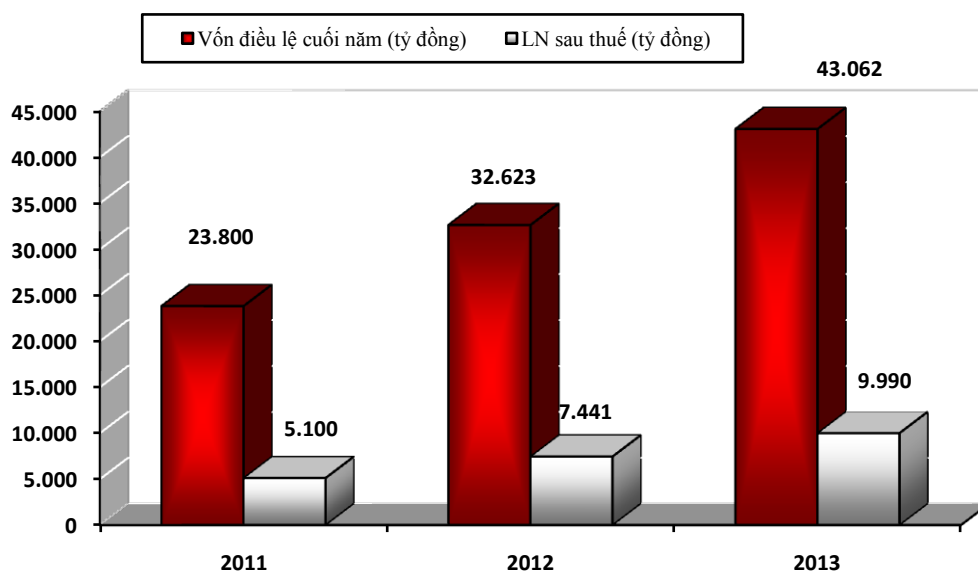
Nguồn: VietinBank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank trong giai đoạn 2011-2013 như sau:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức này được dựa trên những điều kiện thực tế và tình hình mới sau cổ phần hóa

**Hình 27: Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của VietinBank giai đoạn 2011-2013**



*Nguồn: VietinBank*

Đơn vị tính: Triệu đồng

**Bảng 22: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức VietinBank 2011-2013**

| Chỉ tiêu                                          | 2011       |                           | 2012       |                           | 2013       |                           |
|---------------------------------------------------|------------|---------------------------|------------|---------------------------|------------|---------------------------|
|                                                   | Giá trị    | % tăng (giảm) so với 2010 | Giá trị    | % tăng (giảm) so với 2011 | Giá trị    | % tăng (giảm) so với 2012 |
| Vốn điều lệ đầu năm                               | 15.172.291 | 34,83%                    | 23.800.000 | 56,86%                    | 32.622.660 | 37,07%                    |
| Vốn điều lệ cuối năm (**)                         | 23.800.000 | 56,86%                    | 32.622.660 | 37,07%                    | 43.061.911 | 32,00%                    |
| Vốn điều lệ bình quân                             | 19.486.146 | 47,48%                    | 28.211.330 | 44,78%                    | 37.842.286 | 34,14%                    |
| Thu nhập trước dự phòng                           | 8.460.714  | 11,00%                    | 11.339.895 | 34,03%                    | 14.526.406 | 28,10%                    |
| Chi phí dự phòng                                  | -3.360.714 | 11,13%                    | -3.898.428 | 16,00%                    | -4.536.211 | 16,36%                    |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 5.100.000  | 10,92%                    | 7.441.467  | 45,91%                    | 9.990.194  | 34,25%                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)                  | -1.275.000 | 7,71%                     | -1.860.367 | 45,91%                    | -2.497.549 | 34,25%                    |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)                   | 3.825.000  | 12,03%                    | 5.581.100  | 45,91%                    | 7.492.646  | 34,25%                    |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân(%) | 19,63%     |                           | 19,78%     |                           | 19,80%     |                           |
| Tỷ lệ cổ tức (%)                                  | 16%        |                           | 15%        |                           | 15%        |                           |

Nguồn: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

**Ghi chú:** (\*\*) Chi tiết về kế hoạch tăng vốn

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Bảng 23: Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2011-2013                   |            |            |            |
|---------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|
| Khoản mục                                                                 | 2011       | 2012       | 2013       |
| Vốn điều lệ đầu năm                                                       | 15.172.291 | 23.800.000 | 32.622.660 |
| Tăng từ lợi nhuận để lại và các quỹ                                       |            | 5.950.000  |            |
| Phát hành thêm ra công chúng cho cổ đông trong nước và đối tác nước ngoài | 8.627.709  | 2.872.660  | 10.439.251 |
| Vốn điều lệ đến cuối năm                                                  | 23.800.000 | 32.622.660 | 43.061.911 |
| Tỷ lệ sở hữu nhà nước                                                     | 68,26%     | 68,26%     | 51,71%     |
| Tỷ lệ sở hữu cổ đông khác                                                 | 16,74%     | 16,74%     | 28,29%     |
| Tỷ lệ sở hữu cổ đông chiến lược nước ngoài                                | 15,00%     | 15,00%     | 20,00%     |
| Giá trị vốn của nhà nước                                                  | 16.245.880 | 22.268.228 | 22.268.228 |
| Giá trị vốn của cổ đông khác                                              | 3.984.120  | 5.461.033  | 12.181.301 |
| Giá trị vốn của cổ đông chiến lược nước ngoài                             | 3.570.000  | 4.893.399  | 8.612.382  |

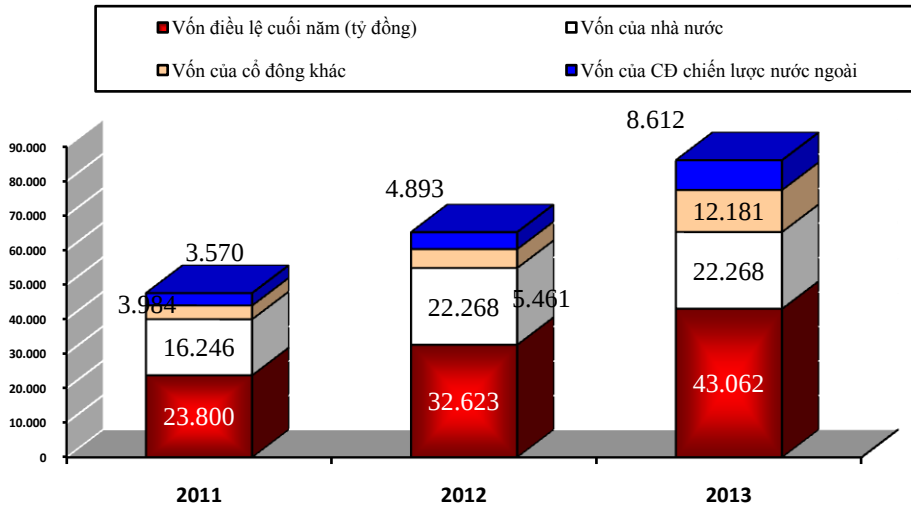
Nguồn: VietinBank

**Tăng từ lợi nhuận để lại và các quỹ:** Năm 2012 VietinBank dự kiến sẽ sử dụng nguồn cổ tức và/ hoặc thặng dư vốn cổ phần để thực hiện tăng vốn điều lệ với tỷ lệ khoảng 25%;

**Tăng từ việc phát hành thêm cổ phiếu:** việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông trong nước và cho đối tác chiến lược nước ngoài theo lộ trình đến năm 2013, tỷ lệ sở hữu của nhà nước sẽ giảm xuống và dự kiến trong tương lai, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nhà nước còn 51%, tỷ lệ sở hữu của cổ đông chiến lược nước ngoài là 20% và tỷ lệ sở hữu của cổ đông khác là 29% .

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**Hình 28: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ VietinBank giai đoạn 2011-2013**



**Bảng 24: Báo cáo thu nhập dự kiến giai đoạn 2011-2013**

| Khoản mục |                                                     | 2010          | 2011          | 2012          | 2013          |
|-----------|-----------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| I         | Lãi và thu nhập từ lãi                              | 31.919        | 35.433        | 47.489        | 60.831        |
| II        | Lãi và chi phí từ lãi                               | -19.830       | -22.013       | -29.503       | -37.792       |
| III       | <b>Lãi và thu nhập lãi ròng (I+II)</b>              | <b>12.089</b> | <b>13.420</b> | <b>17.986</b> | <b>23.039</b> |
|           | Phí, hoa hồng và các khoản thu nhập ngoài lãi ròng  | 1.758         | 1.952         | 2.616         | 3.350         |
|           | Các khoản thu nhập từ hoạt động khác                | 972           | 1.079         | 1.446         | 1.852         |
| IV        | <b>Thu nhập ngoài lãi ròng</b>                      | <b>2.730</b>  | <b>3.031</b>  | <b>4.062</b>  | <b>5.203</b>  |
|           | Chi phí lương và các chi phí cho cán bộ khác        | 4.141         | 4.597         | 6.161         | 7.892         |
|           | Khấu hao và các chi phí hoạt động khác              | 3.056         | 3.392         | 4.547         | 5.824         |
| V         | <b>Tổng chi phí ngoài lãi</b>                       | <b>7.197</b>  | <b>7.989</b>  | <b>10.708</b> | <b>13.716</b> |
| VI        | <b>Thu nhập hoạt động trước dự phòng (III+IV+V)</b> | <b>7.622</b>  | <b>8.461</b>  | <b>11.340</b> | <b>14.526</b> |
| VII       | <b>Chi phí dự phòng</b>                             | <b>-3.204</b> | <b>-3.361</b> | <b>-3.898</b> | <b>-4.536</b> |
| VIII      | <b>Thu nhập trước thuế (VI+VII)</b>                 | <b>4.598</b>  | <b>5.100</b>  | <b>7.441</b>  | <b>9.990</b>  |

*Nguồn: VietinBank*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## **Căn cứ để đạt kế hoạch cổ tức, lợi nhuận trên**

Kế hoạch kinh doanh năm 2011 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua, theo đó lợi nhuận trước thuế dự kiến là 5.100 tỷ đồng. VietinBank quyết tâm sẽ hoàn thành và vượt kế hoạch này.

Trong các năm qua, VietinBank luôn đạt mức tăng trưởng cả về quy mô nguồn vốn cũng như các chỉ tiêu hoạt động, cụ thể:

- Nguồn vốn luôn tăng trưởng qua các năm. Giai đoạn 2007-2009 mức tăng trưởng nguồn vốn bình quân là 18,5%, năm 2010 tổng nguồn vốn huy động tăng 54%, vốn điều lệ tăng 36%.
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2007-2009 đạt khoảng 67%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 63,15%. Lợi nhuận trước thuế của VietinBank năm 2010 tăng 36% so với năm 2009 và vượt 15% kế hoạch ĐHĐCĐ giao.
- Các chỉ tiêu tài chính cũng ngày càng được cải thiện, tỷ lệ an toàn vốn Car tăng từ 5,18% năm 2006 lên 11,62% năm 2007 và đạt 12,02% năm 2008, năm 2009 là 8,46%, năm 2010 là 8,02% và đến 30/9/2011 là 9,86%.
- Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp, trung bình 1,18% trong giai đoạn 2006-2008. Năm 2009, 2010 tỷ lệ nợ xấu là 0.6%.

Với tiềm năng của ngành ngân hàng còn lớn, VietinBank có nhiều cơ hội để phát triển và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trong cả mảng dịch vụ truyền thống và các mảng dịch vụ mới. Kế hoạch thực hiện đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua với các nội dung chính sau đây:

## **Kế hoạch tín dụng**

Năm 2011, các NHTM tiếp tục triển khai theo Nghị Quyết 11/NQ-CP và Chỉ thị 01/CT-NHNN về thực hiện giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội. Trong bối cảnh đó, Vietinbank sẽ thường xuyên phân tích đánh giá khách hàng có nhu cầu vay vốn trên địa bàn, chủ động tìm kiếm phương án, dự án, các khách hàng tốt. Một mặt quan tâm đến phát triển cho vay tiêu dùng, các sản phẩm cho vay đối với Khách hàng cá nhân, mặt khác đẩy mạnh cho vay đối với các chương trình tín dụng mục tiêu của Vietinbank bao gồm: cho vay nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm bảo đúng mục đích, an toàn, hiệu quả, đạt mục tiêu đã đề ra.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## **Đầu tư vào giấy tờ có giá**

Vietinbank tiếp tục đa dạng hóa danh mục đầu tư trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ. Nâng cao chất lượng công tác chấm điểm xếp hạng các định chế tài chính trên thị trường, xác lập hạn mức giao dịch phù hợp, đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư liên ngân hàng. Chủ động phân tích dự báo diễn biến của thị trường tiền tệ để nắm bắt thời cơ kinh doanh giấy tờ có giá trên thị trường mua bán sơ cấp và thứ cấp, giữ vai trò một trong những ngân hàng tạo lập và có ảnh hưởng lớn trên thị trường trái phiếu Việt Nam.

## **Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm hoạt động đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác. Những hoạt động này nằm trong chiến lược phát triển Tập đoàn VietinBank và triển khai theo khả năng tài chính từng năm.

## **Kế hoạch phát triển mạng lưới**

Trong năm 2011, Vietinbank sẽ đánh giá lại hoạt động của toàn bộ các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Điểm giao dịch để có giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh song song với việc tiếp tục nghiên cứu và mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, các khu đô thị, thương mại, khu công nghiệp. Tiếp tục phát triển các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế, mở rộng kinh doanh ra thị trường khu vực và quốc tế. Trong Quý II/2011 dự định sẽ khai trương 2 Chi nhánh tại CHLB Đức, tiến tới tiếp tục mở thêm các Chi nhánh tại Lào và Myanmar.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như công trình Trụ sở chính- Vietinbank Tower, Trụ sở tại 25 Lý Thường Kiệt (Hà Nội), Trụ sở tại 93-95 Hàm Nghi (TP Hồ Chí Minh),... Khẩn trương hoàn thiện các dự án xây dựng, cải tạo trụ sở của Chi nhánh, tạo cơ sở vật chất khang trang để phục vụ khách hàng chu đáo hơn. Trong năm 2011, khánh thành và đưa vào sử dụng trụ sở Trường ĐT&PTNNL tại Vân Canh, triển khai xây dựng Phân viện của Trường tại Huế, hoàn thiện thủ tục của khu đất xây dựng trường tại phía Nam, hoàn tất thủ tục mua trụ sở chuẩn bị cho hoạt động của các Chi nhánh tại Lào và Myanmar.

## **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

## **17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## **18. Giải trình về việc Ngân hàng đã không triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Luật Doanh nghiệp**

Theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 (Đại hội) của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), Đại hội sẽ được tổ chức vào 07h00' ngày 04 tháng 4 năm 2011 tại Khách sạn Melia, số 44B, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tuy nhiên, do có thay đổi trong kế hoạch công việc của VietinBank nên VietinBank chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 04/4/2011.

Ngày 25/3/2011, VietinBank đã có công văn số 275/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và công văn số 276/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc tạm hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 04/4/2011. Đồng thời, VietinBank cũng thông báo việc tạm hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 04/4/2011 đến các cổ đông của VietinBank.

Ngày 25/4/2011, VietinBank đã có công văn số 363/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và công văn số 364/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh về việc xin gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 sau thời điểm 30/4/2011 nhưng không vượt quá thời hạn 30/6/2011.

Ngày 27/4/2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội có công văn số 55/CV-ĐKKD chấp thuận việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của VietinBank được gia hạn không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2010.

Ngày 16/5/2011, VietinBank có Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 gửi các cổ đông của VietinBank. Theo Thông báo này, ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 là ngày 31 tháng 5 năm 2011 tại Khách sạn Melia, số 44B, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

# CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

## V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) đồng/1 cổ phiếu

### 3. Tổng số cổ phần chào bán

Tổng số cổ phần chào bán: **337.162.027 cổ phần** (Ba trăm ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi bảy cổ phần)

### 4. Đối tượng chào bán

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: nhà đầu tư có tên trong danh sách cổ đông của VietinBank tại ngày chốt danh sách cổ đông để nhận quyền mua cổ phần phát hành thêm.

### 5. Giá chào bán

Chào bán **337.162.027 cổ phần** cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20% với giá 10.000/cổ phần (bằng mệnh giá).

### 6. Phương pháp tính giá

Giá chào bán được xác định căn cứ vào giá thị trường niêm yết của cổ phiếu, giá trị nội tại của công ty, số lượng cổ phần chào bán và số lượng vốn cần huy động, bảo đảm lợi ích của cổ đông, phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Thủ tục thông qua giá chào bán thực hiện theo quy định hiện hành.

### 7. Phương thức phân phối

Ngân hàng TMCP Công thương tự thực hiện phân phối cổ phiếu.

### 8. Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến

Ngân hàng sẽ thực hiện đợt chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Dự kiến như sau:

- Công bố báo chí: Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Tổ chức phát hành sẽ công bố Bản thông báo phát hành trên 1 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 3 số liên tiếp.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp, VietinBank gửi thông báo đề nghị tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán, SGDCK TP.HCM phối hợp xác định danh sách sở hữu chứng khoán cuối cùng, ngày giao dịch không hưởng quyền; lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong 10 ngày làm việc.

# CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng Trung tâm lưu ký Chứng khoán phân bổ và thông báo quyền mua đến các thành viên lưu ký và cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.
- Trên cơ sở danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần là 20 ngày.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Quyền mua cổ phần được chuyển nhượng trong vòng 15 ngày. Cổ đông đã lưu ký thực hiện chuyển nhượng thông qua thành viên lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Nếu quá thời hạn trên mà cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phiếu mà không nhận được sự đền bù nào của Ngân hàng.
- Xử lý số cổ phiếu lẻ dôi dư: Trên cơ sở tổng hợp quyền mua của các cổ đông hiện hữu, lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thực hiện xử lý số cổ phần còn dư.

## 9. Đăng ký mua cổ phiếu

Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu thì quyền mua cổ phần (chuyển nhượng quyền mua) được thực hiện tại các công ty chứng khoán mà cổ đông mở tài khoản.

Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì thực hiện quyền mua cổ phiếu (chuyển nhượng quyền mua) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (cổ đông mang theo sổ chứng nhận cổ đông).

## 10. Phương thức thực hiện quyền

Cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ nhận được quyền mua 20 cổ phần mới. Tổng số cổ phần được quyền mua của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A tại ngày chốt cuối cùng để chào bán cổ phần phát hành thêm sở hữu 154 cổ phần thì được nhận  $154 \times 20\% = 30,8$  cổ phần mới, làm tròn xuống hàng đơn vị là 30 cổ phần. Số tiền mà cổ đông phải nộp để mua cổ phiếu là  $30 \times 10.000 = 300.000$  đồng.

Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa một lần.

### *Xử lý cổ phiếu lẻ dôi dư*

Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu và quyền mua cổ phần mà cổ đông từ chối thực hiện sẽ do HĐQT VietinBank quyết định chào bán với các điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.

## 11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ vào Điều 4 Nghị định của Chính phủ số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Tính đến thời điểm ngày 15/3/2010, tổng số lượng cổ phần VietinBank do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 197.488.175 cổ phần, chiếm 11,71% vốn điều lệ.

## 12. Các loại thuế có liên quan

### 12.1. Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Kể từ ngày 01/01/2009, các tổ chức và cá nhân phải nộp thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và được lựa chọn 02 phương pháp tính thuế thu nhập như sau:

#### Cách 1:

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x thuế suất, Trong đó:

- Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Với chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm: phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, chi phí ủy thác chứng khoán và các khoản chi phí khác.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của

# CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

Cách 2:

Đối với các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, áp dụng thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

**12.2. Đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Bảng 25: Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2010 |                                                      |                           |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|
| STT                                              | Chỉ tiêu                                             | 01/01/2010 đến 31/12/2010 |
| 1                                                | Thu nhập chịu thuế TNDN của Hệ thống NHNN            | 4.310.435                 |
|                                                  | Chi phí Thuế TNDN của hệ thống NH theo thuế suất 25% | 1.077.609                 |
|                                                  | Chi phí Thuế TNDN của công ty con                    | 35.169                    |
| 2                                                | Thuế thu nhập trong năm tài chính                    | 1.112.778                 |
| 3                                                | Thuế thu nhập phải trả đầu kỳ                        | 589.191                   |
| 4                                                | Nhận chuyển giao từ doanh nghiệp trước cổ phần hóa   | 0                         |
| 5                                                | Thuế TNDN đã trả trong kỳ                            | (1.096.772)               |
| 6                                                | Thuế TNDN phải trả cuối kỳ                           | 695.576                   |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2010*

**12.3. Các loại thuế khác**

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, VietinBank phải thực hiện nộp các loại thuế khác bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà đất...

**13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

# CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là cổ đông chủ chốt (thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát) bị hạn chế chuyển nhượng (theo quy định của Luật tổ chức tín dụng) khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC) và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC bị hạn chế chuyển nhượng (theo các thoả thuận mua bán cổ phần) khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là cổ đông chiến lược trong nước được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán

## 14. Niêm yết cổ phiếu phát hành và chào bán thêm

Ngân hàng sẽ thực hiện niêm yết toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông ngoài Nhà nước tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông Nhà nước sẽ không được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## 15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Số tài khoản: 12530000294819

Ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô

Địa chỉ: Số 14 – Phố Láng Hạ - Ba Đình – Hà Nội

## VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Phương án phát hành đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua, mục đích chào bán gồm:

Việc tăng vốn điều lệ 2011 là cơ sở quan trọng để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hoá ngân hàng, góp phần thực hiện có hiệu quả các định hướng và kế hoạch kinh doanh, phát triển Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) thành tập đoàn tài chính ngân hàng mạnh, hàng đầu ở Việt Nam, là trụ cột trong hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Hệ số an toàn vốn của VietinBank tại thời điểm 31/12/2010 là 8,02%, thời điểm 30/9/2011 là 9,86%. Theo quy định của NHNN tỷ lệ này phải duy trì ở mức tối thiểu là 9%. Thông lệ thế giới hiện nay, các NHTM mạnh thường duy trì tỷ lệ an toàn vốn từ 12-14%. Để mở rộng quy mô huy động vốn, cho vay, đầu tư và phát triển dịch vụ ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hệ số an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Việt Nam và tiệm cận dần với thông lệ tốt nhất của thế giới thì việc tăng vốn tự có, trong đó có vốn điều lệ, là cần thiết và là công việc phải thực hiện thường xuyên hàng năm.

Căn cứ vào kế hoạch tăng và sử dụng vốn điều lệ, VietinBank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chính của năm 2011 như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

**Bảng 26: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2011**

| STT | Chỉ tiêu                     | Thực hiện<br>2010 | Kế hoạch<br>2011 | Tăng trưởng  |              |
|-----|------------------------------|-------------------|------------------|--------------|--------------|
|     |                              |                   |                  | Tuyệt<br>đối | Tương<br>đối |
| 1   | Tổng Tài sản                 | 367.712           | 441.000          | 73.488       | 20%          |
| 2   | Tổng nguồn vốn huy động      | 339.699           | 408.000          | 84.901       | 20%          |
| 3   | Tổng dư nợ cho vay và đầu tư | 349.084           | 419.000          | 66.100       | 20%          |
| 4   | Tỷ lệ nợ xấu                 | 0,66%             | <3%              |              |              |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế         | 4.598             | 5.100            | 502          | 11%          |
| 6   | Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến    | 17% (*)           | 16%              |              |              |
| 7   | Tỷ lệ ROE                    | 22,2%             | 16%-18%          |              |              |
| 8   | Tỷ lệ ROA                    | 1,25%             | 1,2%             |              |              |
| 9   | Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)      | 8,02%             | ≥9%              |              |              |

(\*) Tính theo thời gian bình quân vốn điều lệ năm 2010

# KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

## VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu dự kiến thu được từ đợt chào bán là 3.371.620.270.000 đồng sẽ được sử dụng để thực hiện kế hoạch kinh doanh, tăng tổng tài sản, tăng trưởng tín dụng, đầu tư vào giấy tờ có giá của Chính phủ, các Tổ chức tài chính, các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn của Việt Nam. Đồng thời VietinBank còn tiếp tục triển khai mạnh các nội dung sau:

- Các dự án đầu tư phát triển công nghệ thông tin;
- Đầu tư mở rộng mạng lưới, tăng cường hoạt động ở các thị trường tài chính nước ngoài (như Cộng hòa Liên bang Đức, Anh, Pháp, Mỹ, một số nước Châu Á như Lào, Myanmar...);
- Hỗ trợ vốn cho các Dự án trọng điểm quốc gia;
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ phát triển, tăng cường năng lực tài chính của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Một số lĩnh vực sử dụng vốn chính gồm:

### **Hoạt động tín dụng: Dự kiến 1.618 tỷ đồng**

Tiếp tục mở rộng hoạt động tín dụng, đầu tư cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn, có phương án/dự án kinh doanh khả thi và hiệu quả, quản lý kinh doanh tốt, bảo đảm khả năng trả nợ cho ngân hàng.

Năm 2011, VietinBank sẽ tiếp tục giải ngân vốn cho các dự án trọng điểm và sẽ tiếp tục giải ngân đối với các doanh nghiệp và dự án có phương án/dự án kinh doanh khả thi và hiệu quả trong năm 2012.

### **Hoạt động đầu tư, liên doanh, góp vốn: Dự kiến 1.012 tỷ đồng**

Tăng cường hoạt động đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá, đầu tư trên thị trường liên ngân hàng, phát triển sản phẩm phái sinh; tiếp tục đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực mà VietinBank có tiềm năng phát triển và mang lại hiệu quả sinh lời cao. Thực hiện chiến lược phát triển VietinBank thành tập đoàn hoạt động đa năng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Năm 2011, VietinBank có kế hoạch đầu tư vốn thành lập công ty chuyên tiền Toàn cầu VietinBank với vốn điều lệ dự kiến ban đầu là 50 tỷ đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011.

Năm 2011 và 2012, VietinBank sẽ tích cực đầu tư trên thị trường liên ngân hàng và các giấy tờ có giá có khả năng sinh lời cao.

### **Mở rộng mạng lưới: Dự kiến 242 tỷ đồng**

# KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Mở rộng quy mô, mạng lưới kinh doanh ở thị trường trong nước và quốc tế. Chiếm lĩnh các khu vực thị trường có nhiều tiềm năng phát triển. Mở văn phòng đại diện, chi nhánh và các hình thức hiện diện thương mại khác ở các nước có nhiều tiềm năng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư với Việt Nam.

Dự kiến trong năm 2011, VietinBank sẽ thành lập chi nhánh tại Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào.

Năm 2012, VietinBank tiếp tục có kế hoạch mở chi nhánh tại Ba Lan và Pháp.

**Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới: Dự kiến 500 tỷ đồng.**

Đầu tư dự án hiện đại hoá, nâng cao năng lực quản trị điều hành; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ; phát triển mạnh các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nhiều tiện ích, cả bán buôn và bán lẻ; tăng tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập.

Dự kiến thực hiện trong năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012.

# CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

#### **CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3974 1865

Fax : 04. 3974 5601

Chi nhánh : 49 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08. 3914 0200

Fax : 08. 3914 0201

### 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

#### **CÔNG TY TNHH ERNST YOUNG VIỆT NAM (E&Y)**

Địa chỉ: 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3831 5100

Fax: 04. 3831 5090

## IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu, Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ phát hành thêm cổ phiếu và các giấy tờ pháp lý liên quan của Công ty
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục VI:** Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2009 và 2010
4. **Phụ lục VII:** Báo cáo tài chính Quý I/2011
5. **Phụ lục VIII:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2011

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ÔNG. PHẠM HUY HÙNG

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC  
ÔNG. NGUYỄN VĂN THẮNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
ÔNG. NGUYỄN HẢI HÙNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  
BÀ. TRẦN THỊ LỆ NGÀ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
ÔNG. VŨ TRUNG THÀNH